

Tản Mạn Chuyện Võ Lâm
Nhiều Tác Giả
Mục Lục
Lời Mở Đầu
Chương 1: Trương Vô Kỵ - Người Ấp Ủ Giác Mơ Thống Nhất Giang Hồ
Bằng Vương Đạo.
Chương 2: Trình Linh Tố - Nhất Phiến Băng Tâm Tại Ngọc Hồ
Chương 3: Đoàn Nam Đế - Lụy Phù Danh
Chương 4: Tiểu Chiêu
Chương 5: Địch Vân - Kẻ Lữ Hành Cô Độc
Chương 6: Nổi Lòng A Tử
Chương 7: Diệt Tuyệt Sư Thái - Quái Tượng Chôn Thiên Môn
Chương 8: Châu Bá Thông - Trăm Năm Còn Vị Thành Niên
Chương 9: Lăng Sương Hoa - Cái Chết Của Nhành Lục Cúc
Chương 10: A Châu
Chương 11: Quách Tương Tiểu Muội
Chương 12: Hoàng Dược Sư - Một Cối Trời Riêng
Chương 13: Viên Tính
Chương 14: Tâm Sự Nghi Lâm - Giọt Lệ Giữa Trang Kinh
Chương 15: Đoàn Dự - Kẻ Phụng Hiến Trong Tình Yêu
Chương 16: Ân Ngũ Liên Tuyệt Kiều
Chương 17: Tiêu Phong
Chương 18: Mạc Đại Tiên Sinh - Cánh Độc Hạc U Hoài
Chương 19: Nhậm Doanh Doanh
Chương 20: Bi Kịch Tạ Tốn
Chương 21: Nhậm Ngã Hành - Cái Tôi Và Bản Lĩnh
Chương 22: Hư Trúc - Nhà Sư Vương ... Mộng
Chương 23: Lệnh Hồ Xung - Chân Dung Gã Tử Đồ Lăng Tử
Chương 24: Giang Nam Tứ Hữu - Thảm Kịch Của Tài Hoa
Chương 25: Du Thản Chi - Thảm Kịch Khúc Phượng Cầu Lạc Diệu!
Thay Lời Kết: Lai Rai Chén Rượu Giang Hồ

Lời Mở Đầu

Cối giang hồ trong tác phẩm Kim Dung có thể được xem như một thế giới thu nhỏ, mà sự tồn tại, vận động và diễn biến của nó, ở một bình diện nào đó đều được phóng chiếu từ những quy luật lịch sử. Tranh bá xưng hùng, mưu toan thống nhất giang hồ, khát vọng làm võ lâm chí tôn. Danh vọng và quyền lực mãi mãi cuốn hút các cao thủ võ lâm vào cơn lốc cuồng bạo của lịch sử.

Thỉnh thoảng có một môn phái lạ nổi lên hoặc một nhân vật tuần kiết đột nhiên quật khởi, làm xáo động giang hồ và đem lại cho võ lâm những trận cuồng phong mới. Từ bối cảnh đó cũng nảy sinh ra ước mơ một giang hồ hết cảnh can qua. Hoặc bằng bạo lực và thủ đoạn. Hoặc bằng chân tâm và bản lĩnh.

Người Trung Hoa thường nhìn lịch sử như một biến cố chuyển động hình sin, cứ tuần hoàn theo chu kỳ: định loạn, ly hợp, tụ tán, thịnh suy. Điều này thường được nhìn rất rõ trong các loại tiểu thuyết chương hồi. Tam Quốc Chí mở đầu bằng đoạn: “Thoạt thuyết thiên hạ đại thể, phân cừu tắc hợp, hợp cừu tắc phân. Chu diệt thất quốc phân tranh, tịnh nhập vu Tần. Cập Tần diệt chi hậu, Sở Hán phân tranh hựu tịnh nhập vu Hán, Hán triều tự Cao Tổ trăm xà nhi khởi nghĩa, nhất thống thiên hạ; hậu lai Quang Vũ trùng hưng truyền chí Hiến Đế, toại phân vi tam quốc”. (Nói về đại thể trong thiên hạ, phân chia lâu tác hợp lại, hợp lại lâu tác phân chia. Cuối đời Chu bảy nước tranh hùng, bị Tần thôn tóm. Sau khi Tần bị diệt, Hán Sở phân tranh, thiên hạ lại về với Hán. Từ khi Hán Cao Tổ chém rắn khởi nghĩa, nhất thống thiên hạ. Đến đời Quang Vũ lại trùng hưng nhà Hán, truyền đến Hiến Đế lại chia thành ba nước).

Lịch sử cứ thế mà diễn tiến. Thống nhất và ly loạn. Chiến tranh và hòa bình. Hai mặt đối lập đó cứ đan xen mãi để thúc đẩy dòng chảy của lịch sử. Thống nhất thiên hạ cũng là ước mơ của bao kẻ hùng tài đại lược có tài kinh bang tái thế, từ cổ chí kim.

Tần Thủy Hoàng bình định sáu nước, mở đầu công cuộc thống nhất Trung Hoa từ khi nhà Chu suy vong. Nhưng máu đổ quá nhiều. Biết bao nhiêu âm mưu thủ đoạn đã diễn ra, biết bao nhiêu xác người đã ngã xuống, biết bao nhiêu chất xám đã tổn hao để dệt nên bức tranh thống nhất đẫm máu cuối thời Chiến Quốc. Lục vương tất, tứ hải nhất (Sáu vua chấm dứt, bốn biển thống nhất – A Phòng cung phú – Đỗ Mục).

Thế là nguy cơ của các quốc gia đối địch không còn, Tất cả mọi binh khí được thu hết, đem nấu để đúc thành chuông đỉnh. Thế là nguy cơ binh khí

không còn. Những tường can qua sẽ vì thế mà chấm dứt vĩnh viễn, thiên hạ sẽ bình yên và nhà Tần sẽ cai trị đến thiên thu. Đâu hay chỉ vài năm sau khi Tần Thủy Hoàng băng hà, thiên hạ lại đại loạn và thuộc về nhà Hán.

Những kẻ hùng tài muốn dùng ý chí để điều khiển sự vận động của lịch sử vẫn không hiểu được rằng có một trật tự kỳ lạ luôn được tái lập giữa sự hỗn loạn. Lịch sử vẫn luôn trôi chảy theo con đường đi của nó và cứ âm thầm tái lập những giá trị giữa những mưu toan hùng bá của con người. Giấc mơ thống nhất châu Âu của Napoléon đã tan theo bọt sóng ngoài khơi đảo Saint Hélène. Viễn tưởng đế chế ngàn năm của Tần Thủy Hoàng đã cháy thành tro trong ngọn lửa đốt cung A Phòng và trong cảnh tan hoang của cửa quan Hàm Cốc.

Người ta mới thấy rằng lịch sử vẫn luôn lớn hơn ý chí và tham vọng của con người. Để thiên hạ thực sự thái bình thì không thể chỉ đơn thuần dựa vào bạo lực để trấn áp tất cả các lực lượng đối nghịch, mà phải có một mẫu người lý tưởng dùng đức để cảm hóa thì mới có thể cứ ung dung “thông tay mà trị yên thiên hạ”.

Truyền thống Trung Hoa cho rằng, chỉ có bậc “thánh nhân” như Nghiêu Thuấn mới làm được điều đó. Nghiêu thì đại từ, Thuấn thì đại hiếu, tấm lòng từ hiếu của họ đã cảm động được cả trời đất, nên dễ dàng cảm động được lòng người. Trang Tử gọi đó là bậc: “nội thánh ngoại vương” (trong có thể làm thánh mà ngoài có thể làm vua).

Sự yên tĩnh trong lịch sử chỉ là sự cân bằng tạm thời của một quả trứng được đặt dựng đứng trên một mặt phẳng nghiêng. Phải mất nhiều công sức mới làm được điều đó, nhưng sự cân bằng đó lại quá mong manh. Chỉ một cơn gió nhẹ là nó sẽ đổ nhào ngay, và tiếp tục lăn lông lốc. Trong suốt dòng chảy của lịch sử Trung Hoa thời phong kiến, người ta vẫn luôn mơ đến một Nghiêu Thuấn với viễn cảnh thiên hạ thống nhất. Đó phải là mẫu người nhân hậu khoan dung và tổng hợp được mọi cái hay, cái giỏi của mọi người khác. Tài phải đủ để thiên hạ bội phục, và đức phải thừa để thiên hạ nghiêng mình.

Vua Thuấn mồ côi mẹ, cha là Cổ Tẩu lấy vợ khác. Mẹ ghẻ cùng em đời sau là Tượng rất hung ác, tìm mọi cách để giết Thuấn. Mẹ ghẻ bắt Thuấn đi cày ở Lịch Sơn, Trời bèn sai voi đến cày, chim đến nhặt cỏ. Mẹ ghẻ sai Thuấn đào giếng rồi lấp giếng, rồng lại đưa Thuấn thoát nạn. Tượng đốt nhà để giết anh, Thuấn vẫn thoát thân. Bị ngược đãi tàn ác, nhưng Thuấn vẫn luôn khoan dung độ lượng tha thứ cho họ. Cuối cùng, tấm lòng đôn hậu đó đã cải hóa được cả hai mẹ con. Vua Nghiêu nghe tiếng bèn nhường ngôi cho Thuấn. Thiên hạ được hưởng thái bình. Nơi nơi đều vang tiếng âu ca.

Chương 1: Trương Vô Kỵ - Người Ấp Ủ Giác Mơ Thống Nhất Giang Hồ Bằng Vương Đạo.

Cha là ngũ hiệp Trương Thuý Sơn, phái Võ Đang, mẹ là “ma nữ” Ân Tố Tố của Thiên Ưng Giáo. Trương Vô Kỵ là đứa con mang hai dòng máu chánh tà, ra đời trong một bối cảnh nghiệt ngã, và số phận đưa đẩy phải đảm nhận vai trò hoá giải hận thù xung đột truyền kiếp giữa Minh giáo với Lục đại môn phái.

Sinh ra trên Băng Hoả đảo, Trương Vô Kỵ có được cái tâm đôn hậu của một “thánh nhân” kiểu vua Thuấn, có lẽ nhờ bẩm thụ được linh khí của trời đất. Về đến Trung Thổ, chứng kiến cảnh cha mẹ bị bức tử, và nhận di ngôn của mẹ là phải báo thù, trái tim trẻ thơ đó có lần thoáng lên ngọn lửa hờn căm, nhưng rồi nó dễ dàng bị dập tắt trong biển lòng nhân hậu.

Trên Quanh Minh đỉnh, Trương Vô Kỵ lần đầu tiên hiển lộ thân thủ, dùng tuyệt thế thần công áp đảo cả hai phe chính tà, cứu nguy cho phe Minh giáo trước sự tấn công của Lục đại môn phái, khiến mọi người đều kinh hãi lẫn thán phục. Lúc đó, dù đối diện với bao kẻ thù, và quá đủ điều kiện để rửa hờn, nhưng chàng thiếu niên Trương Vô Kỵ đã biết xóa bỏ mọi tư thù để xả thân hóa giải tất cả oán cừu giữa hai khối chính tà.

Không có ai bắt buộc, cũng không có động cơ riêng tư nào, mà chỉ đơn thuần vì tiếng gọi của lương tri muốn xóa bỏ mọi hận thù trong chốn giang hồ. Chàng thiếu niên trẻ tuổi đó tự nhiên đảm nhận sứ mệnh đem lại yên bình cho võ lâm. Phe chính giáo chấp nhận ra đi, với tâm trạng hân hoan và lá cờ sáng ngời chính nghĩa. Phe Minh giáo tránh được một thảm họa diệt vong, xung đột nội bộ chấm dứt và tất cả giáo chúng đều đồng tâm tôn Trương Vô Kỵ lên ngôi giáo chủ đời thứ ba mươi bốn.

Đó là hình ảnh ban đầu của “vua Thuấn võ lâm”.

Tại chùa Vạn An, Trương Vô Kỵ cũng không ngần ngại xả thân cứu tất cả các cao thủ của Lục đại môn phái thoát khỏi tháp lửa, trong đó không thiếu những kẻ đã đối xử hiểm độc và thô bỉ với mình. Dĩ đức báo oán, Trương Vô Kỵ đã thực sự chinh phục được cả hai phe chính lẫn tà.

Có lẽ không thể có nhân vật võ lâm nào lý tưởng hơn để thiết kế công cuộc thống nhất võ lâm. Vừa khoan dung nhân hậu, vừa thông thạo y thuật, võ công lại vô địch khi tổng hợp được hai môn tuyệt học của hai phe chính tà: Cửu dương thần công của phái Thiếu Lâm và Càn khôn đại na di của Minh giáo ở mức cao nhất. Thân thể cũng quá đổi đặc biệt: Mang hai dòng máu chính tà, cháu ngoại Bạch Mi Ưng Vương, đồ tôn của Trương Tam Phong, nghĩa tử của Kim Mao Sư Vương. Và điều quan trọng bậc nhất là

Trương Vô Kỵ được cả hai phe chính tà mặc nhiên xem như là minh chủ võ lâm. Một sự tổng hợp quá đổi lý tưởng, quá đổi tham lam và quá đổi cường điệu, chỉ xuất hiện một lần trong mọi tác phẩm võ hiệp.

Cho nên, Trương Vô Kỵ chỉ là cái bóng để Kim Dung thử triển khai ý đồ của mình. Nói chung, đó là hình ảnh của một vua Thuần chồn võ lâm, vừa sành y đạo của Kỳ Bá, vừa thấu triệt Cửu dương thần công lẫn Càn khôn đại na di!

Nhưng hình ảnh lý tưởng đó có đem lại sự thành công như mong đợi hay không?

Mọi mưu toan thống nhất giang hồ bằng thủ đoạn bá đạo như Tả Lãnh Thiên, Nhạc Bất Quần hoặc Nhậm Ngũ Hành đều đưa đến kết cục bi thảm cho kẻ thủ ác lẫn nạn nhân. Tả Lãnh Thiên bỏ thân giữa đám loạn kiếm trong thạch động. Nhậm Ngũ Hành bỏ mạng vì Hấp Tinh đại pháp, môn võ công bá đạo mà ông ta dùng làm phương tiện để xưng bá giang hồ. Nhạc Bất Quần trở thành một quái tượng sinh lý như Đông Phương Bất Bại.

Nhưng nếu từ bỏ con đường bá đạo để thống nhất giang hồ bằng con đường vương đạo như Trương Vô Kỵ cũng không thể thành công. Đó chỉ là giấc mơ ngàn đời của bao thế hệ phương Đông. Bởi lẽ, chắc gì Nghiêu Thuấn đã có thật, và cái xã hội “thời thái bình của thường bỏ ngõ” (Nguyễn Công Trứ) cũng chỉ là một “vùng đất hứa” muôn thuở của con người.

Mạnh Tử suốt đời giơ roi để thuyết phục các vị vua đương thời trị nước theo vương đạo, nên đành chấp nhận thất bại. Tần Thủy Hoàng biết dùng tư tưởng pháp gia bá đạo của Hàn Phi Tử nên đã thành công.

Đó là lịch sử.

Con người đôn hậu Trương Vô Kỵ đó hoàn toàn không có thủ đoạn và tham vọng chính trị nên dễ dàng sa bẫy Chu Nguyên Chương.

Tên gian hùng này bày việc giết Hàn Lâm Nhi với bọn Tử Đạt và Thường Ngô Xuân, nhưng lại âm thầm bố trí bối cảnh để Trương Vô Kỵ nghe lầm là hai vị đại ca kết nghĩa của mình đang mưu toan cùng Chu Nguyên Chương ám hại mình để mưu cầu công danh phú quý. Chỉ ngần đó cũng đủ để con người Trương Vô Kỵ trọng nghĩa quý tình kia ngán ngấm cuộc “tranh bá đồ vương” để âm thầm mang Triệu Mẫn ra đi, nhường sân khấu chính trị lại cho tên gian hùng Chu Nguyên Chương dựng nên triều Minh.

Một phần dòng chảy giang hồ hòa nhập vào dòng chảy của lịch sử và tan biến trong đó. Phần khác vẫn cứ âm thầm trôi theo chu kỳ muôn thuở. Trong dòng chảy đó, sẽ tiếp tục có những Trương Vô Kỵ, ngày ngày kẻ lông mày cho hiện thế để giấc mơ “thống nhất giang hồ” của Kim Dung chìm trong ánh

mất hồ thu của giai nhân, sẽ tiếp tục có những Vi Tiểu Bảo lưu manh nhưng nghĩa hiệp, cũng như sẽ tiếp tục có những lãng tử Lệnh Hồ Xung đáng yêu bên cạnh những Nghi Lâm vương lụy. Và còn mãi những mưu toan dùng thủ đoạn cùng bạo lực để thống trị võ lâm đan xen với những hoài bão thống nhất giang hồ bằng con đường vương đạo.

Cái nào sẽ thắng? Câu hỏi sẽ được bỏ lửng. Nhưng lịch sử giang hồ vẫn tiếp tục dòng chảy trong tác phẩm Kim Dung, dù Kim Dung đã ngừng bút từ lâu.

Chương 2: Trình Linh Tố - Nhất Phiến Băng Tâm Tại Ngọc Hồ

Trên đồng đồ nát, bụi mù cuốn đi những dấu vết cuối cùng của thành Troy kiêu ngạo sừng sững phương Đông, vì người con gái đẹp nhất cõi đời Hélène mà tan thành cát bụi sau cuộc chiến vô nghĩa suốt mười năm ròng rã. Cô Tô đài trong đồng tro tàn vẫn luyến lưu gót ngọc Tây Thi, những bước đi tha thướt tưởng chừng vô lực lại kéo theo sự sụp đổ của một vương triều. Giang sơn Đại Đường nghiêng ngả, Mã Ngôi pha chôn vùi cảnh hoa tươi thắm, sương móc đọng mùi hương “Nhất chi hồng diễm lệ ngưng hương”(2) Dương Quý Phi để Trường hận ca vang vọng mãi chốn nhân gian.

Hóa công ưu ái tặng thêm linh khí cho những đóa hoa tươi thắm tạo ra tuyệt sắc mỹ nhân để làm công cụ đắc lực cho cuộc bày phá của mình hay để cười nhạo sự si mê của con người?

Dù thế nhân có lạnh lòng gán cho mỹ nhân tiếng chua cay “Hồng nhan họa thủy”, cái đẹp muôn đời vẫn được phụng hiến và tôn thờ trong nhạc họa thi ca.

Dòng lịch sử tiếp tục tuôn chảy, cuốn theo nó bao nhiêu định kiến, thị phi của con người để lấy lại công bằng cho giai nhân, để tội lỗi trả về cho những kẻ say hương đắm sắc. Dáng kiêu thấp thoáng dệt nên màn sương khói lung linh, tô thêm muôn phần diễm lệ cho bao tác phẩm bất hủ xưa nay.

Tiểu thuyết võ hiệp kỳ tình cuốn hút người đọc bởi bên những chén rượu nồng say khướt không thôi, võ công quán tuyệt thiên thu, hào khí ngất trời, còn bao bóng hồng kiều mỹ.

Sự xuất hiện của mỗi giai nhân trong tác phẩm Kim Dung đều khiến ta phải xao xuyến ngẩn ngơ. Vương Ngũ Yên diễm lệ vô song như ngọc tượng cho anh đồ gàn Đoàn Dự hồn xiêu phách tán. Hoàng Dung cởi bỏ lớp áo ăn mày, xinh tươi khôn tả khiến chàng khờ Quách Tĩnh chấn động tâm thần. Nhan sắc mỹ miều của Triệu Mẫn, tú lệ của Chu Chỉ Nhược, rạng rỡ của Tiểu Chiêu đẩy Trương Vô Kỵ khốn quẫn trong vòng vây tình ái. Tiểu Long Nữ thanh thoát lướt đi với tà áo trắng tung bay trong gió, đóa hoa thiên giới hương thơm vượt lên mọi cỏ cây trần tục ấy đã xóa nhòa hết thấy khái niệm giai nhân trong kim cổ...

Ôi, rừng hoa sắc nước hương trời mới muôn màu muôn vẻ biết chừng nào!

Chỉ đến “Phi hồ ngoại truyện”, ta mới bắt gặp một nhân vật nữ không có dung nhan xinh đẹp. Ấn tượng đầu tiên của bạn đọc về Trình Linh Tố chỉ là một cô bé da dẻ vàng vọt, còm cõi, ốm yếu, mãi mê chăm sóc vườn hoa. Hẳn Kim Dung cảm thấy như vậy thật bất công nên dù không tặng nàng nụ cười

hàm tiếu, chân dung của Trình Linh Tố vẫn được đếm tô bởi khóe mắt thu ba.

Ly tao – Bùi Giáng

Nàng tựa hồ đoá cúc đại hương thơm nhẹ nhàng tỏa khắp Động Đình Hồ. Dù màu trắng thơ ngây có bị sắc màu rực rỡ của bao loài hoa đẹp khác lấn át, đoá cúc vẫn hài lòng với những gì tạo hóa ban cho, mãn nguyện xòe tung bộ áo như vàng thái dương thu nhỏ quanh mình.

Tại vườn hoa, gánh nước giúp nàng thôn nữ, Hồ Phi không biết mình vô tình khiến trái tim Trình Linh Tố rung lên những cung bậc đầu tiên của ái tình kỳ diệu. Ngay khi trao cho chàng đoá hoa Thất tâm hải đường, sợi tơ mỏng manh nhưng bền chắc của Nguyệt lão vĩnh viễn cột chặt Trình Linh Tố vào mối tình vô vọng đơn phương.

Phải đâu Hồ Phi vì dung nhan Trình Linh Tố không sánh được với Viên Tử Y mà không yêu nàng. Hồ Phi chẳng là hạng phàm phu tục tử chỉ biết đánh giá con người qua nhan sắc, huống chi chàng đã nghiêng mình thán phục trước sự thông minh tinh tế của nàng đệ tử Độc thủ dục vương. Nếu đem mấy chữ “trọng sắc khinh hương” gói trọn tâm linh Hồ Phi há chẳng phải quá bất công? Trái tim chàng không thể chứa thêm ai bởi vì trước mắt chỉ phất phơ bóng hình tà áo tím. Con ngọc phụng Viên Yên Tử để lại có khác chi vết sẹo Ân Ly mang theo từ thuở thiếu thời?

Vết thương đã liền da mà trong trái tim dạt dào một biển yêu thương, phụng hoàng tưởng vô tri lại chở theo đôi cánh ngọc một trời thương nhớ. Bên cạnh Nhậm Doanh Doanh dung nhan tuyệt tục, hết lòng yêu thương, Lệnh Hồ Xung vẫn quay quắt đón đau, nhất dạ chung tình với Nhạc Linh San sư muội. Ân Ly ngoảnh mặt đi với Tăng A Ngưu Trương Vô Kỵ để tìm kiếm vô vọng bóng hình cậu bé bướng bình ngày xưa.

Mối tình đầu tuyệt đích đã khiến con tim si mê, cố chấp đến nhường thế sao nữ trách Hồ Phi không đáp lại tình yêu của Trình Linh Tố?

Sau này, Hồ Phi một lần nữa trái tim rung động trước người con gái của kẻ thù không đội trời chung Miêu Nhân Phương. Khác với mối tình đầu ngọt ngào nhưng kết thúc trong dang dở dành cho Tử Y, cảm xúc của Hồ Phi đối với Miêu Nhược Lan hẳn giống như một con thuyền bôn ba qua bao sóng to gió lớn chợt nhìn thấy một bến đỗ bình yên và muốn ngừng lại nương náu.

Ngọn khói bốc lên từ mái nhà thấp thoáng, sưởi ấm cõi lòng người lữ khách dày dạn phong sương, mỗi mắt ngóng trông nơi cố quận. Giọng hát trầm thiết ân tình của Miêu Nhược Lan khiến trái tim của kẻ hành tẩu giang hồ độc vãng độc lai ngân lên những giai điệu hạnh phúc tưởng đã xa vời.

Trước người con gái mỏng mai như khói, dịu dàng như cảnh liễu nương

mình theo gió, có người đàn ông nào lại không động lòng, lại không muốn che chở yêu thương?

Trong ba tri kỷ bên cạnh Hồ Phi, Trình Linh Tố chưa bao giờ hưởng được mật ngọt tình yêu bởi chàng vĩnh viễn dành cho nàng tình thương trọn vẹn của người anh đối với cô em gái bé bỏng. Trình Linh Tố vẫn lặng lẽ chấp nhận đóng trọn vai “Nhị muội”, giấu đi tiếng lòng thổn thức không nguôi để kề cận người yêu dấu, hoan hỉ chấp nhận tất cả để ngày ngày cùng chàng hành tẩu giang hồ.

Trình Linh Tố không xinh đẹp nhưng tính cách tựa hồ không tỳ vết, khí chất cao nhấ ấy trên đời liệu đã có mấy ai? Thông minh, cơ trí nhưng không kiêu ngạo, tính toán. Dụng độc thuần thực mà chẳng tàn ác nhẫn tâm. Sắc sảo, khôn ngoan vẫn mềm yếu, dịu dàng. Nếu người đọc chỉ vì dung mạo không cuốn hút mà quay lưng lại với nhân vật Trình Linh Tố há chẳng phải vô tình lắm ru?

Suy nghĩ của Trình Linh Tố như chiếc hộp khóa chặt, mọi hành động đều lặng lẽ, không khoa trương, nhưng sắp đặt vô cùng chu đáo, nghiêm mật. Cả khu vườn Thất tâm hải đường bị sói lang phá hỏng, Trình Linh Tố vẫn thản nhiên. Ba vị sư huynh sư tỷ hèn hạ ích kỷ, chỉ nghĩ đến pho Dược vương thần biên mà không quan hoài đến cái chết của sư phụ, nàng khôn ngoan giáo huấn. Nàng vừa trị độc cho Tiểu Thiết bằng phương pháp lạ kỳ vừa giúp tên thợ rèn Vương Thiết Trương trả được mối thâm thù. Mọi việc tưởng chừng như nắm gọn trong lòng bàn tay, mặc ý nàng sắp đặt, đùa bỡn, đưa người đọc đi hết bất ngờ này sang thú vị khác. Tư chất thông minh, Trình Linh Tố kế thừa toàn bộ kiến thức của Độc Thủ dược vương Tăng Vô Sân chữa bệnh cứu người.

Dụng độc tài tình, nàng nghĩ ra bao thủ pháp độc khéo léo khiến không ai đoán trước được mà đề phòng hay né tránh. Kề vai sát cánh bên Hồ Phi, nhiều phen ra tử vào sinh, không biết bao lần cứu chàng ra khỏi tử huyệt. Sự hiện diện của Trình Linh Tố tạo cho ta một sự an tâm kỳ lạ, có sự cơ trí của nàng hẳn Hồ Phi sẽ chẳng lúc nào bị dồn vào ngõ cụt.

Trong trang phục mới, đỏ mặt khi nghe Hồ Phi trêu mình giống như nương tử, trông thấy ngọc phụng sinh ra mối ghen tuông, hờn giận vu vơ... Trình Linh Tố giữ vẹn nguyên tính cách ngây thơ của người thiếu nữ.

Phải chăng Kim Dung sợ rằng nếu ưu ái thêm nhan sắc diễm tuyệt, Trình Linh Tố sẽ trở thành con người quá hoàn hảo?

Bánh xe số phận vẫn vô tình lăn những vòng quay nghiệt ngã nghiền nát hạnh phúc nhỏ nhoi của con người. Người con gái đáng yêu dù thông minh

đến mấy cũng đành cúi đầu khuất phục trước số mệnh tàn nhẫn. Đứng trước mọi sự lựa chọn, kiều nữ đành phải dành lấy phần thiệt về bản thân mình, như A Châu ra đi tức tưởi, như Tiểu Chiêu ngậm ngùi gặt lệ đến xứ sở Ba Tư, như Kỷ Hiểu Phù chấp nhận cái chết, bất phục mệnh lệnh tôn sư, như Công Tôn Lục Ngạc đỡ cho Dương Quá nhất dao trí mạng...

Hồ Phỉ vì muốn cứu mạng của Trình Linh Tố khỏi bàn tay tàn ác của Thạch Vạn Sơn không ngại lãnh lấy ba thứ độc dược đầu thiên hạ, nàng sao đành đoạn nhìn người mình yêu thương nhất ra đi? Chết độc các lang y trên thế gian lắc đầu bất lực nay đã tìm ra thuốc chữa bởi cuối cùng đã có một người dám hy sinh tính mệnh cho bệnh nhân. Hành động của Trình Linh Tố bí hiểm khiến người ta khó đoán cũng như tình yêu của nàng hết dòng sông ít ai hiểu nông sâu.

Chỉ đến khi nàng kề môi hút độc trên tay Hồ Phỉ, người ta mới vỡ lẽ dòng sông ấy hóa ra mệnh mỏng như biển. Chết độc ngấm vào cơ thể cũng chính là lúc nàng đặt chân lên bến bờ tình yêu đích thực sau cuộc lữ hành ngăn ngui chốn trần gian.

Thanh Thạch Kiều ra tay ngộ sát, Tiêu Phong ôm xác A Châu gào khóc trong trận mưa phủ nhòa thân thể, nỗi khổ đau vô hạn tưởng ta tác đất trời. Trong miếu hoang, thuốc giải chưa tan, Hồ Phỉ bất lực bên xác Trình Linh Tố giữa màn đêm u tối, niềm thê lương cực điểm đến tái tê cây cỏ.

Thời gian chậm rãi rơi từng giọt thánh thót, ngọn nến Thất tâm hải đường leo lắt cháy, dường nhỏ lệ khôn nguôi xót thương người thiếu nữ đốt cháy sinh mệnh hiến dâng cho mối tình đầu. Trình Linh Tố thanh thản ra đi nhưng vẫn lo lắng chu toàn cho ý trung nhân, một lần nữa cứu chàng thoát khỏi bàn tay hung dữ của Độc thủ thần kiêu. Mối tình đắm thắm của nàng có khác chi con tằm đến chết mà tơ tình vẫn còn vương vấn, ngọn nến kia tàn rồi lệ đã hằn khô chưa?

Vô đề - Lý Thương Ân

(Mùa xuân con tằm rút mãi đường tơ đến khi ruột tằm khô héo, ngọn nến cứ rỏ mãi bao nhiêu hàng lệ đến bao giờ nến cạn thành tro thì dòng lệ mới khô)

Viên Tử Y nhúng chân vào vũng bùn tục lụy, vì lời trọng thệ đành dứt bỏ tơ tình. Hóa công thật khéo trêu người, đẩy những người trong cõi thanh tu vào mê cung lẫn lộn của tình duyên luyến ái. Mối tình của Viên Tử Y thiết tha, da diết chứ không man mác “hồn bướm mơ tiên” như Nghi Lâm, cô tiêu ni đáng yêu ngày ngày ở phái Hằng Sơn cầu nguyện cho Lệnh Hồ đại ca và người chàng yêu hạnh phúc.

Nàng và Hồ Phi trải qua biết bao nhiêu kỷ niệm ngọt ngào cùng cay đắng, trái tim nàng đã giương cờ trắng nhưng lý trí không dám quy hàng. Tử Y không đủ can đảm vì chàng mà rũ bỏ lớp áo ni cô dù một khi vướng vào lớp bụi trần ai, áo kia khó lòng thanh sạch như ngày trước. Đến khi biết sự hy sinh không oán than của Trình Linh Tố, Tử Y chỉ biết ngậm ngùi thương cảm và tự trách mình không thể bằng nàng.

Vẻ đẹp sáng trong thanh nhã của Miêu Nhược Lan làm mọi người choáng ngợp nhưng dần dần tính cách mờ nhạt khiến ta nhầm chán, và sinh lòng hoài cảm Trình Linh Tố. Thế giới nội tâm của Trình Linh Tố đến lúc ra đi không ai hiểu hết, độc giả thán phục sự thông minh, dũng cảm, thích thú trước mưu mẹo khôn ngoan để bảo vệ ý trung nhân, thương cảm cho tình yêu đơn phương tuyệt vọng và xót xa cùng cực vì cái chết nhẹ tựa lông hồng.

Một chiếc áo thêu rồng đính ngọc, ai nhìn cũng thích nhưng có làm ấm áp lòng người, có giúp người ta qua được cái giá rét của mùa đông như áo bông giản dị đơn sơ?

Sự hy sinh của Trình Linh Tố gần với Công Tôn Lục Ngạn biết mấy! Một đoá cúc trắng trong, một đài hoa xanh biếc, hỡi ôi, hy sinh cho người yêu dấu mà nhụy nát hương tàn, Lục Ngạn lớn lên trong thế giới khắc nghiệt chốn Tuyệt Tình cốc, chịu đựng sự nhần tâm, độc ác của người cha, trái tim vĩnh viễn trong suốt như pha lê, vì Dương Quá hân hoan rời xa cõi thế. Trình Linh Tố từ bé sống giữa muôn vàn chất độc nơi Dược Vương trang, chấp nhận sự ích kỷ, hẹp hòi của các sư huynh sư tỷ, tâm lòng vẫn là “nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ” vì Hồ Phi bước vào cõi vĩnh hằng.

Người đời khi mê mãi ngắm dòng sông mộng sông nước sẽ quên đi con suối nhỏ âm thầm chảy dưới chân, khi say sưa với hoa hồng, hoa huệ xinh tươi khoe sắc sẽ quên đi những bông hoa dại ngát hương nơi vệ đường, có vàng trắng vàng vạc chiếu soi sẽ quên mất những ngôi sao nhạt nhòa ánh sáng...

Ôi, trước sự vô tình của con người, sao tinh tú vẫn cố sức tỏa ánh sáng lung linh, suối lặng lẽ tuôn dòng nước mát, hoa dại miệt mài tỏa hương cho đời? Đâu phải sao muốn đua cùng nhật nguyệt, suối muốn tranh với giang hà, hoa sẽ mong mỗi có kẻ đoái thương?

Chúng vì thiên tính mà tự nguyện hiến dâng.

Và hy sinh vì người yêu không hề nuối tiếc phải chăng chính là thiên tính của bao kẻ si tình tự thiên cô?

Chương 3: Đoàn Nam Đế - Lụy Phù Danh Nguyễn Du

Tương truyền, khi vi hành vùng Giang Nam, có lần vua Càn Long cùng viên cận thần đứng ngắm cảnh trên một bến sông tấp nập, ông bảo: “Nhà người thấy có bao nhiêu thuyền bè qua lại trên sông?”. Viên cận thần tâu: “Tàu bè hạ, thuyền bè qua lại nhiều quá, vi thần làm sao đến cho xuê”. Ông cười bảo: “Trong mắt ta, ta chỉ thấy có hai chiếc mà thôi!”. Viên cận thần ngỡ ngác hỏi: “Vi thần ngu dốt không hiểu”. Nhà vua bèn giải thích: “Cả trăm ngàn con thuyền xuôi ngược nhưng thật ra chỉ có hai chiếc, một chiếc tên Danh, đó là thuyền của các quan lại, một chiếc tên Lợi, đó là thuyền của các con buôn!”.

Nếu giai thoại đó đúng thì ông vua nhà Thanh kia quả là người cực kỳ minh triết. Có thể nói hầu hết, nếu không muốn nói là tất cả, các con thuyền đó đều vì Danh hoặc vì Lợi mà ngược xuôi trên sông nước. Thậm chí những kẻ thả thuyền trôi nổi trên sông để ngâm phong vịnh nguyệt, khinh thường quan chức biết đâu trong thâm tâm cũng vì chữ danh: “muốn mua được tiếng “cuồng sỹ” hoặc chữ “thanh cao”.

Câu nói không chỉ đúng cho bến sông lúc đó mà chắc chắn mãi mãi còn đúng cho khắp “cõi người ta”! Con người ta xuôi ngược lao lớt cả đời cũng chỉ vì hai chữ lợi danh. Lợi, nếu thực tình muốn tránh còn có thể tránh được, nhưng muốn tránh được chữ Danh thì quả thực đó là vấn đề vô cùng vi tế.

Tên gọi (danh) là cái phù hiệu để gọi và xác minh sự tồn tại của một đối tượng. Chữ danh trong tiếng Hán được cấu tạo bởi hai chữ “tịch” (buổi chiều) và chữ khẩu (cái miệng), nghĩa đen là “cái được gọi khi chiều tối”. Theo Thuyết văn giải tự của Hứa Thận thì: “Tên để tự xác định mình, từ miệng mà gọi. Gọi khi chiều tối, chiều tối thì không thấy nhau, nên mới dùng miệng để gọi tên”. Người ta khi chiều tối gặp nhau nhưng không thấy rõ mặt nhau, thì cần phải “dùng miệng để xưng tên”. Như vậy, xưng tên có nghĩa là xác định sự tồn tại, bằng thanh sắc hay bằng ý niệm, của một đối tượng.

Lợi được dùng để bảo đảm và xác định sự tồn tại đã đành, mà Danh cũng vậy. Nhà cao cửa rộng, của cải đầy kho hiên nhiên là những yếu tố cơ bản để đem lại cảm giác bình yên cho sự tồn tại. Nhưng bên cạnh đó, con người ta muốn được nhiều người biết đến, nghĩa là muốn được “gọi nhiều”. Sự ham muốn đó ngấm ra từ căn để chỉ là muốn tìm thêm cảm giác bình yên để xác định sự tồn tại của mình.

Không hiểu sao chữ danh trong một vài ngôn ngữ Đông Tây lại có điểm trùng hợp khi vừa có nghĩa là tên gọi (name) lại vừa được chuyển dần thành

danh tiếng (fame; reputation). Nổi tiếng, có nghĩa là được nhiều người nhắc đến, điều đó cũng có ý thức bình yên về sự tồn tại của bản thân, từ đó con người tự cảm thấy một sự thỏa mãn và ổn định tâm lý.

Con người vẫn luôn sợ hãi cái trống rỗng hư vô vì sợ phải đối diện với sự đốn hèn, nhỏ nhoi, vô nghĩa của chính mình. Muốn nổi tiếng suy cho cùng cũng chỉ là cảm thức đốn hèn, muốn chạy trốn sự thực trần trụi và sự cô đơn. Càng muốn nổi tiếng là càng cảm nhận được sự đốn hèn của mình một cách vô thức, nên phải tìm cách khóa lấp.

Xứ châu Phi có câu chuyện cổ rất đơn giản nhưng ý nghĩa lại vô cùng sâu sắc. Có một người thợ săn vào rừng rồi mất tích, để lại người vợ và ba đứa con trai còn nhỏ dại. Dân làng cho rằng anh ta đã bị sư tử ăn thịt, câu chuyện lâu rồi cũng bị lãng quên.

Đứa con đầu lớn lên và học thành nghề nặn tượng như thật, người con thứ hai học nghề phù thủy và có phép biến một vật chết thành một vật sống, người con út chỉ ở nhà làm lụng chăm lo cho mẹ.

Một hôm, cả nhà đang ăn cơm người con út bỗng hỏi: “Bố mất tích đã lâu, sao anh em ta không đi tìm bố?”. Ba anh em bèn vào rừng. Người con út tìm thấy một bộ xương và biết đó là xương của bố mình. Người con cả bèn lấy đất sét nặn lại thành người bố trông giống như thật. Cuối cùng, người con thứ hai làm phép cho bố sống lại. Bốn cha con ôm nhau mừng rỡ và cùng về nhà.

Cả nhà đoàn tụ, hai người con đầu tranh công với nhau về việc đã cứu bố sống lại, nhưng người bố ôn tồn bảo: “Chính con út mới có công lớn nhất vì đã nhắc đến bố. Khi ta còn nhớ đến ai thì người ấy vẫn còn sống!”.

Câu kết luận quả đầy minh triết và đẹp như một bài thơ. Chỉ có trí tuệ dân gian mới có thể đúc kết được ý nghĩa sâu sắc như thế trong một câu nói cùng cực giản đơn. Cỏ cây, sỏi đá... đều có thể tồn tại độc lập với ý thức con người, trừ chính con người, có lẽ bởi chỉ có con người mới có cảm thức về cô đơn, và xao xuyến trước cõi hư vô!

Con người chỉ cảm nhận một cách thỏa mãn về sự tồn tại của mình khi con-người-tồn-tại-trong-thân-xác tồn tại đồng thời với con-người-tồn-tại-trong-sự-nhớ-tưởng-của-người-khác. Bị lãng quên có nghĩa là không còn tồn tại trong ý thức của người khác, điều đó quả là một nỗi kinh hoàng, nhất là đối với những người đã “lỡ” nổi tiếng.

Tránh được hệ lụy từ cái danh là vấn đề vô cùng vi tế. Và chỉ có các bậc chân nhân mới có thể cảm nhận được sự tĩnh lặng mênh mông trong cõi vô danh, nghĩa là trong sự quên lãng của người đời.

Cụ Nguyễn Du nhà ta viết về ngôi chùa của Giác Duyên bằng hai câu bí hiểm, mà ngoài nhà thơ Bùi Giáng ra, chưa thấy ai quan tâm đến: “Chùa đâu trông thấy nẻo xa. Rành rành Chiêu Ân am ba chữ bài”.

Nghĩ cũng lạ, đã một mực “Chiêu ân” rồi, nghĩa là đã muốn gọi con người lánh xa cõi hồng trần rồi nhưng lại vẫn cứ phải mang cái sự “Chiêu ân” để “rành rành” bày ra đây, cho cả bàn dân thiên hạ, dù ở thật xa cũng đều trông cho rõ! Tại sao cụ không viết là “Lờ mờ Chiêu Ân am ba chữ bài” hoặc “Chiêu Ân am thấp thoáng ba chữ bài”... hoặc những câu đại loại như thế để phù hợp với ý nghĩa của hai chữ Chiêu ân?

Câu thơ đó dĩ nhiên mang nhiều ý nghĩa mệnh mông trên bình diện ontologique, mà chỉ có những tâm hồn thượng đạt không bị vướng víu vào cái trò tranh luận rối rắm và vô ích về ngôn ngữ truyện Kiều, như Bùi Giáng, mới cảm nhận ra. Ở đây chỉ mạn phép thiên tài Nguyễn Du xin đòi hai câu lục bát kỳ diệu đó xuống bình diện ngữ ngôn.

Cõi người ta có biết bao nhiêu kẻ muốn sống bất cần đời, nhưng trong thâm tâm lại muốn đời cần đến mình. Rất cần nữa là khác. Lại có không ít kẻ luôn luôn muốn đám đông kia phải biết rằng mình là kẻ đang sống cô đơn, xa lánh đám đông để đắm chìm trong những nỗi cô liêu trầm mặc! Những kẻ đó thường phải “triển lãm” sự cô đơn vì e ngại rằng không có ai biết rằng mình đang cần cô đơn!

Đó cũng là loại: “Rành rành Chiêu Ân am ba chữ bài” vì ba chữ “lụy phù danh”

Truyện thuyết Trung Hoa kể rằng, vua Nghiêu nghe tiếng Hứa Do là người hiền nên cho người mời đến bàn chuyện truyền ngôi. Hứa Do nghe xong bèn đi xuống suối rửa tai vì cho rằng những lời đó làm bẩn tai mình. Sào Phủ đang cho trâu uống nước, thấy vậy bèn hỏi. Sau khi nghe chuyện, Sào Phủ lặng lẽ dẫn trâu lên vùng nước cao hơn để uống vì cho rằng nước rửa tai đó làm “ô nhiễm” cho cả trâu mình!

Hứa Do, ngay ngôi vua cũng không màng, có lẽ tự cho rằng mình đã thoát khỏi danh lợi, nhưng thực ra vẫn còn vướng víu ở chữ danh một cách vô cùng vi tế. Không màng danh lợi nhưng vẫn để cho vua Nghiêu biết được rằng mình là người thanh cao không màng danh lợi (mà một ông vua biết có nghĩa là phải qua rất nhiều người trung gian!), há chẳng phải trong thâm tâm vẫn còn lụy vì danh hay sao?

Sào Phủ còn “chơi” cao hơn một bậc theo kiểu người nông dân chân chính bằng cách dắt trâu đi chơi chỗ khác.

Đoàn Nam đế trong Xạ điêu anh hùng truyện lại là một điển hình cho ba

chữ lụy phù danh.

Trước kỳ Hoa sơn luận kiếm giữa các đại cao thủ võ lâm để chọn ra vị Thiên hạ đệ nhất nhân, bang chủ Thiết chương bang là Cừ Thiên Nhận đã lên dùng thiết chương, đánh tử thương đứa con tư sinh của Châu Bá Thông và Anh Cô, một ái phi của Đoàn Nam đế, với ý đồ buộc Anh Cô đem đứa bé đến nhờ Đoàn Nam đế cứu chữa. Như thế y sẽ loại bỏ được một tay kinh địch vì vị vương gia kia sẽ phải tổn hao nội lực và không thể tham gia kỳ luận kiếm. Vị vương gia kia, do còn chút ghen và hận nhưng cũng chính là vì lòng háo danh còn quá bông bột, nên đã kiên quyết khước từ khi người mẹ khốn khổ kia ôm đứa con sơ sinh đến khóc lóc xin ông cứu chữa. Kết quả là, Anh Cô như người điên loạn, rút kiếm đâm chết đứa bé với lời nguyên khùng khiếp sẽ trả thù.

Nếu tiếng khóc của hài nhi giữa đêm khuya thanh vắng trên Băng Hỏa đảo đã đánh thức lương tri của con hùng sư Tạ Tốn trong cơn túy sát, thì cái chết của một hài nhi vô tội khác đã “khai ngộ” cho vị vương gia họ Đoàn nhận chân ra thực tướng của chút hư danh mà xuống tóc quy y thành Nhất Đăng đại sư! Một kẻ cố sát hài nhi, một kẻ ngộ sát hài nhi cũng chỉ vì một chữ danh. Than ôi, lụy phù danh gây nên tội lỗi cho bao con người đâu khác gươm đao. Biết đâu, số người chết vì chữ danh còn nhiều hơn số người chết vì gươm đao trên chốn giang hồ!

Cái chết của một hài nhi để trả giá cho cơn mê muội chữ danh chắc chắn có giá trị “khai ngộ” gấp ngàn lần những lời thuyết giảng của các bậc chân sư đông tây kim cổ. Hoát nhiên ngộ được chữ danh, phiêu nhiên thành vị chân tăng giữa đời, Nhất Đăng – Nam Đế mấy người? Đâu là đại sư Nhất Đăng, đâu là đăng vương gia Đoàn Nam đế? Hay tất cả cũng chỉ là cái hư ảo của phù danh? Hãy thử tĩnh tâm ngồi yên lặng mà ngẫm chữ danh đến chỗ rốt ráo, ta sẽ thấy nó cũng chỉ là cái hư không phù phiếm. Danh dùng để xác định cái thực, nhưng nếu cái thực đã thực-sự-là-thực rồi thì đâu cần gì đến cái danh nữa?

Cừ Thiên Nhận cũng được Nhất Đăng đại sư điểm hóa để quy y thành Từ Ân đại sư, nhưng vì nghiệp chướng quá nặng nên con đường đi đến giác ngộ còn tiệm tiến. Chỉ đến khi sắp chết thì vị đại sư đó mới tìm đến được những gì mà vị Nhất Đăng đại sư đã cảm thấy ngay sau cái chết của một hài nhi vô tội.

Trong tác phẩm Kim kiếm điêu linh của Ngọa Long Sinh, ba vị cao nhân Võ Đang là Trang Sơn Bối, Nam Dật Công và Liễu Tiên Tử tự ẩn mình tuyệt tích trong núi hoang, tu tập võ công để hàng năm lại tỷ thí tranh chức vô địch.

Họ là những bậc cao nhân thực sự không muốn biết đến đời và cũng không cần ai biết đến mình, nhưng vẫn tranh giành nhau ngôi thứ chốn hoang sơn, bởi vì họ cũng còn bị hệ lụy bởi chữ danh, dù đó là cái danh không được một ai nhắc đến và không có kẻ tung hô.

Cái danh đã bủa một cái lưới vô hình vây chặt bọn họ từ thuở tráng niên, cho đến khi tro tàn thời gian bay bạc trắng cả mái đầu. Chính cơ duyên đã đưa cậu bé Tiêu Linh đến chốn hoang sơn để “khai ngộ” cho ba vị cao nhân tuyệt tục. Tiếng thở dài của Nam Dật Công chốn hoang sơn khi giật mình ngẫm lại, nghe thê lương như cơn gió lạnh thổi suốt cõi biển dâu.

Con báo vì lớp da mà bị chết, con người vì cái danh mà bị lụy. Những bậc tài hoa như Nguyễn Du muốn tĩnh tâm ẩn dật phải luôn hối tiếc vì đã lỡ bị đời khoác lên người “tấm da báo”, để phải than thở “Báo bì nhưng lụy cự phù danh”. Nhưng lại có những kẻ bản chất là giun đé vẫn cố khoác lên người “tấm da báo”, ngẫm cũng đáng thương!

Chỉ khi nào con người có cơ duyên thấu triệt được thực tướng của chữ danh như Đoàn Nam đế thì có lẽ ngày đó cõi người ta mới thực sự là chốn lạc phúc trong cõi vô danh.

Chương 4: Tiểu Chiêu

Phái mây râu thường chê phụ nữ là hẹp hòi, nông cạn: “Đàn ông nông nổi giếng khơi. Đàn bà sâu sắc như coi đưng trâu”. Nhưng lịch sử nhân loại, và ngay trong cuộc sống đời thường, cho chúng ta thấy những khi đại cuộc gặp cơn khốn quẫn hay gia đình gặp cảnh ba đào cần đến sự hy sinh để cứu vãn tình thế bế tắc, thì chính người phụ nữ mới là người tiên phong tự nguyện. Đường như Thượng đế đã ban cho họ lòng vị tha nhẫn nhục để hướng đến hy sinh, nếu điều đó đem lại bình yên cho người mà họ yêu thương. Phái nam cứ bốc phét huênh hoang về phận mây râu, mà không bao giờ lường hết được tầm mệnh mông trong những sự hy sinh thâm lặng đó.

Nguyễn Du đã vì Thúy Kiều mà đem hết tài hoa để dựng lên một tòa tân thanh lặng lẽ giữa bể dâu. Và mười lăm năm luân lạc của nàng đã đem lại cho đời hàng sa ân ngữ. Hơn hai ngàn năm trước, nàng Chiêu Quân Trung Hoa ôm tâm sự hận sâu ngược về phương Bắc để gả nghĩa với Hung Nô, và hơn một ngàn năm sau công chúa Huyền Trân nước Việt lại âm thầm giọt lệ để xuôi về phương Nam ngàn dặm. Hai phương trời, hai tâm sự và cách biệt nhau hơn cả ngàn năm, nhưng cái thể lương đau xót chỉ là một.

Đâu phương cố hương? Nào trời cố quận? Quay đầu nhìn lại chỉ thấy mệnh mông mây trắng, và ở chốn xa xôi kia là quê hương vĩnh viễn không thể quay về. Mây nước mịt mù, ngàn dặm tha hương, kẻ anh hùng còn chết điếng cả ruột gan, huống chi phận đào tơ liễu yếu? Rượu có thể tạm đốt cháy đi nỗi sầu cô lữ, nhưng lấy gì để an ủi khách má hồng?

Thần thoại Hy Lạp kể rằng, vua Agamemnon đem đại binh tham gia cuộc viễn chinh đánh thành Troie, đoàn chiến thuyền bị gió bắc đánh dạt vào một bến cảng. Nghe lời một nhà tiên tri, nhà vua buộc lòng phải hiến đưa con gái yêu của mình là Iphigenia cho nữ thần Artemis, làm người hầu hồng cứu vãn tình thế.

Thần lại cho gió nổi lên, đoàn quân lại hân hoan giương buồm thẳng tiến, nàng Iphigenia kiêu diễm đành một mình ở lại vùng Aulis xa lạ để làm trình nữ thờ phượng thần linh.

Vì đại cuộc, vâng lại vì đại cuộc (!), phận nữ nhi lại phải hy sinh. Chiến binh các người hay cứ huênh hoang cùng máu lửa nơi chiến trận, và không bao giờ nghĩ đến nỗi se sắt lạnh của lòng ta. Từ đây, ngày ngày ta sẽ là nữ tư tế để chăm sóc đền thờ của Nữ Thần bất tử. Được bao người kính trọng, được gần gũi với cõi bất tử, nhưng đó là cõi bất tử không có tình yêu đôi lứa và sẽ cực hình cho người con gái đang sống với những “reo ái tình trong nhịp máu phân vân” (Xuân Diệu).

Cho nên Nguyễn Triệu, Lưu Thần phải bỏ cảnh thần tiên để quay về với trần giới. Cõi trần gian bụi bặm không thể sánh bằng chốn Bồng Lai, nhưng giữa cõi tam thiên đại thiên thế giới, đây là nơi duy nhất ta được sống trọn vẹn với bi hoan ly hợp của tình yêu, trong túi nhục ta tìm thấy vinh quang và trong đau khổ ta tìm ra hạnh phúc.

Cái tâm sự hận sâu đau đớn đó của một trinh nữ của trời xưa Hy Lạp lại hiện ra một lần nữa trong tâm sự của Tiểu Chiêu. Hồn Hy Lạp xưa lại về vây phủ Ý Thiên Đồ Long Ký! Nếu có ai hỏi trong tất cả các tác phẩm của Kim Dung, người con gái nào xuất hiện ít nhất nhưng mang tâm sự thê lương nhiều nhất, thì chúng ta có thể trả lời không ngần ngại rằng đó là Tiểu Chiêu.

Mẹ nàng – Kim Hoa bà bà – là trinh nữ được Minh giáo Ba Tư cử sang Trung Quốc để tìm cho ra bí cấp trần giáo là Càn khôn đại nã di tâm pháp. Người đàn bà được giang hồ tôn xưng là đệ nhất mỹ nhân đó đã nửa đường vương lụy, nhiệm vụ lớn chưa thành thì đưa con gái là Tiểu Chiêu đã ra đời. Và như thế là phạm tội chết đối với luật lệ nghiêm khắc của Minh giáo Ba Tư. Đứa con gái xinh đẹp kia vừa lớn lên đã phải thay mẹ nối tiếp nhiệm vụ thiêng liêng, để mong chuộc lỗi lầm (?) cho mẹ, chỉ có thế mới mong tìm được một con đường quay về cố quốc.

Nàng phải hóa trang gương mặt xấu xí và vờ lạc giữa vùng hoang mạc để cho Quang Minh tả sứ của Minh giáo là Dương Tiêu đem về làm người hầu cho con ông. Chỉ có thế nàng mới đặt chân vào được Quang Minh đình – vùng thánh địa của Minh giáo – để âm thầm dò xét chỗ giấu bí cấp.

Một cô gái xinh đẹp, giọng dõng quyền quý mà phải đóng vai một con hầu để người ta sai khiến mắng chửi nghĩ cũng nào lòng lắm thay. Cơ duyên run rủi cho nàng và Trương Vô Kỵ tìm được bí cấp Càn khôn đại nã di viết trên một tấm da dê, trong một đường hầm. Nàng phải dùng máu mình thấm vào tấm da dê cho chữ hiện ra và dịch bản tâm pháp đó ra tiếng Trung Quốc để giúp Vô Kỵ, phối hợp với Cửu dương thần công, luyện thành bản lĩnh vô địch.

Người con trai chân chất vô tâm về từ Băng Hỏa đảo đó đã gieo vào lòng nàng bao ước mơ thầm kín, sau những tháng ngày chỉ biết chịu tủ nhục vì trách nhiệm và bổn phận. Mang tâm pháp về cố quốc Ba Tư để được tôn vinh là nữ thần giữ gìn Lửa Thiêng, hay để tâm pháp lại nơi Trung thổ? Xưa kia, mẹ đã nửa đường đứt gánh, thì giờ đây con cũng xin đứt gánh nửa đường cho trọn nghiệp chữ yêu.

Người con gái đã cúi đầu quy phục tiếng nói của trái tim, và dĩ vãng lại bắt đầu! Quê hương Ba Tư đành xem như đã ngàn trùng sương khói. Thôi thì

ta xin chọn quê hương là đây, là nơi có người mà ta yêu đang sống. Làm thơ thiếp không được thì làm người hầu cũng tốt, làm tôi tớ cũng xong, miễn sao được trọn vẹn gần gũi chàng để sửa túi nâng khăn.

Cho dù nước chảy có vô tình, nhưng hoa rơi lại hữu ý, cho nên hoa cứ hân hoan đợi chờ đến ngày nước cảm nhận được lòng hoa.

“Thần tiên gãy cánh đêm xuân, bước lạc sa xuống trần, làm tình nhân đứng giữa trời không khóc mộng không thành... Đường về quê xa lắc lê thê trót nghe theo lời u mê” (Tình khúc thứ nhất – Nguyễn Đình Toàn). Đúng là đường về quê xa lắc lê thê, nhưng không có lời nào khiến ta u mê cả, mà ta chỉ u mê bởi tiếng lòng đang say đắm mà thôi. Làm thần tiên mà chỉ nếu như người yêu còn ở nơi hạ giới? Tâm lòng đó trong thiên hạ có được bao người, và đã tô điểm thêm cho cõi đời biết bao là hương sắc?

Minh giáo Ba Tư lại phái sứ giả đi tìm người trinh nữ ngày xưa, giờ đây đã là Tỷ sam Long Vương, một trong tứ đại hộ pháp của Minh giáo Trung Quốc. Người con gái phải thay mẹ để chuộc lại lỗi lầm (?) xưa với bản giáo, với quê hương và chính là để giải cứu nhóm Trương Vô Kỵ đang bị đoàn tàu của sứ giả Ba Tư vây khốn giữa đại dương. Nàng quyết tâm hy sinh mối tình đầu vừa chớm nở để theo đoàn sứ giả quay về quê cũ làm thánh nữ của Bái hỏa giáo Ba Tư. Nếu được chết để giải cứu chàng ư? Điều đó quá dễ và hạnh phúc biết ngần nào. Người sẽ vì người yêu mà hân hoan chịu chết, để mộng đầu thành tựu trong kiếp lai sinh. Nếu như có chút ích kỷ thì nàng sẽ cùng Trương Vô Kỵ chống cự quyết liệt đến cùng để đại dương sẽ là nấm mồ cho tất cả. Như vậy là thành toàn tâm nguyện: được chết chung bên cạnh người yêu.

Nhưng không, tình chân chính đầu đời luôn khiến con người hướng thượng. Vì sao Thúy Kiều sẵn sàng hy sinh trong khi Thúy Vân vẫn hồn nhiên đến mức ù lì vô cảm? Đặt ra câu hỏi là đã tự tìm được lời giải đáp. Cho nên nàng Iphigenia của Kim Dung đã quyết định hy sinh là phải sống để cứu bạn tình chung. Sống, nhưng còn thê lương hơn cả chết. Bước lên ngôi thánh nữ là bước vào cõi địa ngục của thanh xuân. Về lại chính quê hương nhưng lại mang nặng nỗi sầu viễn xứ! Quay về cố quốc lại chính là cuộc ra đi biệt trong đời. Biển sóng mênh mông có chứng minh được tấm lòng kiều nữ?

Bùi Giáng

Vâng, kể từ đây là đi mãi, Nàng không được hạnh phúc như A Châu là gục chết trong tay người yêu để hình ảnh trở thành bất tử. Kể từ đây, nơi phương trời Ba Tư xa xôi ấy, suốt đời nàng, lửa sẽ bùng reo trong nghi lễ trang nghiêm. Và sẽ có vạn ngàn tin đồ cúi đầu trước nàng để tôn vinh vị nữ

thần của Lửa.

Thần Lửa cần đến trinh nữ để giữ gìn cho ngọn lửa được thánh khiết đến thiên thu. Lửa muôn kiếp bùng reo. Lửa ngàn đời bùng cháy. Nàng phải đốt cháy cả tuổi xuân say đắm bên ngọn lửa thiêng, trong khi chỉ muốn làm một nữ tỳ thấp hèn để được trọn đời sống một đời bình dị.

Ngọn lửa thiêng thanh khiết kia có làm mờ nổi hình ảnh ngậm ngùi của buổi chia ly trên sóng nước? Nước có ngân lời hoài vọng cũ? Hỡi phương nào còn xanh mãi bóng lá nguyên sơ? Thôi thì xin gởi lời ca vào trong mây nước để dư âm còn đồng vọng ngàn đời trên sóng gió trùng khơi. Gió sẽ mang lời ca lên Quang Minh đỉnh để “gởi về cây bóng lá nguyên sơ”. Dầu nơi đó không còn màu nguyên sơ của bóng lá, thì nơi đó màu xanh của thời gian đã ngưng kết trong tâm tưởng. Dường như tiếng hát là lời kinh siêu độ cho những người phụ nữ chết trong sầu hận. Cho nên trước khi chết vì lưỡi gươm tàn nhẫn của Lâm Bình Chi, Nhạc Linh San vẫn hát bài Phúc Kiến sơn ca, trước khi chết dưới đôi tay oan nghiệt của Othello, Desdemona của Shakespeare vẫn cất tiếng hát bài ca thủy liễu. Lời ca thay cho tiếng lòng nên quá đổi thiết tha:

(Shakespeare, Othello, Act 4, Scence 3)

Đó chẳng phải là nỗi lòng Tiểu Chiêu đầy ư? Không liễu rữ xanh reo mà là lửa hồng reo rực cháy, không là tử biệt nhưng phải sinh ly. Chia tay để vĩnh viễn đi vào cõi cô đơn giá buốt. Những giọt nước mắt nàng rơi giữa đại dương có làm mềm sỏi đá?

Và thử hỏi cái nào mặn hơn: nước đại dương hay nước mắt Tiểu Chiêu?

Biển mệnh mông muôn trùng. Biển dạt dào, bạc đầu ngọn sóng. Biển chứng kiến bao cuộc chia ly đau xót. Biển chứa chứa bao mối hận của con người. Còn mối hận nào lớn hơn sự căm hờn chim Tinh Vệ ngậm đá lấp biển Đông? Còn cuộc chia ly nào nát lòng hơn nàng tiên cá rời xa hoàng tử trong truyện cổ tích Andersen sau đêm tân hôn của chàng cùng công chúa láng giềng, ngậm ngùi hơn Tiểu Chiêu tạ từ Trương Vô Kỵ trong “Ỗ Thiên Đồ Long Ký”. Hai áng văn Đông Tây, nhưng nỗi lòng tuyệt vọng của Tiểu Chiêu khi đứng đầu mũi thuyền rời xa vĩnh viễn ý trung nhân và tâm trạng ê chề của nàng tiên cá khi gieo mình xuống biển khơi để tan thành trăm ngàn bọt nước phải chăng chỉ là một?

Ấn tượng sâu sắc nhất về nàng tiên cá chính là những điệu vũ thần tiên thanh tao, uyển chuyển dù bàn chân nàng đau như dao cắt và rỉ máu sau mỗi bước đi. Nhắc đến Tiểu Chiêu hẳn không ai quên được giọng hát trong trẻo, êm tai cất lên trong đường hầm Quang Minh đỉnh về nhân thế phù sinh, giọng

ca đã xua đi mọi lo lắng trong lòng Trương Vô Kỵ, để chàng tạm quên đi nỗi lo cái chết cận kề.

Mẹ Tiểu Chiêu vì hai chữ tình duyên mà dang dở con đường lên ngôi Thánh nữ, mang vào mình mối hoạ sát thân. Từ trong mối tình đẹp đẽ mà ngang trái ấy, Tiểu Chiêu tự thành. Từ bé chứng kiến mẫu thân sống trong nỗi lo bị phát hiện, nàng phải rời xa vòng tay mẹ yêu thương vì an toàn cho chính bản thân và lớn lên phải thay mẹ gánh vác trọng trách của người Thánh nữ. Tại Quang Minh đỉnh, giả thành người xấu xí, Tiểu Chiêu âm thầm điều tra bí mật tâm pháp Càn khôn đại na di. Ngàn ấy trách nhiệm trên vai một thiếu nữ thật quá đổi nặng nề!

Một lần gặp gỡ, vương lụy nghìn năm. Trong đêm mưa bão, cứu lấy hoàng tử, để rồi tiếc gì giọng hát quyến rũ của mỹ nhân ngư, tiếc gì cuộc sống ấm êm nơi đáy biển, nàng tiên cá chấp nhận đánh đổi cả sinh mệnh và linh hồn, nguyện làm người em gái câm lặng muôn đời bên hoàng tử. Ngay trong tử lộ, tương phùng chàng Trương, trong trái tim thiếu nữ chớm nở mối tình đầu. Lịch sử một lần nữa đã lặp lại, Tiểu Chiêu không thể ngoảnh mặt làm ngơ với tiếng gọi thồn thức của con tim. Từ đây, hãy tạm quên đi trách nhiệm nặng nề, tạm quên đi quê hương Ba Tư xa xôi, hân hoan làm một tì tử thân phận thấp hèn bên Trương Vô Kỵ. Cần chi địa vị cao sang, cần chi kẻ hầu người hạ, được chăm sóc từng miếng ăn, giấc ngủ cho ý trung nhân đã là hạnh phúc viên mãn đối với Tiểu Chiêu.

Tiếc rằng hoá công nhiều lúc vẫn quay lưng lại với những ước mơ dù nhỏ nhoi nhất, bình dị nhất của con người. Cảnh đuổi ngựa, chặn dê yên ả tiếng cười rộn rã giữa thảo nguyên bát ngát, mệnh mông của Tiêu Phong và A Châu đã kết thúc tàn nhẫn với cái chết đau đớn của nàng kiều nữ cho trọn vẹn hai chữ Hiếu và Tình. Rũ bỏ thân phận tì nữ và cả tình yêu tha thiết, Tiểu Chiêu ngậm ngùi bước lên ngôi vị Thánh nữ cao sang mà ngàn người phủ phục. Nàng về xứ Ba Tư xa xôi nhưng trọn vẹn con tim để lại nơi Trung thổ. Lại thêm một cô gái vì chữ Hiếu mà đứt đoạn tình duyên!

Chỉ cần nàng tiên cá chịu hy sinh hoàng tử, máu của chàng sẽ đưa nàng trở lại với cuộc sống vô tư lự giữa ngàn con sóng xưa kia. Tiểu Chiêu thừa hiểu trở thành Thánh nữ là giết chết tuổi thanh xuân, là giữ thân trong sạch để ngọn lửa thiêng thanh khiết. Sao nàng không lựa chọn được chết cùng Trương Vô Kỵ giữa biển khơi, được cùng ý trung nhân chôn chung một mộ? Chỉ biết rằng khi yêu đến trọn con tim, người ta thường quên đi bản thân mình mà chỉ nghĩ đến hạnh phúc của người yêu; Nàng tiên cá quảng con dao xuống biển khơi, Tiểu Chiêu gật đầu đồng ý với các sứ giả Ba Tư. Hai hành

động đó đồng nghĩa với trái tim hai thiếu nữ cùng cáo chung, hai linh hồn từ nay chết lặng. Một người vĩnh viễn tan thành trăm ngàn bọt nước, một người vẫn tồn tại trên thế gian mà khác nào đã chết. Nhưng nỗi đau đó chỉ mình ta gánh chịu, còn người ta yêu sẽ được hạnh phúc, bình yên. Sự hy sinh đó chẳng phải ý nghĩa lắm sao?

Chàng hoàng tử mãi ấp ủ trong mộng người con gái đã cứu mạng mình sao chẳng nhận ra nữ ân nhân trước mặt. Cuối cùng, chua chát thay, chàng lại làm tưởng là công chúa láng giềng. Trong đêm tân hôn của hoàng tử, nàng tiên cá say sưa trong điệu vũ, quay cuồng theo điệu nhạc, chưa bao giờ nàng múa đẹp đến thế. Chân nàng như đang lướt trên ngàn con dao nhọn nhưng đau đến nhường nào cũng không bằng con tim nàng đang tan nát. Mắt lệ đầm đìa, Tiểu Chiêu xin được thay áo cho Trương Vô Kỵ, xin một lần cuối được làm tì nữ cho chàng. Phải rồi, đây là lần cuối cùng được nhìn thấy gương mặt chàng, được cùng ý trung nhân thở chung bầu không khí. Hai cách tạ từ, chung một mối thâm lương, một khối sầu vạn kiếp...

Giữa đại dương, Tiểu Chiêu rơi lệ. Chia ly từ đây là vĩnh viễn rời xa, là cách trở bởi muôn trùng đại dương, bởi địa vị cao quý của người Thánh nữ phải giữ thân trinh trắng, hay bởi trái tim chàng vốn dĩ không hướng về mình? Sóng biển trập trùng hoà giọt lệ nàng mặn đắng, gió biển thét gào át tiếng khóc của nàng...

Ân Tố Tố và Trương Thuý Sơn cùng nắm tay nhau xuống chôn tuyền đài, Kỷ Hiểu Phù mãn nguyện ra đi với trọn vẹn trái tim Dương Tiêu, và A Châu mãi mãi là bóng hình duy nhất trong trái tim Tiêu Phong. Còn Tiểu Chiêu thì sao? Hoàng tử quay lưng lại với nàng tiên cá mà vui vầy bên duyên mới, còn Trương Vô Kỵ đâu chỉ có một tri kỷ hồng nhan. Một Triệu Mẫn xinh đẹp, thông minh, sắc sảo, một Chu Chỉ Nhược tú lệ, bên trong thủ đoạn mà bề ngoài dịu dàng, một Ân Ly mà chàng trót mang nặng ân tình. Hoàng tử thương nàng tiên cá như một đứa em bé bỏng, mồ côi, còn tình cảm của Trương Vô Kỵ với Tiểu Chiêu âu cũng chỉ là lòng thương hại.

Nhiều lúc người ta quá đỗi vô tình, không cảm nhận được tình yêu cao cả của kẻ gần mình nhất. Hoàng tử sẽ chẳng biết rằng có một người con gái vì mình mà từ bỏ cả cội nguồn, sinh mệnh, chịu đựng sự căm lạnh triền miên và đôi chân đau đớn để được ở bên chàng. Chàng sẽ chẳng biết rằng nàng mới chính là ân nhân cứu mạng trong cơn bão. Khi chàng đang hạnh phúc bên vị hôn thê, người đó đang chết lặng chờ bình minh, khi những tia nắng đầu tiên xuất hiện, thể xác và linh hồn nàng sẽ tan thành bọt nước. Đến phút cuối cùng, Vô Kỵ mới nhận ra mối tình sâu đậm mà Tiểu Chiêu dành cho mình.

Nhưng trong trái tim chia năm xẻ bảy cho bao bóng hồng, liệu có phần nhỏ nhoi nào chàng dành để tưởng nhớ đến người không ngại hy sinh cho chàng?

Tương lai của Tiểu Chiêu sẽ ra sao? Sẽ là bao ngày thổn thức khôn nguôi ngóng trông về Trung thổ, sẽ là bao đêm ngậm ngùi thương nhớ chàng Trương? Cuộc đời còn lại của Tiểu Chiêu vĩnh viễn là một dấu hỏi xót xa trong lòng bao người đọc.

Tiếc rằng không phải cuộc tình nào cũng kết thúc vẹn toàn, bao giờ lại chẳng có kẻ thứ ba ngậm ngùi, đau xót. Nhưng đâu phải vì thế mà người ta thôi yêu, thôi khắc khoải nhớ mong, thôi trông chờ ở những điều tưởng chừng không thể? Nếu bạn vẫn chưa tìm được tình yêu đích thực, không có nghĩa rằng nó không tồn tại và không có những người yêu đến quên đi bản thân mình.

Chương 5: Dịch Vân - Kẻ Lữ Hành Cô Độc

Chịu đựng sự khổ đau, trong tâm hồn lẫn thân xác, là điều chúng ta không thể nào tránh khỏi giữa cõi đời. Nhưng nếu thân tâm đều mang bệnh mà được sống trong sự thương yêu và thông cảm của người thân thì con người vẫn tìm thấy được niềm an ủi. Điều đó sẽ giúp họ chịu đựng để chiến đấu và chiến thắng. Điều kinh khủng nhất là thân xác bị tàn phế, lại phải chịu đựng nhiều nỗi oan ức không thể biện bạch, bị vu hãm vào chốn lao tù, người thân nghi ngờ, xã hội khinh bỉ, không bạn bè, không người thân thích, không nhà không cửa, trở trọi một mình.

Đó là cảnh ngộ thê thảm của Dịch Vân trong Liên thành quyết.

Kim Dung quả đã có một bước đi táo bạo khi xây dựng nhân vật Dịch Vân. Đó là một anh nông dân khù khờ chân chất, cục mịch thô lỗ, phải chịu bao thảm cảnh trần gian, hoàn toàn không có một chút ưu điểm gì để người đọc có thể trông đợi từ “người hùng” trong tiểu thuyết võ hiệp, cho dầu là bản chất quý quyết lưu manh của một Vi Tiểu Bảo!

Đó thực sự là hình ảnh thuần túy của một “Hai Lúa võ lâm”.

Dịch Vân mồ côi từ bé, được sư phụ là Thích Trường Phát nuôi dưỡng. Anh chàng nông dân khù khờ này sống hồn nhiên bên cạnh một cô sư muội xinh đẹp Thích Phương. Cuộc sống êm ả trôi bên bờ tre đồng lúa, nếu như không có chuyện một ngày kia Dịch Vân phải theo sư phụ và sư muội đến thăm sư bá Vạn Chấn Sơn, một đại gia chốn kinh sư.

Từ đó, thảm họa liên tục đổ xuống đời anh ta.

Chốn phồn hoa đô hội vẫn luôn tiềm ẩn vô vàn hiểm họa đối với biết bao con người chân chất một lần bước ra khỏi lũy tre xanh. Nếu như cô thôn nữ của Nguyễn Bính: “Hôm qua em đi tỉnh về. Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều”, thì Thích Phương lại khác, cô vẫn hồn nhiên chân chất, nhưng lại là nguyên nhân gây thảm họa cho sư huynh mình.

Làm một anh nông dân cục mịch xấu xí lại dẫn một cô sư muội xinh đẹp thuở thanh mai trúc mã vào chốn kinh đô, thì có khác gì một đứa trẻ cầm vàng ròng đi vào giữa chợ. Không bị đánh cắp ắt sẽ bị trấn lột. Cũng không thể trách được cuộc đời. Cái cảnh cô thôn nữ xinh như đóa hoa đồng nội cứ xoắn tít bên anh “Hai Lúa” đã gây chướng mắt cho nhóm đệ tử của Vạn Chấn Sơn. Khi thấy một cô gái xinh đẹp sánh đôi với một anh chàng cục mịch, trong thâm tâm mọi người lại thấy uổng phí (!).

Đó là một suy nghĩ rất đỗi quái dị nhưng lại được xem là bình thường ở con người. Sao lại “uổng” nếu như họ thực sự tìm ra “một nửa” của nhau? Làm như chỉ có những kẻ lăm lăm tiền nhiều của và có thể lực mới “xứng đáng”

với các cô gái đẹp kia.

Đó cũng là suy nghĩ của gia đình Vạn Chấn Sơn. Sau khi ám toán Thích Trường Phát, bọn chúng bày ra một màn kịch vu cáo cho Địch Vân tội hiệp dân và ăn cắp. Chú cừ non sụp bẫy một cách dễ dàng, bởi lẽ tâm hồn chất phát của anh ta không bao giờ hình dung nổi trên đời lại có người tìm cách hãm hại nhau!

Địch Vân bị chặt một bàn tay để “cảnh cáo” và bị tống giam vào nhà lao. Chưa hết bàng hoàng thì anh ta lại thường xuyên bị một bạn tù tên Đinh Điền vô cớ đánh đập tàn nhẫn. Đúng là bỗng dưng gánh chịu thảm cảnh bởi hồng nhan.

Không hiểu tự bao giờ, trên trái đất này, từ đông sang tây, nhân loại bỗng dưng đồng loạt thi nhau lên án phụ nữ, xem như đó là nguồn gốc của mọi tai ương. Ở Hy Lạp, là câu chuyện về cái hộp Pandora(*). Trong Kinh Thánh là chuyện bà Eva. Ở Trung Quốc là quan niệm “hồng nhan họa thủy” (đàn bà đem lại tai họa như nước làm chìm đắm con người)! Có “đức” để có người đẹp, nhưng không có “tài” để giữ người đẹp đến nỗi phải mang họa vào thân. Người phương đông quả là khắt khe với khách má hồng.

Nguyễn Du có câu thơ vịnh Dương Quý Phi chan chứa sự cảm thông:

Đó là sự cảm thông của một tâm hồn lớn đối với một dung nhan khuynh quốc.

Dù sống trong cảnh đọa đầy, Địch Vân vẫn tin rằng vị sư muội mình sẽ hiểu và cảm thông. Niềm hy vọng lớn của “cái hộp Pandora” dù hư ảo đi nữa thì vẫn có tác dụng giúp con người chịu đựng trong cảnh khổ đau. Cho đến khi nhận được bánh cưới của Thích Phương với con trai Vạn Chấn Sơn thì Địch Vân mới thực sự tuyệt vọng.

Dường như Shakespeare có nói: “Kẻ đau khổ nhất là kẻ hạnh phúc nhất, bởi vì trên đời này không còn gì có thể làm cho y đau khổ nữa”. Nhưng đó chỉ có thể là cách nhìn của những bậc đạt ngộ hiểu thấu chân tướng của trần gian, còn đối với hầu hết những ai mang bản chất yếu đuối của con người, khi cuộc sống là cơn bệnh nan y vô phương cứu chữa thì cái chết vẫn là vị lương y đem lại liều thuốc giải thoát tốt nhất!

Địch Vân cũng vậy, trong cơn khốn quẫn, anh ta đã tự tử, nhưng Đinh Điền đã cứu thoát vì nhận ra được bản chất chân thật của Địch Vân. Cũng chính nhờ Đinh Điền mà Địch Vân hiểu ra âm mưu của Vạn Chấn Sơn và mặt trái nhan hiêm của Thích Trường Phát, vị sư phụ mà anh hằng tôn kính.

Cuộc sống với “lắm nỗi lạ lùng khắt khe” bắt đầu mở ra trước mắt anh ta những hang hố đen ngòm, khác biệt bao với cảnh đời êm đềm bình dị với

làng quê, đồng lúa ngày xưa.

Đình Diễm bị ám toán chết sau khi cùng Dịch Vân vượt ngục. Cái chết của người thân cuối cùng trên cõi đời, mà anh ta coi như kim chỉ nam của đời mình, đã khiến cho Dịch Vân thực sự mất tất cả, hoàn toàn không còn một điểm tựa nào, “sans everything” (Shakespeare – As You Like It, II, Scence VII, 165)

Ôm xác Đình Diễm đi trốn, Dịch Vân lại rơi vào tay tên ác tăng Bảo Trượng của Huyết Dao môn – một tông phái Tây Tạng bị giang hồ nguyên rủa vì những hành vi tàn ác và đồi bại. Bảo Trượng chết, anh mặc áo choàng của Bảo Trượng để che thân thì bị nhận lầm là tên “tiểu dân tăng”. Lúc sắp bị đánh chết thì chừng môn phái Huyết Dao là Huyết Dao lão tổ, lại tưởng anh ta môn đồ của bản phái, cứu thoát và bắt cóc luôn cô nàng Thủy Sinh xinh đẹp của nhóm Linh Kiếm song hiệp đem đi.

Đi theo Huyết Dao lão tổ thì mặc nhiên xác nhận mình là môn đồ của Huyết Dao môn, còn ở lại thì bị giết chết. Bản năng sinh tồn vẫn thắng, nên Dịch Vân đi theo Huyết Dao lão tổ. Thế là tự nhiên Dịch Vân trở thành một tên “tiểu dân tăng” mà không còn cách gì biện bạch được.

Đôi khi, chúng ta cũng gặp những hoàn cảnh ngộ nhận trớ trêu như thế trong đời. Mở miệng giải bày thì không được, mà để trong lòng lại ray rức khổ đau. Nên đôi khi cứ phó mặc cho dòng đời, để thời gian đem lại lời giải đáp.

Nhưng gẫm ra thì đối với Dịch Vân sự ngộ nhận của những người lạ kia nào có nghĩa lý gì so với sự ngộ nhận của Thích Phương? Người ta ngộ nhận ta, ta chỉ tức tối bực mình; còn người thân ngộ nhận mới là nỗi khổ.

Khi cùng Huyết Dao lão tổ và Thủy Sinh bị bao vây trong núi tuyết, Dịch Vân lại càng mất niềm tin vào cuộc sống khi chứng kiến sự đê hèn của Hoa Thiết Can. Một kẻ mang thân phận danh sĩ trên giang hồ, đứng hàng thứ hai trong nhóm “Lục Hoa Lưu Thủy” được nhiều người ngưỡng mộ, vậy mà khi đối diện với cái chết lại bộc lộ hết bản chất thô bỉ của một nhân vật đầy danh vọng.

Kim Dung vẫn thường có những khám phá bất ngờ khi mở ra, trong những góc ngách u tối của chiều sâu tâm lý nhân vật, những điều mà ta chỉ thường gặp khi đọc Dostoieski hoặc Shakespeare.

Càng ngày, Thủy Sinh lại phát hiện tên “tiểu dân tăng” cục mịch kia là một người thuần hậu, còn Hoa Thiết Can - người anh kết nghĩa của cha nàng – chỉ là một kẻ bỉ ổi táng tận lương tâm.

Khi tuyết tan, Hoa Thiết Can đã nhanh chóng dẫn quân hùng vào hang đá

tìm giết hai kẻ “gian phu dâm phụ” kia, hòng che giấu những việc làm ti bỉ của mình. Y đã đánh một đòn tâm lý sâu sắc là bịa đặt những điều như bản đồ vu cáo Thủy Sinh trước khi nàng kịp mở miệng.

Khi người ta đã có định kiến về một người rồi thì tiếng nói của người ấy sẽ không còn giá trị nữa. Đây cũng là một chiến thuật mà các luật sư trong Dostoevski hay dùng để “khóa miệng” các nhân chứng trước tòa.

Ai còn thèm nghe anh nữa khi nhân cách anh đã “có vấn đề”?

Tên lưu manh Hoa Thiết Can trở thành người hùng. Thủy Sinh lại bị mọi người khinh bỉ, người yêu ngờ vực. Thị phi trong cuộc sống lắm khi bị đảo lộn, trắng đen bị đánh tráo mà con người, do ngu dốt hoặc bị bung bít, vẫn cứ vô tình chấp nhận.

Khi quay về nhà, Dịch Vân lại có dịp hiểu thêm bao sự thật phũ phàng nữa về sự phụ và các vị sư bá. Cả ba đều là những tên học trò tham lam bất nghĩa, vì hám lợi đã âm mưu giết thầy để đoạt Liên thành quyết. Anh muốn giết Vạn Khuê để trả thù nhưng không nỡ. Thích Phương lại bị Vạn Khuê giết chết, bỏ lại cô bé Không Tâm Thái. Dịch Vân càng kinh hoàng hơn khi chứng kiến cảnh từ khách giang hồ đến tri thức, từ bọn phú hào đến quan lại đều điên cuồng cầu xé, chém giết nhau để tranh giành pho tượng Phật bằng vàng.

Thích Trường Phát ám toán Dịch Vân nhưng không thành, vì y không tin rằng trên cõi đời lại có người không cuồng điên vì châu báu, để rồi y cũng chết theo những người khác vì chất độc trong pho tượng Phật. Vàng và Máu. Ở cái thế giới điên đảo này thì hai từ đó sẽ mãi mãi đi chung.

Sống trong một xã hội mà tri thức thì thô bỉ, kẻ có tiền của thì lưu manh, quan lại thì tham lam, thầy tu thì dâm dăng, sư phụ thì lọc lừa thủ đoạn, anh chàng “Hai Lúa” Dịch Vân chỉ là một kẻ lữ hành cô độc. Anh không thể hiểu nổi và hòa nhập nổi vào cái thế giới đó, cũng như anh chàng Charlot đôn hậu cứ mãi mãi đứng bên lề của xã hội công nghiệp tât bật chỉ biết tôn vinh vật chất.

Tâm hồn chất phác của Dịch Vân sẽ mãi mãi ngỡ ngàng trước những tấn tuồng như bản của cuộc đời. Người nông dân phương Đông vẫn luôn mang tâm hồn đôn hậu chất phác mà sống giữa cõi tự nhiên. Điều đáng buồn cười là nền đạo lý – mà chúng ta thường dùng ngôn ngữ bác học để nghiên cứu, và trình trọng tranh biện nhau hòng khoe khoang kiến thức – lại chỉ được gìn giữ bởi những người dân quê hiền lành ít học.

Nếu không có những người mà chúng ta gọi là “Hai Lúa” đó, thì nền đạo lý con người sẽ có nguy cơ bị đổ vỡ bởi thói ma mãnh trong cuộc sống “văn

minh”.

Tất cả đều đổ vỡ tan hoang trong tâm hồn anh “Hai Lúa” Dịch Vân. Sau khi hợp táng nắm tro của Đinh Điền vào nắm mộ của Lăng Sương Hoa để hoàn thành tâm nguyện của một cặp Romeo và Juliette phương Đông, Dịch Vân quyết định dẫn bé Không Tâm Thái quay về hang núi cũ để làm lại cuộc đời mới, như anh nông dân Jean Valjean dẫn cô bé Cosette đi trốn, trong tác phẩm “Những người khốn khổ” của Victor Hugo. Trái tim thuần lương của anh không tìm ra chỗ trú giữa một xã hội đề tiện và bản thủ.

Giữa những cảnh lọc lừa thủ đoạn được che đậy dưới lớp áo phù hoa, sự ngây ngô chân chất của Dịch Vân nổi bật lên như sự tương phản gay gắt trong một bức tranh biếm họa. Điều bất ngờ và cảm động nhất là khi quay về chỗ cũ, Dịch Vân được bỗng gặp lại Thủy Sinh đang đứng chờ ngoài cửa động, cười mà nói “ Muội chờ đại ca ở đây đã lâu rồi! Muội biết thế nào đại ca cũng trở lại mà”. (Ngã đẳng liễu nễ giá ma cửu! Ngã tri đạo nễ chung vu hội hồi lai đích).

Ất hẳn khi cùng đoàn người quay về, Thủy Sinh cũng đã phải đối đầu với bao sự ngộ nhận, và ắt hẳn sự thô bỉ từ những người mà nàng tôn kính đã đẩy nàng vào sự cô độc. Chính trong tâm trạng đó Thủy Sinh mới thông cảm thêm sự cô độc của Dịch Vân.

Những con người biết tự trọng như nàng hoặc đôn hậu như Dịch Vân sẽ không bao giờ tìm thấy hạnh phúc trong một xã hội tồn tại trên sự lọc lừa và man trá. Cái hang đá cũ là chỗ quay về tất yếu cho cả hai người. Những lời nói đơn giản mà thấm thiết của Thủy Sinh đã kết thúc tác phẩm, nhưng nó lại mở ra một chân trời bao la cho những kẻ lữ hành cô độc...

(*) Chiếc hộp Pandora

Ngày xưa không có thần thánh chỉ có Trời và Đất thôi. Trời và Đất là bậc phụ mẫu đầu tiên sinh ra giống người khổng lồ Titans. Giống người này cai trị thế giới hàng bao nhiêu thời đại. Sau cùng các vị thần, con của giống khổng lồ Titans này nổi loạn và lật đổ họ. Thần Zeus làm chúa tể toàn vũ trụ, vợ và cũng là em của thần tên Hera trở thành hoàng hậu.

Vẫn chưa có người trên trái đất và cũng chưa có loài thú vật nào. Một người khổng lồ tên Prometheus được chọn để cai quản trái đất. Thế là Prometheus xuống hạ giới. Chàng lấy đất sét trộn với nước rồi nặn thành một hình người đứng thẳng vì chàng muốn loài người nhìn lên các vì sao chứ không nhìn xuống đất như loài vật vậy. Rồi Prometheus nghĩ:

“Ta sẽ cho sinh vật này đủ các tài năng để vượt được muôn loài”.

Nhưng không may, người em chàng tên Epimetheus, đã đem tất cả những tài năng đó ban cho loài vật: sức mạnh, lòng can đảm, sự khôn ngoan, lanh lẹ, lại cho tất cả cánh, móng, vuốt, sừng, vảy... Chẳng còn giữ lại gì.

Chàng Prometheus nhanh trí bèn nghĩ tới lửa. Ô một món quà vĩ đại và huyền diệu!

Prometheus nghĩ: với lửa con người có thể làm vũ khí áp chế được súc vật, làm các dụng cụ cày đất và thực hiện nghệ thuật. Con người không lông, không vảy ư? Lửa sẽ sưởi ấm chỗ ở, con người không còn cảnh phải lo sợ mưa, tuyết cùng gió bắc.”

Prometheus trở lại trời, châm ngọn đuốc ở xe mặt trời rồi đem lửa xuống cho loài người. Chàng cảm thấy thật sung sướng.

Nhưng trên trời cao ở Olympus, thần Zeus thấy vậy chau mày ghen tỵ với quyền lực của Prometheus. Thần Zeus nghĩ: “Sinh vật này đã biết cạy vào trời thì quả là nó hơn loài vật. Còn phải nói nó là địch thủ xứng đáng của chư thần, nhưng ta sẽ có cách kiểm soát quyền lực bất chính của nó.”

Chương 6: Nỗi Lòng A Tử

André Gide – La porte étroite

Trên đây là lời đối thoại giữa Jérôme và Alissa, hai nhân vật chính trong tác phẩm nổi tiếng La porte étroite của André Gide. Tác phẩm này đã được ngồi bút tài hoa của nhà thơ Bùi Giáng chuyển sang tiếng Việt với tựa đề “Khung cửa hẹp”.

Alisa yêu Jérôme nhưng cô biết em gái mình là Juliette cũng yêu Jérôme, nên cô đã khước từ tình yêu để tìm đến Đấng Tối Cao qua “khung cửa hẹp” theo lời gọi thiêng liêng của tôn giáo. Cô đã đem cả tuổi xuân để làm chất phân bón cho loài cây chỉ nở những cành hoa cô liêu giữa vùng trời sa mạc, với ước vọng điên rồ rằng, cánh hoa của sự hy sinh sẽ tỏa hương thơm vào cõi Vĩnh Hằng huyền hoặc.

Có lẽ cô tin sẽ tìm lại được Jérôme trong cõi chết – nơi mà những cặp tình nhân sẽ gặp lại nhau để nối lại những cung đàn dang dở. Juliette lập gia đình, Alissa qua đời, để lại nhân vật Jérôme cô liêu trong ngậm ngùi bi hận.

Nào đâu là mộng hoài tuổi thanh niên, nào đâu là mùi hương xuân sắc, tất cả đều tan tác trong cơn lốc lạnh lẽ của tình yêu ngang trái.

Đọc đoạn văn trên lòng lại nhớ đến cô bé A Tử trong Thiên long bát bộ. Nếu ai đã từng đọc Khung cửa hẹp và Thiên long bát bộ ắt hẳn có người cho rằng sẽ khiến cưỡng khi đem hình ảnh Alissa – một nhân vật dịu dàng cô độc – để nói về A Tử - một nhân vật nữ tính quái và ác độc nhất trong mọi tác phẩm văn học cổ kim. So sánh Alissa với A Châu còn có thể được, vì cả hai đều là những “linh hồn bao dung”. Dù biết thế, nhưng trong thâm tâm, vẫn thấy giữa Alissa và A Tử, trong tận cùng sâu thẳm của tâm hồn, vẫn có điểm tương đồng: Đó là sự thiết tha trong tâm nguyện.

Cuộc đời vẫn luôn có những người con gái đồng đánh và tai quái thường đem những kẻ yêu họ (mà họ không yêu lại, dĩ nhiên!) ra làm đối tượng chế giễu. Như một trò đùa và để thỏa mãn cái tôi.

Thuở còn đi học, đâu phải thiếu những cậu học trò phải bao phen xấu hổ bởi những lá thư tỏ tình vụng dại mà họ âm thầm nhét vào gầm bàn học lại trở thành “đề tài nghiên cứu” cho cả lớp!

Nhưng tình quái đến mức tàn ác như A Tử đối với Du Thản Chi có lẽ trên đời này chỉ có một. Cô đầy đoạ gã si tình kia đến thân tàn ma dại, chỉ để mua vui và đem gã làm vật hy sinh cho những trò luyện công tà quái.

Cô cho cột gã vào ngựa rồi kéo lên để làm trò “diều người”, bắt gã để tay cho rần rít cần để cô luyện công phu “Hóa công đại pháp”. Tàn nhẫn nhất là cô cho người hầu dùng cái khuôn sắt nung cháy trùm lên đầu Du Thản Chi và

hủy hoại khuôn mặt của kẻ si tình khốn khổ.

Cô cũng không một chút động lòng khi biết Du Thản Chi đã hy sinh đôi mắt để đem lại ánh sáng cho mình. Cô không hiểu rằng trong tâm hồn cuồng điên si dại đó, máu và lệ của mối tình câm đã ngập tràn, như muốn nhận chìm cả môi hôn cắn đã từng sục sôi thuở vượt Nhạn môn quan để trả mối phụ thù.

Với A Tử, Du Thản Chi hay tất cả mọi người khác để chỉ là những con sâu cái kiến. Chúng hoàn toàn vô nghĩa và chỉ có một lý do duy nhất đáng để tồn tại là được dùng để phục vụ cho tham vọng của cô.

Cô chỉ biết có Tiêu Phong. Cô đứng đưng tàn ác với tất cả mọi người, thậm chí với cả những người thân, nhưng với Tiêu Phong thì trái tim lạnh lùng và vô cảm kia lại sẵn sàng hy sinh tất cả. Hình ảnh người anh rể đã chiếm trọn tâm hồn của cô bé mới mười mấy tuổi đầu. Càng tàn nhẫn với Du Thản Chi bao nhiêu thì cô lại càng tha thiết với Tiêu Phong bấy nhiêu. Hai thái cực tàn nhẫn và đắm say cùng ở chung trong tim một thiếu nữ đã đẩy mối tình ngang trái vô vọng kia đến tận cùng thảm họa.

Khi thấy Tiêu Phong luôn hờ hững với mình, cô từng ném độc châm vào Tiêu Phong để mong Tiêu phong sẽ bị thương, và sẽ ở mãi bên cô! Khi nghe cô kể chuyện Du Thản Chi hy sinh cặp mắt cho cô với giọng thản nhiên và giễu cợt, Tiêu Phong đã trách mắng cô bạc nghĩa, thì cô lại khóc òa lên và nói một câu mà mọi nam nhi trong thiên hạ đều phải động lòng: “Nếu như đại ca bị mù hai mắt thì muội cũng xin hiến đôi mắt mình để cứu đại ca”.

Câu nói chí tình và tha thiết đó có “cứu vãn” được những điều tàn ác mà cô đã gây ra? Quả chữ tình đã gây ra bao oan nghiệt cho cõi trần gian. “Tu là cội phúc, tình là dây oan” (Kiều). Tu có là cội phúc hay không thì chưa thấy, nhưng tình là dây oan thì quả là nhiều.

Sợi dây tình đã trói chặt số phận Tiêu Phong, Du Thản Chi và A Tử vào vòng tròn nghiệt ngã, mà các nhân vật đó chưa hẳn đã cắt đứt được, ngay cả khi họ cặp tay nhau đi về bên kia thế giới.

Cõi chết vẫn là điểm tương phùng cho những cặp tình nhân bất hạnh. Không tin tưởng lắm về Ngày phán xét cuối cùng của mọi tôn giáo, hoặc sự cứu rỗi linh hồn nhờ vào một đấng Tối Cao, nhưng lại rất tin thuyết luân hồi, không phải theo nghĩa tôn giáo mà như là một hình ảnh của nghệ thuật.

Những tâm nguyện chưa thực hiện, những tình yêu dang dở, những hoài vọng không thành... sẽ khiến cho cuộc sống trở nên chua chát và cõi đời trở nên ngậm ngùi biết mấy, nếu như chúng ta không tạo được niềm tin rằng chúng ta sẽ được tự thành ở kiếp lai sinh?

Trong bài thơ Adieu (Lời vĩnh biệt), Apollinaire đã từng nói lên những lời tha thiết

(Bùi Giáng dịch)

Bài thơ của Apollinaire nghe ngậm ngùi man mác, nổi sâu trong thơ nghe như bằng bạc nhẹ nhàng, nhưng nó lại đẩy con người đối diện với nỗi trống vắng khôn cùng “Nous ne nous verrons plus sur Terre” Chúng ta sẽ không tương phùng được nữa. Mộng trùng lai không có ở trên đời. Và bao hoài mộng, người ơi, xin hãy chờ đợi nhau trong hương thời gian và hồn thạch thảo.

Trong khi đó, Nguyễn Du đã dìu chúng ta từ cõi lạnh giá về nơi ấm áp. Kiếp sau họa gặp, kiếp này hân thôi (Kiều). Lời thơ đó dù có đau thương nhưng vẫn còn nồng ấm vì nó mở ra cho chúng ta một khoảng trời, để ước mơ và hy vọng. Mộng trùng lai nếu không có ở trên đời thì còn có ở kiếp sau. Đó chính là lời về cho A Tử và cho cả Du Thán Chi lẫn Tiêu Phong.

Tiêu Phong vẫn luôn ở bên cô nhưng cô hiểu “dầu trong gang tấc gặp mười quan san” (Kiều), vì hình ảnh của người chị A Châu. Cô bị hoàng hậu nước Liêu lừa để đem thuốc độc cho Tiêu Phong uống, vì cô ngỡ đó là “thuốc yêu”, Tiêu Phong uống vào sẽ yêu cô mãi mãi!

Liều “thuốc yêu” đó đã khiến Tiêu Phong mất hết nội lực, và bị bắt khi dẫn cô chạy trốn.

Trách sao được cô bé tai quái tàn ác kia, khi hiệu quả của liều thuốc yêu là điều cô luôn mơ tưởng? Cõi đời, từ thuở xa xưa cho đến cả thời hiện đại, vẫn đâu thiếu những thiếu nữ nhẹ dạ cho rằng có một loại thuốc thần diệu nào đó giúp họ níu kéo được những trái tim phụ bạc hoặc đang theo đuổi một hình bóng khác. Vô lý là thế, nhưng họ vẫn tin, bởi vì những tâm hồn yếu đuối đáng thương kia sẽ bám víu vào đâu khi mà mọi nỗ lực chiếm hữu tình yêu đều dẫn vào tuyệt lộ?

Chỉ đến khi Tiêu Phong ngã xuống tại Nhạn môn quan, cô mới thấy rằng, bây giờ vị tỷ phu mà cô trọn đời thương nhớ kia mới thực sự là của cô. Sẽ không còn ai tranh giành trái tim đó với cô nữa. Sẽ không còn những lời trách mắng, cũng như những lời răn dạy nghiêm khắc khi cô bày tỏ nỗi lòng, vì bị xem là đứa trẻ con.

Chỉ bây giờ cô mới có quyền ôm vị tỷ phu một cách đắm say mà không bị phản đối, cự tuyệt. Đó có lẽ là giây phút đón đầu nhưng hạnh phúc nhất trong đời A Tử. Chỉ giờ đây, cái chết mới nối kết được cho cô những gì đã bị cách ngăn trong cuộc sống.

Hình ảnh A Tử móc mắt trả lại cho Du Thán Chi, rồi ôm xác Tiêu Phong

roi vào vực thẳm, quả quá đủ để đẩy mọi trang sách viết về bi kịch tình yêu vào bóng tối.

Đứng bên hình ảnh đoạn trường kia, mọi cảnh tượng đau thương thảm khốc nhất của tình yêu trong mọi nền văn học đều trở nên mờ nhạt và ảm đạm.

Và tin rằng, từ vực thẳm đó tại Nhận môn quan, một bài tụng ca thiêng liêng sẽ bay vút lên tận cõi trời Đâu Suất để làm hồi sinh một tình yêu đang dở trái ngang.

Chương 7: Diệt Tuyệt Sư Thái - Quái Tượng Chốn Thiền Môn

Không ít người, do không hiểu được những yếu tố sơ đẳng trong Phật học, cho rằng đạo Phật chỉ đưa con người đến chỗ bế tắc. Họ quên rằng có quá nhiều kẻ trốn vào thiền môn chỉ vì một lý do đơn giản là bị bế tắc khi đối diện với cõi thế. Bế tắc trong tư tưởng, trong tình cảm, thậm chí trong cơm áo.

Thuở đức Phật còn tại thế, ngài đã từng cảnh báo có những kẻ quy y theo Phật chỉ để kiếm cơm! Thuở đó còn vậy, huống gì đến thời mạt pháp. Đối với những kẻ bế tắc đó thì Phật pháp, dù có quảng đại và nhiệm màu đến mấy, cũng chỉ là một loại “cần câu cơm” giúp họ tạm thời làm ổn định những cơn quây phá của cái bao tử rỗng, hoặc một loại “xi rô an thần” giúp họ làm dịu đi những cơn khủng hoảng thần kinh!

Hàng mấy ngàn năm qua, tinh thần bao dung của Phật giáo luôn mở rộng vòng tay đón nhận bao nhiêu bậc lợi căn pháp khí, xả thân cầu pháp, thì đồng thời cũng đón nhận không ít rác bần bay theo làm ô uế chốn Thiền môn.

Trong tác phẩm Kim Dung, bên cạnh môn phái Thiếu Lâm được xem như biểu tượng cho cái nôi võ học Trung nguyên và võ học Phật môn, còn có các môn phái của ni cô như Nga My, Hằng Sơn, hay phái Lạt Ma Tây Tạng hoặc Huyết Dao môn. Và trong những môn phái thờ Phật đó cũng có đủ dạng chúng sinh, đủ loại môn đồ. Bên cạnh những cao tăng đắc đạo cũng không thiếu những người muốn chạy trốn cõi nhân sinh hay những kẻ lưu manh thủ đoạn, vào cửa chùa để lợi dụng tấm áo cà sa.

Có người đến với cửa Thiền vì khát khao tìm cầu diệu pháp trong cõi thanh tịnh Như Lai, cho nên ta có những bậc giác ngộ như Độ Nạn, Độ Kiếp, Độ Ách, hay những vị cao tăng xả thân vì đời như Không Kiến, bao dung như Phương Sinh, Phương Chứng, khoáng đạt như Vô Sắc, từ hòa như Định Nhàn, thần thông như vị vô danh tăng trong Tàng kinh các. Có kẻ đại trí đại dũng do “buông đao mà thành Phật” vì cơ duyên chín muồi để họ ngộ ra điều nhiệm màu trong hai chữ “sắc không” mà quy y cửa Phật, như Tiêu Viễn Sơn, Mộ Dung Bác, Tạ Tồn.

Có kẻ tìm đến cửa chùa chỉ vì muốn lợi dụng của Thiền để thực hiện những thủ đoạn thâm độc như Viên Chân. Có kẻ gian hùng tìm đến cửa chùa để tạm trốn qua ngày đói rét, và theo đuổi giấc mơ trục lợi như Chu Nguyên Chương. Có kẻ tìm đến cửa chùa để chạy trốn quá khứ như Mục Niệm Từ. Có kẻ tìm đến cửa chùa chỉ vì muốn cưới ni cô (!) như Bất Giới hòa thượng. Có kẻ “bị đi tu” như Điền Bá Quang. Có người từ tấm bé do hoàn cảnh đưa đến với cửa Phật, nên đành phải âm thầm chấp nhận tấm áo nâu sồng mà gạt

lệ làm ngơ trước cõi đời xuân sắc, như Nghi Lâm và Viên Tính.

Do có hàng ngàn lý do đưa đẩy con người đi tu, cho nên chốn cửa Phật cũng có vô vàn nhân cách. Có kẻ làm bậc quốc sư của một nước, hàng năm vào Đại tuyết sơn để đăng đàn thuyết pháp, nhưng tâm lại đắm chìm trong cõi tham sân si một cách bệnh hoạn như Cưu Ma Trí. Bên cạnh những bậc đại trí đại bi cũng có những đại sư gàn dở như Giác Viễn, ngớ ngẩn như Hối Thông, hậu đậu như Hư Trúc, hồ đồ như Viên Âm, ác độc như Hỏa Công đầu đà, dâm dăng như đám thầy trò Huyết Dao môn, cố chấp như các đại sư Đạt Ma đường...

Nhưng có lẽ chỉ có một con người quái dị đến với cửa Thiền bằng cả tấm lòng thành nhưng sát tâm còn nặng hơn cả những ma đầu ngoài đời. Đó là Diệt Tuyệt sư thái.

Không rõ Kim Dung khi xây dựng nhân vật Diệt Tuyệt sư thái, có dựa vào một nguyên mẫu nào ngoài đời hay không. Nếu có thì đó quả là một thảm họa cho Phật giáo.

Diệt Tuyệt sư thái là chương môn đời thứ ba của phái Nga Mi. Chỉ vì người yêu là Cô Hồng Tử chết về tay Dương Tiêu mà bà đem cả lòng phần hận đổ hết lên giáo đồ Minh giáo. Đối với giáo đồ Minh giáo, bà chỉ có một lập trường duy nhất là giết sạch. Diệt Tuyệt sư thái sáng tạo hai pho kiếm pháp “Diệt kiếm” và “Tuyệt kiếm” để thực hiện ý đồ của mình.

Cái sát tâm kinh dị đó hoàn toàn đi ngược lại nền đạo lý thông thường, chứ chưa nói đến việc làm tổn thương một tôn giáo lấy từ bi làm gốc như Phật giáo. Nếu kinh điển chép rằng đức Phật, qua vô số những tiền thân, từng hân hoan xả thân để cứu độ con người hay cứu những sinh vật bé nhỏ theo tinh thần bố thí Ba la mật, thì môn đồ ngài là Diệt Tuyệt sư thái lại có thể ung dung giết sạch những người mà bà tự xem là phe đối nghịch.

Cảnh tượng một ni cô cầm Y Thiên kiếm lạnh lùng chém những giáo đồ Minh giáo giữa sa mạc mà không một chút băn khoăn, khi những người này không còn khả năng chống cự và thản nhiên ngồi tụng kinh siêu độ nói về cõi thế vô thường. Cảnh tượng đó nói lên toàn bộ sự bất lực của bạo lực trước đức tin.

Là môn đồ của Phật, lẽ ra chính Diệt Tuyệt sư thái phải hiểu điều đó hơn ai hết. Nhưng bà vẫn làm điều đó có lẽ vì tự trong thâm tâm bà hiểu rằng bà chỉ tiêu diệt “tà ma ngoại đạo” trên danh nghĩa, nhưng thực ra là để báo thù riêng. Thậm chí bà còn biến mối thù của mình thành tôn chỉ của môn đệ.

Thân nương nhờ cửa Phật mà tâm chỉ toan tính chuyện báo thù, đó quả là điều gây kinh hãi suốt cổ kim.

Khi bà biết Kỷ Hiểu Phù có con với Dương Tiêu, bà vẫn không ngần ngại bỏ qua tất cả để truyền chức chương môn cho Kỷ Hiểu Phù. Và chỉ yêu cầu một điều là nàng phải tìm cách giết Dương Tiêu. Buộc đệ tử giết chồng để được truyền y bát, vị sư thái kia đã hành xử bá đạo hơn cả những kẻ đại ma đầu, nhưng bà vẫn ngang nhiên giờ cao lá cờ “tiêu diệt tà ma”. Khi tâm con người đã bám sâu vào định kiến thì họ vẫn thường có những sự cố chấp kỳ lạ đến mức ngu xuẩn. Khi Kỷ Hiểu Phù, vì tiếng nói chân chính của con tim, lắc đầu từ chối thì bà thân nhiên vung chương đập vỡ sọ môn đồ.

Bà vì muốn Nga My hiển danh trên chốn giang hồ mà không từ một thủ đoạn nào. Khi bị giam cầm tại chùa Vạn An, bà truyền chức chương môn đời thứ tư cho Chu Chỉ Nhược, chỉ để Chu Chỉ Nhược sẽ tiếp tục ý định của mình. Ngôi chương môn tôn quý từ khi sư tổ Quách Tường sáng lập, đến tay Diệt Tuyệt sư thái đã biến thành món mồi đem ra để nhử môn đồ.

Bà là người duy nhất biết được bí ẩn trong thanh đao Đồ Long và thanh kiếm Y Thiên, nên căn dặn Chu Chỉ Nhược bằng mọi cách phải chiếm đoạt cho được. Bà biết giữa Trương Vô Kỵ và Chu Chỉ Nhược có mối tình thanh mai trúc mã nên đề nghị Chu Chỉ Nhược nếu cần thì dùng “mỹ nhân kế” dụ dỗ Trương Vô Kỵ để chiếm đoạt được đao Đồ long.

Bà mong muốn Chu Chỉ Nhược, sau khi học được hai bí kíp võ công trong đao lẫn kiếm, sẽ trở nên nhân vật vô địch trong thiên hạ, và do đó, Nga My sẽ là Thái sơn Bắc đẩu của võ lâm...

Dùng thủ đoạn “mỹ nhân kế” đã là hạ sách, mà đối với môn đệ Nga My thì việc đó lại càng hạ lưu thô bỉ, nhưng người đọc cũng có thể tạm cảm thông với bà, xem như đó là chuyện quyền biến tạm thời để thực hiện tâm nguyện muốn hoằng dương môn phái của một vị chương môn.

Điều kinh khủng nhất là bà bắt Chu Chỉ Nhược phải thề độc với bà là, nếu nàng lấy Trương Vô Kỵ thì cha mẹ chết dưới mồ sẽ không được yên, bà sẽ biến thành quỷ ám ảnh suốt đời. Nếu nàng sinh con trai thì con trai sẽ làm tôi tớ, sinh con gái thì con gái sẽ làm dĩ chôn thanh lâu.

Lòng thù hận thâm độc một cách quái dị và tàn nhẫn đến vậy, có lẽ cả đức Phật cũng phải không rét mà run!

Khi Trương Vô Kỵ dùng Càn khôn đại na di cứu mọi người nhảy ra khỏi tháp lửa thì bà là người duy nhất chịu chết để khỏi mang ơn tên “tiểu dân tộc ma giáo” đó. Sự căm thù vô lý của bà khiến người đọc cũng không hiểu được bà nhận ra điểm xấu gì ở Trương Vô Kỵ. Có lẽ bà căm thù Trương Vô Kỵ chỉ vì anh ta là giáo chủ Minh giáo. Dưới mắt bà, giáo đồ phe Minh giáo đã toàn một loại xấu xa dâm dăng, huông gì giáo chủ còn sa đọa ghê tởm đến độ nào?

Kết cục của chúng chỉ đáng kết thúc dưới thanh kiếm Ý Thiên của bà mà thôi.

Đó có thể là lý do, nhưng chắc gì trong thâm tâm bà lại không ganh tỵ với thân phận của Trương Vô Kỵ và phe Minh giáo, mà theo bà, lẽ ra là của Chu Chỉ Nhược với phái Nga My?

Là kẻ tu hành đứng đầu một môn phái lớn như Nga My, lẽ ra Diệt Tuyệt sư thái phải có được những sở đắc nhất định về Phật pháp để hiểu rằng chữ “ma” trong đạo Phật chỉ là khái niệm “ma chướng” che mờ Phật tính và ngăn cản con đường tu đạo, chứ nào phải là con người hay giáo phái cụ thể bị gán cho cái nhãn hiệu “tà ma”!

Chính cái sát tâm bệnh hoạn của Diệt Tuyệt sư thái mới thực là cái “tà ma” cần diệt tuyệt. Kinh Niết Bàn chủ trương đến cả hạng người chuyên phỉ báng Phật pháp vẫn có thể thành Phật, thì những người phe Minh giáo bị cho là “tà ma ngoại đạo” đó há chẳng phải là những hạt giống của Như Lai sao? Với một tôn giáo lấy từ bi làm gốc như Phật giáo thì làm gì có khái niệm “tà ma ngoại đạo”.

Chúng ta luôn bị lẫn lộn trong khái niệm và sự ngộ nhận đó đã gây ra biết bao thảm kịch trong suốt dòng lịch sử của nhân loại.

Chư Phật dùng vô lượng phương tiện thiện xảo để hiện ra vô lượng hóa thân, tùy căn cơ mà hóa độ vô lượng chúng sinh trong khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Phẩm Phổ môn trong kinh Pháp Hoa bảo:

Nếu đức Phật xâm nhập vào chốn giang hồ thì, để hóa độ các nhân vật võ lâm, ắt hẳn ngài cũng sẽ có vô lượng hiện thân mà tùy nghi thuyết pháp.

Với Lệnh Hồ Xung sẽ hiện thân lãng tử, với Tả Lãnh Thiền sẽ hiện thân Đại lực sĩ, với Hoàng Dược Sư sẽ hiện thân trưởng giả, với Nghi Lâm sẽ hiện thân đồng nữ, với Cưu Ma Trí sẽ hiện thân Năng đoạn kim cương Bồ Tát, với Tà Tôn, Tiêu Viễn Sơn hay Mộ Dung Bác sẽ hiện thân Đại Tuệ Bồ Tát...

Nhưng không hiểu đối với loại ni cô quái dị như Diệt Tuyệt sư thái, muốn thuyết pháp hóa độ thì đức Phật sẽ hiện thân gì?

Chương 8: Châu Bá Thông - Trăm Năm Còn Vị Thành Niên (Trần Văn Chánh)

Mỗi khi đọc câu thơ tự trào dí dỏm của người bạn gởi tặng từ vùng Bắc Ninh xa lắc, lại nhớ đến Lão ngoan đồng Châu Bá Thông.

Ở vào lứa tuổi mà Không Tử bảo là “tri thiên mệnh”, đã đủ dày dặn kinh nghiệm để hiểu được mệnh trời, ấy vậy mà vẫn thấy mình là kẻ “vị thành niên”! Cuộc sống vẫn luôn mênh mông đối với những người hồn nhiên lạc quan, luôn mang trong mình cái “xích tử chi tâm” của Lão ngoan đồng.

Không Tử bảo: “Tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tòng tâm sở dục, bát du cử” (Ba mươi tuổi thì ý chí đã kiên định, bốn mươi tuổi thì không còn ngờ, năm mươi tuổi thì hiểu mệnh trời, sáu mươi tuổi thì tai thuận, bảy mươi tuổi thì có thể làm theo lòng ham thích mà không còn sợ vượt quá khuôn phép nữa – Luận ngữ - Vi chính II, 4).

Cho nên, “bảy mươi mới bước vào đời”! Lúc này đã có quyền “tòng tâm sở dục, bát du cử” rồi.

Ở cái tuổi “sang chơi láng giềng” thì người hàng xóm lợm khộm là láng giềng đã đành, thậm chí cái chết cũng là kẻ láng giềng. Lúc đó thì làm kẻ “sang chơi láng giềng” theo thể điệu “Être-pour-la-mort” (hữu thể hướng tử) của Heidegger!

Đối với nhà thơ Nguyễn Công Trứ, cái chơi “Tân nương dục vắn tân lang kỷ. Ngũ thập niên tiền nhị thập tam” (tạm dịch: Người đẹp muốn hỏi tuổi ta. Năm mươi năm trước mới hăm ba chứ gì!), ở cái tuổi bảy mươi ba, nghĩa là mới “vào đời” được ba năm, thì dĩ nhiên những đào nương xuân xanh hơ hớ trong tiếng ca và sênh phách luôn là kẻ láng giềng của vị Doanh điền sứ tài ba và “chịu chơi” nhất trong nền văn học Việt Nam này.

Cụ Nguyễn Công Trứ tựa như nhân vật Alexis Zorba của nhà văn Hy Lạp Nikos Kazantzaki, luôn thấy mình ở lứa tuổi đôi mươi, yêu mê đắm, sống say sưa, làm việc hết mình để tận hưởng hết cái thanh sắc của trần gian cho đến lúc xuôi tay nhắm mắt. Cái tố chất “chịu chơi” của Alexis Zorba hoặc của Uy Viễn tướng công dù hiếm, nhưng vẫn còn có thể tìm thấy ở một đôi người, chứ cái tố chất hồn nhiên như đứa trẻ con chơi đùa giữa đời của Châu Bá Thông thì chỉ có có thể tìm thấy trong chính Lão ngoan đồng!

Nếu chọn trong tất cả tác phẩm Kim Dung một nhân vật được mọi tầng lớp độc giả yêu thích, kể cả trẻ con, thì có lẽ đó chính là Châu Bá Thông. Một nhân vật suốt đời chỉ biết chơi đùa, luôn tìm cách trốn tránh mọi trách nhiệm trong đời mà lại được mọi độc giả yêu mến, điều đó mới là lạ lùng.

Người ta nói Lên ba thì cười, lên mười thì mắng, có nghĩa cùng một câu nói, nếu ở miệng đứa bé lên ba nói ra thì thấy ngộ nghĩnh đáng yêu, còn ở miệng đứa bé lên mười thì lại thấy hỗn xược vô lễ. Cái “thực” không đổi khác mà lại sinh ra hai tâm trạng yêu ghét, bởi vì câu nói của đứa bé lên ba hoàn toàn xuất phát từ trạng thái hồn nhiên vô tâm. Mà ở trên đời, những gì xuất phát từ cái tâm hồn nhiên đều dễ dàng tiếp cận và làm cảm động được lòng người một cách đậm thấm sâu xa.

Châu Bá Thông được độc giả yêu mến bởi ông luôn là “đứa bé lên ba” đó.

Sau khi vô tình gây nên mối tình oan nghiệt tại cung điện Đoàn Nam đế, Châu Bá Thông lại suốt đời chạy trốn Anh Cô, không phải vì ông là kẻ bội bạc vô tình, mà chỉ vì không muốn mang trách nhiệm với cõi đời, nghĩa là không có khái niệm “làm người lớn”.

Thân ở trong cõi đời, nhưng tâm lại hoàn toàn không muốn vướng bận lụy phiền của cõi nhân gian.

Con người khi sinh ra là một đứa bé hồn nhiên, rồi lớn lên, vượt qua giai đoạn ấu thơ để vào đời, và từng bước khám phá ra những điều huyền ảo. Nhưng chính trong quá trình khám phá để “trưởng thành” ấy, con người dần đánh mất tính hồn nhiên mà Thượng đế đã phú bẩm cho từ thuở ban sơ. Cái “xích tử chi tâm” dần bị chai sạn bởi những nghiệt ngã của cuộc sống.

Con người, để tồn tại và để cạnh tranh vượt lên cao hơn người khác bằng mọi thủ đoạn mưu ma chước quỷ, cứ ngày càng xa dần vườn địa đàng của tuổi thơ. Cái tâm hồn nhiên kia bị tập nhiễm quá nhiều điều thô bỉ, dơ tiện cùng những thói quen dối trá lọc lừa mà chỉ khi có cơ duyên thoát khỏi những hệ lụy ấy, con người mới có thể sức tỉnh để chợt hiểu ra những trò nhảm nhí mà mình cứ mê mải múa may trên sân khấu đời.

Bộ sách Mạnh Tử gồm mấy vạn lời, suy cho cùng cũng chỉ là nỗ lực giúp con người khôi phục lại cái tâm hồn nhiên đó mà thôi. “Đại nhân giả bất thất kỳ xích tử chi tâm” (Bậc đại nhân không đánh mất đi tấm lòng con trẻ - Mạnh Tử, Ly Lô hạ). Châu Bá Thông chính là bậc đại nhân “bất thất kỳ xích tử chi tâm” đó.

Hầu hết những cao thủ võ lâm đều xem võ học là phương tiện để thỏa mãn tham vọng bành trướng uy quyền và khoáng trương cái tôi. Chỉ có Châu Bá Thông xem võ học là mục đích tự thân. Thích học võ, vui học võ, say mê học võ. Hễ gặp ai có những tuyệt kỹ lạ lùng, như Dương Qua hay Kim luân Pháp vương là Châu Bá Thông sẵn sàng bái làm sư phụ để xin học. Như một đứa trẻ ham mê đồ chơi lạ.

Và chỉ có cái tâm hồn nhiên của trẻ thơ mới có thể sáng tạo ra những điều kỳ diệu từ những cái tưởng chừng rất đỗi tầm thường.

Cậu hoàng tử bé trong tác phẩm *Le petit prince* của Saint-Exupéry luôn ngạc nhiên trước những trò bện rộn của người lớn. Mà chỉ có những đứa bé hồn nhiên mới thấy hết được cái vẻ trịnh trọng điên đảo của người lớn.

Ông Bùi Giáng có lẽ cũng đã dùng cái tâm trẻ thơ để chuyển ngữ tác phẩm trên thành *Hoàng tử bé* bằng một ngôn ngữ vô cùng hồn nhiên thơ mộng, khác hẳn những cuốn sách dịch cà rồn khác của ông.

Châu Bá Thông cũng chính là cậu Hoàng tử bé đáng yêu kia.

Tô Đông Pha hỏi Tạo vật hà như đồng tử hý! (tạo vật sao lại giống như đứa bé chơi đùa đến vậy!). Tạo hóa với đại lực lượng, đại ý chí mà lại biết chơi đùa cũng chỉ vì có cái tâm hồn nhiên của trẻ thơ.

Châu Bá Thông suốt đời chỉ biết chơi đùa chỉ vì cái tâm đó.

Chỉ vì một lời thách thức vớ vẩn mà Châu Bá Thông phải vượt mấy ngàn dặm từ Trung nguyên cho đến vùng hoang mạc xa xôi để tìm một lá cờ, giống như đứa trẻ chơi trò cút bắt, Châu Bá Thông chính là “đồng tử hý” vậy.

Nhờ cái tâm hài nhi ưa đùa bỡn mà Châu Bá Thông không hề thù hận ai, kể cả Hoàng Dục Sư là người đã đánh gãy chân ông và bắt giam ông trên đảo hàng chục năm. Ngồi trong thạch động, không có bạn chơi thì tự mình chơi với mình bằng cách dùng hai tay đánh với nhau. Kết quả là ông sáng tạo ra môn tuyệt kỹ độc đáo nhất võ lâm: “Song thủ hổ bác”. Hai tay vừa hổ tương vừa công kích lẫn nhau, tạo thành uy lực vô lượng, như hai đôi cực âm và dương cùng vận hành trong vòng tròn thái cực.

Để học được môn võ công kỳ diệu này thì bài học võ lòng là phải dùng hai tay để vẽ cùng lúc một vòng tròn và một hình vuông. Mới nghe thì tưởng chừng như đơn giản, nhưng không ai học được. Cái công phu “phân tâm nhị dụng” (chia lòng ra làm hai để ứng dụng vào hai việc khác nhau) đó chỉ có hai người là Quách Tĩnh và Tiểu Long Nữ tiếp thu nổi.

Quách Tĩnh học được là nhờ cái tâm đôn hậu chân chất, Tiểu Long Nữ học được là nhờ cái tâm hư tĩnh như mặt nước hồ thu, không hề vương bụi trần.

Châu Bá Thông vai vế ngang với Hồng Thất Công, Hoàng Dục Sư lại nài nỉ kết giao tình huynh đệ với Quách Tĩnh, là kẻ lẽ ra phải kêu mình bằng sư thúc tổ. Về sau, ông lại kết giao với Dương Quá, hạng con cháu của Quách Tĩnh nữa.

Chỉ tiếc một điều, có lẽ tại Lão ngoan đồng “ky” phái nữ sau “sự cô Anh Cô”, nếu không có lẽ ông đã kết nghĩa huynh với cô bé Quách Tương rồi. Hai

tâm hồn khoáng đạt như vậy mà không có cơ duyên để kết nghĩa thì quả là điều uổng phí của trần gian.

Phật giáo chủ trương tất cả chúng sinh đều bình đẳng trước Tam bảo, thì mọi khách giang hồ đều bình đẳng trước cái tâm của Châu Bá Thông.

Cuối cùng thì cuộc trốn chạy Anh Cô cũng phải chấm dứt, cùng với cái chết trong cơn sấm hồi của Cừu Thiên Nhận. Châu Bá Thông và Anh Cô về sống chung, làm người láng giềng của Đoàn Nam đế. “Tám mươi ta mới sang chơi láng giềng”. Nhưng dẫu cho đến lúc đó, vẫn cho rằng Châu Bá Thông vẫn là kẻ “vị thành niên”.

Mọi người chúng ta ai cũng đã có lần có được cái tâm Châu Bá Thông, rồi lại đánh mất đi. Nhưng điều đáng ngạc nhiên là dường như không ai muốn tìm lại cái tâm đó, có lẽ sợ bị mang tiếng là “trẻ con”! Chúng ta say sưa xác lập những giá trị, rồi luôn tìm mọi cách để chiếm đoạt những giá trị do chính chúng ta dựng nên, trong cái “thế giới người lớn” đầy những lễ nghi phiền toái cùng những dối trá lọc lừa.

Chính trong tiến trình xây dựng và chiếm đoạt các giá trị đã làm nảy sinh biết bao xung đột, hận thù. Rồi chúng ta lại vắt óc tìm mọi cách hòa giải, cũng bằng kiểu cách khệnh khạng của “người lớn”, mà có khi nào chịu hiểu rằng, chính cái kiểu cách khệnh khạng đó lại là mầm mống để ra thêm các xung đột khác.

Thiên Sơn mặc trong Nam hoa kinh của Trang Tử chép: “Thuyền lớn vượt sông, có con đò nhỏ không người trôi đến chạm vào, thì dù là người có bụng hẹp hòi cũng không giận. Nhưng nếu trên đò có người, tất thuyền lớn sẽ hô hoán lên. Nếu gọi một hai lần mà không nghe ắt sẽ gọi lần thứ ba, rồi buông lời thóa mạ theo ngay. Lúc trước không giận mà bây giờ giận, vì lúc trước là chiếc đò không (hư) mà bây giờ là đò có người (thực). Người ta nếu biết làm mình trở thành chiếc đò không để trôi giữa đời, thì ai mà hại được? (Nhân năng hư kỷ dĩ du thế, kỳ thực năng hại chi?)”.

Châu Bá Thông chính là “con đò không” đó để rong chơi trong cõi giang hồ, đã biết “hư kỷ dĩ du giang hồ”. Cái tâm “hư kỷ” của Châu Bá Thông là cái tâm tự nhiên, vượt trên cả chữ “năng”. Ông không cần tập “năng hư kỷ” mà tự nhiên đã là “hư kỷ” rồi.

Có người hỏi thiên sư Triệu Châu: “Con chó có Phật tính không?”. Ông đáp “Vô!”. Tâm Châu Bá Thông cũng chính là chữ “Vô” đó.

Cái tâm hài nhi của Châu Bá Thông là điều mà mọi tôn giáo và triết học chân chính đều nỗ lực muốn tìm lại. Hình ảnh ngây thơ của Chúa Hải Đồng hay nụ cười hồn nhiên của đức Phật Di Lặc luôn nhắc nhở ta về cái tâm Châu

Bá Thông mà ta vô tình đánh mất.

Và sẽ vô cùng hạnh phúc cho ai, ở những năm tháng cuối đời tìm được cái tâm Châu Bá Thông ngay giây phút cận kề của cõi không hư.

Chương 9: Lăng Sương Hoa - Cái Chết Của Nhàn Lục Cúc

Khi sáng tạo nên cái trần gian diễm đại và đầy hương sắc này, thì vẻ hùng vĩ của biển rộng núi cao, nét xinh tươi của oanh ca liễu rũ, trắng hoa sương tuyết, tiếng róc rách của sông lạch suối khe... dường như chưa làm hài lòng Hóa công, nên ngài phải sáng tạo thêm người phụ nữ.

Dường như mọi phụ nữ trên cõi đời này hiểu rằng Thượng đế tạo ra họ là để điểm tô thêm cho cái trần gian vốn đã đầy hương sắc, cho nên tự ngàn xưa, đối với họ, giữ gìn sắc đẹp vẫn luôn là điều cực kỳ trọng đại.

Với phụ nữ, nhan sắc lắm khi còn quan trọng hơn cả mạng sống. Nhậm Doanh Doanh khi bị Nhạc Bất Quần dùng lưới bắt tại Hoa Sơn thì nàng hiểu rằng cái chết là điều tất yếu. Vậy mà khi Nhạc Bất Quần muốn hủy hoại nhan sắc nàng thì nàng lại hoảng kinh. Chu Chỉ Nhược khi bị giam cầm tại chùa Vạn An cùng bao nhân vật của Lục đại môn phái, thì chuyện sống chết đã sớm bỏ ngoài lòng, nhưng khi Triệu Mẫn dọa dùng dao rạch mặt thì cô lại xiêu hồn lạc phách. Cả cô nàng Triệu Mẫn bướng bỉnh tinh quái là thế cũng không khỏi đứng tim, khi Thanh dực bức vương Vi Nhất Tiểu cảnh báo sẽ hủy hoại khuôn mặt kiêu diễm của cô, nếu như cô đụng tới Chu Chỉ Nhược. Khang Mẫn bị A Tử hành hạ dã man nhưng vẫn còn tỉnh táo để tỏ tình với Kiều Phong, cô nàng không chết vì vết thương trí mạng mà chết vì đau khổ và kinh hãi khi soi thấy khuôn mặt bị tàn phá của mình trong tấm gương đồng.

Chúng ta không thể cay đắng như Hamlet của Shakespeare: “God hath given you a face, and you make yourselves another” (Thượng đế đã ban cho người một gương mặt, và người đã tự biến mình thành một gương mặt khác – Hamlet – Act II, Scene 1, 153-154), bởi lẽ phụ nữ vẫn còn muốn làm đẹp ngay cả khi đi đối diện với Diêm vương!

Chả trách nền công nghiệp mỹ phẩm trên thế giới lại thu được những món tiền khổng lồ từ thói đom đóm đáng yêu của phụ nữ.

Giai thoại thiền tông Nhật Bản kể rằng, ni cô Ryonen, sinh 1797, là một người có nhan sắc quyền rũ và thiên tài về thi ca. Năm mười bảy tuổi, bà phục vụ cho hoàng hậu, tương lai rực rỡ đang chờ đón bà như một công nương của triều đình. Bỗng nhiên hoàng hậu qua đời, bà chợt ngộ ra lẽ vô thường của cõi thế, nên xuống tóc đi tu.

Bà đến thành phố Endo, xin làm đệ tử của thiền sư Tetsugyu, nhưng vị thiền sư này từ chối vì bà quá đẹp. Vị thiền sư đó hiểu rằng cái nhan sắc lộng lẫy đó tuy là vật báu của trần gian, nhưng lại không thể phù hợp với chốn thiền môn vốn luôn đậm bạc với cuộc sống nẫu sòng. Ất hẳn nó sẽ gây nên ba

đào nơi cửa Phật. Tâm bà tuy không động nhưng sẽ làm lụy đến tâm người. Bà bèn tìm đến thiền sư Hakuo, nhưng vị thiền sư này cũng từ chối vì lý do trên.

Ryonen hiểu rằng chính nhan sắc đẹp đẽ của bà là vật chướng ngại ngăn cản không cho mình đạt được điều tâm nguyện, nên bà bèn dùng lửa nóng hủy hoại hết khuôn mặt xinh đẹp, nhờ đó bà được thiền sư Hakuo nhận làm đệ tử. Và cũng nhờ thế mà bà mới chuyên chú vào việc tu thiền và trở thành một thiền sư nổi tiếng.

Hủy hoại dung mạo để cầu đạo, ni cô Ryonen đã làm một việc còn kỳ diệu hơn cả việc nhị tổ Huệ Khả quỳ giữa trời tuyết, cắt một cánh tay dâng lên sư tổ Đạt Ma để xin truyền tâm ấn. Ni cô Ryonen có lẽ là hiện tượng hiếm hoi và kỳ lạ của thiền môn, bởi lẽ đâu phải người con gái nào đem thân bỏ chốn am mây cũng đều ngộ ra lẽ vô thường của hai chữ “sắc không”. Nhan sắc đó cũng là hư không đấy.

Chỉ có những tâm hồn thiết tha cầu đạo như Ryonen khi ngộ được lẽ “bất trụ sắc sinh tâm, ung vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” (1) và “nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai” (2) của kinh Kim Cương thì mới có thể thực hiện được điều kỳ diệu đó.

Cái tìm được sẽ lớn hơn hàng vạn lần cái nhan sắc mất đi: đó là thành toàn điều tâm nguyện. Việc xả thân cầu đạo đó dù kỳ lạ nhưng vẫn có thể xảy ra, vì khi tuệ kiếm vung lên thì trần duyên đứt đoạn. Cái thân xác này, khi được quán tưởng đến chỗ rớt ráo, cũng chỉ là cái túi da đựng bao điều dơ bẩn, thì nào sá gì một chút dung nhan?

Nhưng đó là chuyện chốn thiền môn, còn ở trần gian đầy sai biệt này thì con người vẫn cứ vĩnh viễn đội mũ triều thiên lên nhan sắc. Vì nếu không thế thì cuộc đời ắt sẽ u ám và buồn tẻ lắm biết ngần nào!

Vậy mà vẫn có một người con gái dám hủy hoại dung nhan kiêu diễm của mình để giữ tròn sự thủy chung với người chỉ một lần gặp gỡ: Đó là Lăng Sương Hoa trong Liên thành quyết.

Đỉnh Diễm là người mê hoa. Tình cờ trong một buổi dạo chơi hội hoa cúc, Đỉnh Diễm gặp được đệ nhất mỹ nhân vùng là Lăng Sương Hoa, tiểu thư của quan tri phủ Lăng Thoái Tư. Sự đồng cảm trong những giò lục cúc đã đem hai người lại gần nhau. Tình yêu âm thầm nảy nở giữa kẻ lang bạt giang hồ với một tiểu thư khuê các. Những cánh hoa tươi thắm và ngát hương đã chứng kiến cho mối tình của họ và làm băng nhân cho những lần gặp gỡ. “Tôi cùng em mơ những chốn nào. Ước nguyện chung giấc mộng trăng sao. Sánh vai một mái lầu phong nguyệt. Hoa bướm vì em nghiêng cánh trao”

(Đinh Hùng – Phạm Đình Chương).

Lăng Thoái Tư là một người văn võ song toàn, y là một long đầu trong Long sa bang, lại thi đỗ tiến sỹ, làm Hàn Lâm học sỹ. Y nuôi tham vọng tìm được kho tàng của Lương Nguyên đế và luyện được Thần Chiêu công. Biết được Đinh Điền đang giữ Liên thành quyết – bộ giải mã những bí ẩn về chỗ cất giấu kho tàng – và bí cấp Thần Chiêu công, nên Lăng Thoái Tư lập mưu chiếm đoạt. Y vờ cho Lăng Sương Hoa mời Đinh Điền đến để bàn chuyện tác hợp lương duyên. Rồi dùng hoa độc tẩm thuốc mê để bắt Đinh Điền.

Sống trong cảnh tra tấn dã man chốn lao tù, với xương tỳ bà đã bị xuyên thủng, nhưng Đinh Điền vẫn tìm thấy nguồn an ủi. Hằng ngày, anh ta từ cửa sổ nhà tù nhìn lên mái lầu xa, vẫn luôn thấy được những chậu hoa đặt nơi cửa sổ của phòng Lăng Sương Hoa, như một biểu tượng của tình yêu.

Cảnh đưa tin của Đinh Điền và Lăng Sương Hoa giống như anh chàng Hời trong truyện Tô Hoài. Một người ngồi dệt vải, khi nghe mùi hương thoang thoảng lan trong cảnh đêm thanh tĩnh của cảnh hoa lại ném qua cửa sổ, là biết đã đến giờ hẹn với người yêu.

Lăng Sương Hoa sợ cha nàng ép duyên nên nàng quyết định hủy hoại dung nhan để không còn ai muốn cưới mình nữa. Chỉ có vậy nàng mới giữ trọn tình yêu son sắt với Đinh Điền. Một quyết định làm người độc tề suốt tâm can, vì điều đó ngấm ra còn kinh khủng hơn tự vẫn. Chỉ có một sự hòa điệu của cung bậc tri âm trong tình yêu chân chính mới có thể giúp người con gái xinh đẹp làm một điều mà ngay cả Thượng Đế cũng phải bàng hoàng. Nàng không muốn xuất hiện với khuôn mặt xấu xí, mà để những chậu hoa thay mặt cho mình ngỏ những lời yêu.

Hoa thay đáng người. Hoa còn là người còn, và tình yêu vẫn ngát xanh màu lục súc. Gặp nhau và yêu nhau nhờ những chậu hoa, truyền tin cho nhau cũng nhờ những chậu hoa. Mỗi tình thơ mộng đó bị vĩnh viễn cách ngăn vì lòng tham ngu xuẩn của người cha. Mà tự cổ chí kim, có kẻ nào bị lòng tham chi phối mà lại không trở nên ngu xuẩn, và do đó dễ trở nên tàn bạo?

Khi Lăng Sương Hoa qua đời trong u sầu đau khổ, Lăng Thoái Tư còn âm hiểm rắc thuốc độc lên quan tài để đánh lừa Đinh Điền. Kẻ si tình đến ôm quan tài và trúng ngay chất độc của hoa Kim Ba Tuần. Nhưng Lăng Thoái Tư đã làm một điều thừa. Làm sao Đinh Điền có thể sống được nữa khi Lăng Sương Hoa đã vì mình mà qua đời trong sầu hận? Dịch Vân hợp táng nắm tro tàn của Đinh Điền với Lăng Sương Hoa, và trồng hoa thật nhiều quanh mộ để đôi tình nhân được yên nghỉ giữa ngàn hoa.

Trong vở kịch Hamlet, khi hoàng hậu Gertrude rắc hoa lên nắm mộ của

Ophelia đã nói những lời tha thiết, mà ta muốn dùng để khắc lên nấm mộ Sương Hoa. “Sweets to the sweet! Farewell!” (Những nhành hoa dịu dàng xin gửi đến một cành hoa đầm thắm. Xin vĩnh biệt) (Shakespeare – Hamlet, Act V, Scene I, 239).

Chinh phục được trái tim của người mình yêu, chịu chấp nhận thiệt thòi để tìm thấy hạnh phúc. Điều đó dễ. Khi biết rằng trái tim người mình yêu đã vĩnh viễn thuộc về kẻ khác nên biến sự thất vọng thành hận thù, đem tang tóc gieo rắc khắp thiên hạ để trút nỗi hờn căm, như Lý Mạc Sầu hay Mai Phương Cô, điều đó tuy có quá quắt nhưng vẫn là chuyện thường tình.

Biết rằng người mình yêu đã tìm thấy hạnh phúc nơi người khác, nên chấp nhận hy sinh tình yêu và, trong nỗi cô đơn đau đớn, cứ mãi âm thầm cầu nguyện cho họ được hạnh phúc bằng tất cả trái tim, như Nghi Lâm, điều đó khó.

Nhưng trong tình yêu đam mê vô vọng lại dám chấp nhận chết thay cho người mình yêu để họ được hạnh phúc với người khác, như Trình Linh Tố và Công Tôn Lục ngạn, điều đó cực khó.

Nhưng càng khó hơn nữa khi một người con gái xinh đẹp dám hủy hoại dung nhan để giữ trọn chữ thủy chung. Sự hy sinh kỳ diệu đó chỉ xảy ra với những người phụ nữ dịu hiền có trái tim nhân hậu bao dung.

Tình yêu thuần khiết được nâng lên tầm một tôn giáo, và kẻ si tình như một kẻ hành hương tìm về tuyệt đích, trong hình ảnh của người thương. Du Thản Chi là kẻ si tình vĩ đại nhưng mối tình cuồng si dữ dội đó vẫn cứ quẩn quai đớn đau trong nỗ lực chiếm hữu đầy tuyệt vọng. Nó thiếu đi một chút thanh thản của một tín đồ đã “giác ngộ”.

Tình yêu của Lăng Sương Hoa sẽ mãi mãi thấp sáng lên trong tâm thức nhân gian những ánh lửa nhiệm mầu, mà chúng ta đôi lần thấy thấp thoáng trong Gitanjali của Tagore. Và trong ánh lửa đó vẫn hoài ánh lên màu thắm tươi của một nhành lục súc.

Chương 10: A Châu

Tại rừng hạnh, lần đầu sơ ngộ, khâm phục bản lĩnh chàng, vị anh hùng đỉnh thiên lập địa, chọc trời khuấy nước. Chùa Thiếu Thất, thêm một lần thọ ơn cứu mạng. Tụ Hiền Trang, cảm kích chàng không ngại xả thân bảo vệ cho một thiếu nữ không thân thích đã gần đất xa trời, đau xót thay con mãnh long từng được võ lâm kính phục trong chớp mắt đã thành kẻ thù số một của thiên hạ quần hùng. Nhận môn quan, trùng phùng Tiêu Phong, bao nhiêu tình cảm biến thành tình yêu sâu sắc tự bao giờ. A Châu nguyện đem cả sinh mạng và cuộc đời đặt vào bàn tay Tiêu Phong, bàn tay của hán tử cả thiên hạ quay lưng, bị xem là Liêu cầu, đổ vấy bao tội lỗi tày đình.

(Tản Đà)

Giữa dương trần đâu dễ kiếm kẻ tri âm, khúc Dương Xuân Bạch Tuyết đâu phải ai cũng có thể họa cùng? Làm bang chủ Cái bang kiêu hùng, chỉ biết đến rượu và võ công, hay tên tội đồ bị cả võ lâm truy đuổi thì có ý nghĩa gì khi Tiêu Phong tìm được A Châu. Người anh hùng cuối cùng đã có một tri kỷ hồng nhan, cuộc đời này còn chi hỏi hận?

Hãy cùng vẽ nên bức tranh đời yên ả, phi ngựa như bay trên thảo nguyên bao la, vút bỏ lại sau lưng ân oán tình thù, gió tanh mưa máu giang hồ, chỉ có bấy cừu, đàn dê, tiếng sáo du mục dàu dặt hòa cùng giọng cười vui vẻ, vô lo.

Tiếc rằng hạnh phúc vĩnh viễn chỉ lung linh và mong manh như chiếc bình pha lê đặt trên thành bậu cửa sổ. Dù người ta cố gắng trân trọng nâng niu, chỉ một cơn gió có tình thổi qua, chiếc bình sẽ vỡ tan thành trăm nghìn mảnh.

Một đứa bé mồ côi chưa hề biết đến vòng tay mẹ, một thiên kim tiểu thư giòng dõi vương giả phải làm nữ tì Mộ Dung gia đến khi trùng phùng phụ mẫu, A Châu lại rơi vào nghịch cảnh éo le: phụ thân là kẻ thù không đội chung trời với người yêu!

Tuy chưa một ngày dưỡng dục nhưng công ơn sinh thành chưa lúc nào đến đáp? Mong ước trả thù lại là khát vọng nung nấu của người yêu, sao đành cản ngăn? Chỉ còn cách hy sinh tấm thân này, chỉ còn xem cảnh đuổi ngựa chặn dê, cuộc sống vô tư lự kia mãi mãi là mộng tưởng. Hiếu và tình đã bức người kiêu nữ đến bước đường cùng.

Lần đầu tiên cũng là lần cuối cùng A Châu báo hiếu, người con gái dịu hiền kia thay cha nhận lấy cái chết oan uổng trên tay Tiêu Phong. A Châu ra đi, mưa phủ nhòa nhân thế, cả bầu trời cùng vương hương ly biệt. Hỡi ơi, “Ai thương tử biệt, ai sầu sinh ly” (Tản Đà). Đến phút cuối cuộc đời, điều duy nhất nàng lo lắng chỉ là sợ Tiêu Phong quạnh quẽ cô đơn. Đáng trân trọng

cho tấm lòng kiều nữ!

Màn sương mù mà Mã phu nhân trong cơn ghen tuông mù quáng cố tình giăng ra đẩy Tiêu Phong vào hiểm lộ oan nghiệt đã tan đi, hé mở một sự thật đau đớn, trần trụi cùng thi thể lạnh giá của A Châu, khoe mắt nàng hãy còn vương vấn ân tình.

Tiêu Phong và chúng ta chỉ biết ngậm ngùi thốt lên hai chữ “Giá như...”

Cái chết của A Châu nhẹ như lông hồng nhưng nỗi đau, niềm ân hận của Tiêu Phong lại nặng tựa Thái Sơn. Nàng để lại ông cùng trái tim tan nát và cõi lòng chết lặng. Mối ân tình sâu nặng của nàng biết lấy gì đền đáp? “Ồn em, hôm sớm ngậm ngùi. Kiếp sau xin giữ lại đời cho nhau. Tạ ơn em, tạ ơn em...”

Tiểu Kính hồ, mai táng A Châu, chôn theo cả trái tim mình, Tiêu Phong bắt đầu những chuỗi ngày đầy đọa, tiếp tục sống vì câu hỏi lớn về thân thể vẫn treo lơ lửng trên đầu, vì một lời hứa chăm sóc cô em vợ tai quái A Tử?

Bạn vẫn thường bắt gặp những chiếc lá hãy còn xanh mà đành rơi rụng. Và ngày mai sẽ có những lá khác sẽ mọc lên thay thế. Nhưng chỉ có cây mới hiểu chiếc lá mới, dù xanh đầy, dù đầy nhựa sống đầy, nhưng vĩnh viễn không phải là chiếc lá ngày xưa. Cũng giống như con người, có bao người đi ngang qua cuộc đời ta, dù chỉ là thoáng chốc nhưng vết thương họ để lại trong lòng thì khôn nguôi, chẳng bao giờ khỏi. Dù cho A Tử có cố gắng đến đâu, có si tình đến mấy nhưng nàng vĩnh viễn không thể thay thế A Châu.

(Hoài cảm – Cung Tiển)

Trái tim Tiêu Phong rộng lớn để cùng đau với thiên hạ bách tính nhưng cũng nhỏ bé chỉ đủ áp ủ một bóng hình đến suốt đời. Lời bài hát cũng thế thiết như tâm sự Tiêu Phong. Đâu rồi mối tình khắc cốt ghi tâm, có bao lâu còn được nhìn thấy nụ cười nàng tươi hơn nắng sớm, ánh mắt nàng đầm thắm như sương mai?

Tất cả còn lại chỉ là những mảnh vụn ký ức đẹp đẽ mà Tiêu Phong trân trọng giữ gìn.

Tiết Thanh minh, Thôi Hộ quay lại nơi xưa, vẫn hoa đào tươi thắm cười trong gió xuân nhưng còn đâu đôi má hồng ngày trước?

(Đề tích sở kiến xứ - Thôi Hộ)

Bánh xe rồng lăn đến kinh thành. Ao cũ vườn xưa, Đường Minh Hoàng chỉ còn biết ngậm ngùi rơi lệ cho nàng phi tử mặt ngọc đẹp hơn phù dung, mày ngài tươi hơn dương liễu.

(Trường hận ca – Bạch Cư Dị)

Lưu Nguyễn trở lại non tiên, mây trôi nước chảy như ngày xưa nhưng đã

mất rồi sinh khí, bóng hình tiên nữ vĩnh viễn tan biến vào hư vô, không còn được thấy dù chỉ trong khoảnh khắc mơ hồ.

(Tái đáo Thiên Thai – Tào Đường)

Tâm trạng của con người trong nỗi sầu tương tư thì ngàn năm vẫn tha thiết như nhau.

Tiêu Phong dừng trước Nhạn Môn quan mà xót xa tưởng nhớ lời hẹn ước xưa. Tiếng sáo Nhạn Môn vẫn vang lên réo rắt như ngày trước mà sao nghe đầy đau thương tiếc nuối, “thiết tha ngân lên lời xưa”. Vẫn cảnh đuổi ngựa chẵn dê yên bình nhưng thiếu mất bóng dáng của ai kia. Cảnh bình yên đến đâu cũng chỉ là trống rỗng? Cảnh vật vẫn đây mà người xưa đâu tá? Lối xưa cỏ cây tàn úa, đường phủ rêu xanh đợi chờ vô vọng bước chân ai?

(Xuân Diệu)

Tiêu Phong phải tiếp tục sống với linh hồn bị đẩy đến tận cùng sự quạnh quẽ, cô đơn. Người xưa đã ra đi biệt, chỉ còn ta bơ vơ, giữa mênh mông đất trời. Từng khoảnh khắc thời gian chậm chậm héo tàn, thấm vào lòng người, gợi lên nỗi sầu thâm lương, bi thiết. Năm tháng trôi qua, kỷ niệm ủa về giết chết hồn người. Nỗi niềm thương nhớ chỉ còn biết chôn chặt nơi đáy tim và âm thầm mang xuống tuyền đài mà thôi.

(Hoài cảm – Cung Tiên)

Người anh hùng lại mang nặng vào mình món nợ công danh, nể mặt nghĩa huynh mà lên ngôi đại vương Nam Viện. Chén rượu Tiêu Phong lại tiếp tục uống, nhưng rượu hôm nay cũng đâu phải rượu ngày xưa, bởi ta cũng đâu còn con người ngày trước. Chén rượu ngày xưa nâng lên giữa bao bằng hữu, hào khí ngất trời, còn giờ đây lắng đọng lại sau mỗi giọt rượu cay chỉ là nỗi sầu đắng khôn nguôi? Sầu lại cánh sâu. Tự cổ chí kim “Nhi nữ tình trường, anh hùng khí đoản”.

Éo le thay, Nguyệt lão se chi sợi tơ oan nghiệt cột chặt A Tử vào mối tình tuyệt vọng với tử phụ. Một cô bé xem mạng người như cỏ rác lại có thể yêu đắm say đến hy sinh bản thân, đến quay lưng với kẻ si mê cô ngày ngốc Du Thản Chi.

A Tử vô tình với Du Thản Chi, Tiêu Phong hờ hững mối tình A Tử. Vòng tròn tình yêu oan nghiệt lắm thay?

Tình yêu A Tử đã đưa Tiêu Phong vào tuyệt lộ. Trách nàng chẳng hay phải trách tình yêu khiến con người mù quáng mà vô tình tổn hại người yêu? Nhưng chính những sai lầm của A Tử đã mang lại cho Tiêu Phong những giây phút đồng đạo, trùng phùng hai nghĩa đệ dù tất cả đã muộn màng.

Hai tiếng “bang chủ” giờ nghe sao quá ghen ngào, cay đắng. Hân hoan

trong chớp mắt rồi lại đau đớn nghĩ đến sinh linh hai nước sắp máu chảy đầu rơi, vui mừng trong khoảnh khắc để trở lại với thực tại quần hùng đang bị vây khốn tại Nhạn Môn quan.

Lại là ải Nhạn Môn, tại đây mẫu thân Tiêu Phong vùi thân nơi vực thẳm, khơi lên mối thù khôn nguôi trong lòng Tiêu Viễn Sơn, để khi ông tìm thấy sự thanh thản chốn Phật môn, con trai ông phải tiếp tục vẫy vùng tuyệt vọng trong vòng tục lụy trần gian.

Hình ảnh A Châu lại trở về, để người anh hùng đau đớn ngẩn ngơ “Hỏi trời xanh có chẳng định mệnh khiến đời tôi sao mãi lênh đênh?”. Ngày xưa, A Châu không còn cách nào khác khi đứng giữa Tình và Hiếu, hôm nay Tiêu Phong phải đứng trước lòng trung quân ái quốc, tình bằng hữu và cả thiên hạ sinh linh.

Đất Tống dù có bao ký ức đau thương nhưng chứa đầy tình cô cữu, là tình cảm yêu thương của nghĩa phụ nghĩa mẫu, là tình sư phụ truyền dạy võ công, nhân nghĩa trí tín, là tình bằng hữu, huynh đệ cùng vào sinh ra tử, là tình yêu sâu đậm duy nhất trong đời. Nước Liêu là Tổ quốc đích thực, là cội nguồn, là quê hương.

Một bên là công dưỡng dục, một bên là ơn sinh thành.

Giúp Tống, tiếng bất trung lưu đến muôn đời. Giúp Liêu, sao đành quay lưng với bao huynh đệ vì mình mà sẵn sàng hy sinh?

Đề trọn vẹn đành tuần tiết. Dùng mũi tên để cứu lấy bách tính thiên hạ và giải thoát cho linh hồn bởi trái tim Tiêu Phong thực sự chết cùng A Châu.

Chiều tà phủ xuống Nhạn Môn quan, nhuộm màu máu lửa. Vẫn chưa đủ thảm thiết hay sao, bày thêm chi cảnh A Tử móc mắt trả lại Du Thản Chi rồi ôm Tiêu Phong nhảy xuống vực sâu muôn trượng? Không có được trái tim tỷ phu, ôm lấy xác chết Tiêu Phong trong tay, A Tử tìm được chút dư hương hạnh phúc ủa tàn. Còn gì thế lương hơn cái chết của A Tử, còn gì tuyệt vọng hơn cảnh Du Thản Chi gào thét tên người yêu giữa Nhạn Môn? Có chấp lắm vậy người ơi?

Xin lại dùng lời bài hát “Hoài cảm” để kết thúc đoạn thiên này. Hoài cảm A Châu, Tiêu Phong suốt đời đợi chờ cố nhân nhưng tất cả xin hẹn kiếp sau.

(Hoài cảm – Cung Tiến)

Vài năm hay vài trăm năm nữa, có lẽ cảnh Nhạn Môn vẫn nguyên vẹn như xưa. Tiếng sáo du mục vẫn ngân lên réo rắt giữa đàn gia súc hiền lành. Từng đàn hồng nhạn nam di vội vã vượt quan ải. Nước chảy mây trôi, tất cả đều không biết đến đôi tình nhân khổ mệnh mà cuộc sống bình dị nhất nơi Nhạn Môn quan chỉ là ký ức xa mờ...

Một người bảo tôi: nói về Tiêu Phong mà chỉ nói dăm ba trang thì chẳng nói được gì. Vấn đề thân phận con người, vấn đề thị phi thiện ác, vấn đề nghiệt oan của định mệnh, vấn đề quốc gia... chung quanh nhân vật kiêu dũng đó, đâu có viết đến vài trăm trang cũng chưa đủ. Tôi bảo “Phải”.

Nhưng có những điều, lắm khi viết một ngàn trang vẫn thiếu, mà một chữ lại thừa! Muốn tả trắng thì phải tả mây. Đó là cách mượn mây để mà nẩy trắng của Kim Thánh Thán. Nên muốn nói đến Tiêu Phong thì phải gọi lại hình ảnh A Châu.

Những nhân vật nữ là người yêu của các nhân vật chính trong tác phẩm Kim Dung, hầu chính hay tà, luôn có thân phận cao sang. Đó là Nhậm Doanh Doanh – Thánh cô của ma giáo, là Triệu Mẫn - quận chúa Mông Cổ, là Hoàng Dung – con gái của Đào Hoa đảo chủ, là Nhạc Linh San - ái nữ của chưởng môn Hoa Sơn, là Mộng Cô – công chúa Tây Hạ, là Vương Ngữ Yên - kiêu nữ Mạn Đà sơn trang.

Chỉ riêng A Châu - người con gái dịu dặt sinh mệnh và cuộc đời của một nhân vật kiêu dũng và anh hùng là Tiêu Phong - lại là một tỷ nữ mang thân phận thấp hèn: là đứa con rơi của một hoàng thân Đại Lý, nên trở thành một cô gái mồ côi lênh đênh lưu lạc, cha mẹ phiêu tán, phải nương náu nơi nhà Mộ Dung với tư cách người hầu. Mà trong số các nhân vật chính của Kim Dung, Tiêu Phong lại trội vượt hơn hẳn về phong độ kiêu hùng, cho nên khi Kim Dung để A Châu dịu dặt sinh mệnh của Tiêu Phong, thì ta càng hiểu rằng cái phẩm chất ẩn tàng nơi A Châu là cực kỳ cao quý.

Khách anh hùng xông pha giữa điệp trùng gươm giáo, sẵn sàng coi cái chết như một cõi đi về, nhưng một khi đối diện với những “nước đời lắm nỗi lạ lùng khất khe” lại thường nhận chân ra nỗi hoang lương thê thiết, và cái vô nghĩa của cuộc đời. Và họ cần đến những nữ lang để tìm chút hơi ấm của đời thường, một khi phải đối diện với cõi trống rỗng hư vô.

Ngay cả với Tiêu Phong – là một nhân vật gần như sống trong tự do tuyệt đối (xin hiểu chữ tuyệt đối theo nghĩa tương đối của trần gian!). Rượu và võ công đã chấp cho ông đôi cánh chim bằng để bay bổng tuyệt vời trong khoảng trời bao la tự tại, lướt trên những lợi danh tũn mủn giữa võ lâm.

Thử hỏi chức vị Bang chủ Cái bang nào có nghĩa gì? Nếu ông có quyền luyến đi nữa, thì cũng chỉ vì sự an nguy của đệ huynh trong bang hội mà thôi. Ta có cảm tưởng người anh hùng ấy thông dong đến giữa cõi đời, rồi sẽ ra đi một cách nhẹ nhàng không vương bận. Không như Lệnh Hồ Xung luôn khoái hoạt bốn cọt, Tiêu Phong lại lăm lăm một khí độ kiêu hùng.

Con người ấy đến với đời như ngọn lửa bùng cháy, để rồi sẽ ra đi như

một tia chớp, lưu lại giữa trần gian một hình bóng uy nghi. Nhưng rồi chính A Châu, hay đúng hơn, chính cái chết của A Châu là sợi dây nối Tiêu Phong vào cõi trần gian đầy hệ lụy.

Cái giây phút cực cùng bi đát của Thiên Long Bát Bộ là lúc A Châu, như một con thiên nga trúng đạn, gục ngã dưới phát chương oan nghiệt của Tiêu Phong. Đường bay tới một khoảng trời xanh không còn tranh chấp hận thù, không còn ân oán thị phi, khoảng trời chỉ có đàn cừu chạy trên thảo nguyên trong tiếng sáo mục đồng dịu dặt, đường bay tưởng chừng như vô cùng bình dị đó đã vĩnh viễn khép lại với con chim thiên nga thông minh và hiền dịu A Châu. Nàng đã ngã xuống giữa những giọt nước mắt oan cừ, phủ thêm bi thương lên cõi thế.

(Chiêm bao – Bùi Giáng)

Em đã ra đi vĩnh viễn. A Châu của Kim Dung đã ra đi vĩnh viễn dưới bàn tay Tiêu Phong. Như Desdemona của Shakespeare đã ra đi vĩnh viễn dưới bàn tay Othello. Một kẻ vô tình, một người cố ý. Tất cả thảm họa đó đều phát sinh từ ngộ nhận. Othello ngộ nhận bởi gã Lago cực kỳ nham hiểm, Tiêu Phong ngộ nhận bởi người đàn bà ghen tuông Mã phu nhân.

Kiếp người đã quá đổi nặng nề rồi, thế sao đời cứ đem bi kịch chất chồng lên thêm nữa? Phải chăng để nhắc nhở con người nhìn lại chân tướng của trần gian? Ta bước vào đời với trái tim nặng trĩu ước mơ, để rồi ra đi với một tâm hồn hoang phế. Tất cả đều bấp bênh phù động, cõi vô thường tìm đâu được chốn bình yên. Thoạt nhìn trần gian đầy những cảnh “Long lanh đáy nước in trời, Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng”, để rồi ngày trùng phùng chỉ đối diện với “Bước vào chốn cũ lâu thơ, Tro than một đống nắng mưa bốn tường”.

Cả cõi đời đều ôm mặt khóc oà. Tiêu Phong đã khóc, chúng ta đã khóc. Và còn bao nhiêu người sẽ khóc nữa, trước những bi kịch trớ trêu của ngộ nhận giữa dâu bể cuộc đời? Mong hồn nàng có về vương vấn nơi Nhạn môn quan?

Còn đâu nữa những đàn cừu tung tăng trên thảo nguyên mênh mông nơi quan ngoại? Còn đâu nữa lời hẹn thề quay lại Nhạn môn quan?

Ta muốn ngậm ngùi thốt lên những lời thiết tha cùng nhà thơ Bùi Giáng: “Và nước dưới cầu chảy mãi? Để huê trôi, rêu nhạt, đá mòn. Thế là người có thể gục đầu xuống khóc, và tự hỏi: ở phương trời nào xa vắng, có bến bờ nào vĩnh viễn hay không?”.

Đó là những lời Bùi Giáng viết về cõi đời dâu bể, mà sao nghe như những lời nức nở của A Châu. Trong cái đêm oan nghiệt đó, dưới lột hoá trang Đoàn

Chính Thuần, nàng đến gặp gỡ Tiêu Phong, có nghĩa là chịu im lặng để tìm cái chết. Vì chữ hiếu, nàng chấp nhận tìm cái chết dưới tay người yêu dấu, giữa lúc mộng đời đang xanh thắm, và cuộc tình đang chất ngất nồng say.

Tôi hình dung đêm hôm ấy, có lẽ nàng khóc nhiều ghê lắm. Vì hân hoan lẫn vì cay đắng. Nơi phương trời xa vắng, liệu có bến bờ nào vĩnh viễn hay không? Ta không biết. Không thể nào biết được. Người bước vào đời hân hoan dật mộng, muốn tìm cho mình một chút bình yên, còn cuộc đời luôn tìm cách phá tan những ước mơ nhỏ nhoi nhất của con người. Nên xin người cứ nhủ lòng rằng chữ tương phùng đành hẹn lại kiếp sau, và trong cõi chết xin được nối kết những mộng đầu dang dở. Điều đó tưởng chừng như hảo huyền, không hiện thực, nhưng chỉ có thể con người mới tìm được chút an ủi cho hồn mình, giữa tan nát thương đau.

A Châu đã ngã xuống, nhưng ta tin rằng tâm hồn nàng hân hoan lắm. Ngộ nhận giữa Tiêu Phong và Đoàn Chính Thuần chỉ được cởi mở cùng cái xác lạnh giá của A Châu!

Lý Hạ khóc Tô Tiểu Tiểu, Tố Như cùng Chu Mạnh Trinh cùng khóc Thuý Kiều, Shakespeare khóc Desdemona, chúng ta cùng khóc A Châu. Thời đại khác nhau, nhưng giọt lệ đau thương dường như chỉ là một. Nước mắt bọn tài tử kim cổ đông tây có an ủi được chút nào không những nữ lang bạc mệnh?

Như chàng sinh viên Raskolnikov, trong kiệt tác “Tội ác và trừng phạt” của Dostoievski trân trọng quỳ trước Sonia - một cô gái giang hồ mang trái tim Bồ Tát, chúng ta cũng xin nghiêng mình trước họ, như nghiêng mình trước những khổ lụy thiên thu, những lệnh đênh vạn đại của con người. Bao oan nghiệt đoạn trường của nhân loại như chung đúc vào những nữ lang bạc mệnh, để ngàn năm đau mãi tiếng tân thanh.

A Châu đã chết, nhưng nàng còn sống mãi trong tâm hồn Tiêu Phong, trong những chén rượu nồng “Thoáng hiện em về trong đáy cốc, nói cười như chuyện một đêm mơ” (Quang Dũng). Chính điều đó đã đẩy Tiêu Phong đối diện với nỗi cô liêu cùng cực, khiến người đọc thấy ngậm ngùi khôn xiết. Những lời trăng trối trong nước mắt của A Châu như sợi dây trói ông vào cõi thế, mà ông luôn muốn tìm cách cắt bỏ đi.

Nếu như 600 quyền kinh Đại Phẩm Bát Nhã chỉ là những lời chú giải cho một chữ KHÔNG trong tư tưởng Phật giáo đại thừa, thì mũi tên tự đâm vào ngực Tiêu Phong nơi quan ải cũng chỉ là một lời “chú giải” cho những giọt nước mắt của A Châu.

Chương 11: Quách Tương Tiểu Muội

Không hiểu sao những nhân vật như Hoàng Dung và Triệu Mẫn lại hoàn toàn không để lại trong tôi một ấn tượng sâu sắc nào, dù có thể họ đã làm say mê nhiều thế hệ độc giả. Đôi phen muốn cầm bút viết về Hoàng Dung, theo lời đề nghị của bạn bè, nhưng không tài nào viết nổi.

Dường như luôn có một cái gì đó đè lên ngọn bút khiến cho cảm hứng cạn nguồn ngay từ dòng chữ đầu tiên. Người phụ nữ xinh đẹp dĩ nhiên là vu vật của tạo hóa, nhưng một người phụ nữ vừa tài hoa vừa xinh đẹp, lại vừa thủ đoạn và mưu mẹo tinh quái, như Hoàng Dung và Triệu Mẫn, thì họ không còn là vu vật nữa mà chỉ là sự sai lầm của hóa công!

Người Tây thường bảo “Do not to be too smart!” (Đừng có tinh ranh quá!).

Người phụ nữ đã xinh đẹp lại tinh ranh quá sẽ là hiểm họa. Họ hưởng quá nhiều từ hóa công, và khi họ đem những quà tặng quá đồi hào phóng đó của hóa công để làm thành lợi khí trong những mưu mẹo thủ đoạn nhằm thủ lợi cho mình, thì điều đó chắc chắn sẽ bào mòn đi lòng vị tha đẹp đẽ của phụ nữ. Tâm hồn họ sẽ trở nên khô cứng và đầy nghi kỵ.

Hoàng Dung luôn ngờ vực và đề phòng Dương Quá, cho rằng chàng ta là một tên xảo quyệt nguy hiểm như Dương Khang. Chỉ đến ngày sinh nhật của Quách Tương thì người đàn bà tài sắc vẹn toàn, quá đồi vẹn toàn này, mới nhận ra được một điều mà cái tâm đồn hậu của Quách Tĩnh đã cảm nhận từ lâu. Cái đầu đầy thông minh của sự lý tính như Hoàng Dung sẽ khó lòng tiếp cận và cảm nhận được cái đẹp thuần nhiên trong tâm hồn.

Có lẽ Kim Dung đã giúp hóa công sửa lại sai lầm khi để Hoàng Dung sinh ra hai chị em Quách Phù và Quách Tương.

Giai thoại văn học Anh kể rằng, có một phụ nữ xinh đẹp đến gặp văn hào G. Bernard Shaw và đề nghị muốn được có với ông một đứa con, với lý do: “Đứa bé sẽ tuyệt vời biết ngần nào nếu như nó có khuôn mặt của em và bộ óc của anh”. Nhà văn hài hước nổi tiếng thế giới này đã từ chối bằng câu trả lời hóm hỉnh: “Tôi lại e rằng cuộc đời nó sẽ là bi kịch nếu như nó mang khuôn mặt của tôi và bộ óc của cô!”.

Sản phẩm nhà văn muốn nói đến, qua câu chuyện hài hước trên, như là một biểu tượng di truyền những mặt hạn chế của cha mẹ, lại có thực trong tác phẩm của Kim Dung, qua nhân vật Quách Phù. Đã có bài viết về Quách Phù, nhưng dường như chưa có ai viết về Quách Tương, trong khi chính cô bé này mới là nhân vật nữ sáng khoái đệ nhất võ lâm.

Sống ở đời chỉ để lại rai khoái hoạt thì trong các nhân vật chính của Kim

Dung, nam có lẽ chỉ có mỗi một Lệnh Hồ Xung, và nữ chỉ có mỗi một Quách Tương. Trong khi Quách Phù quá đỗi phù phiếm hời hợt, giống như một “con gà công nghiệp” đúng với cái tên “Phù”, thì Quách Tương lại hào sảng đáng yêu biết bao.

Có lẽ khi vừa lọt lòng, cô bé “Tiểu đông tà” này đã phải gặp nhiều cảnh hung hiểm lỳ lợ, bị nữ ma đầu Lý Mạc Sầu bắt đi, được Dương Quá cứu thoát, lại phải uống sữa beo để sống nên tính tình mười phần cổ quái, khác hẳn cô chị nhát nhẽo, vừa ngu đần vừa đồng đánh.

Cảnh ba chị em Quách Phù, Quách Tương và Quách Phá Lỗ ghé vào quán rượu ven đường đã làm nổi bật nét tương phản sâu sắc giữa hai chị em. Trong khi cô chị Quách Phù luôn muốn giữ phong cách lạnh lùng khinh khỉnh của một “đại gia chi nữ” giữa đám “phàm phu tục tử” trong một quán rượu bình dân thì cô em Quách Tương lại hào sảng cởi càn thoa ngọc đem cầm cho chủ quán để đãi tất cả thực khách xa lạ uống rượu giữa trời tuyết đổ.

Thử tưởng tượng khi đang rong ruổi giữa một buổi chiều đông lạnh giá, bạn ghé vào một quán nhỏ bên đường để uống vài ly rượu cho ấm bụng, mà chỉ dám uống dè chừng vì túi tiền không cho phép. Bỗng dưng trong đám thực khách có một cô bé xinh đẹp đứng lên cầm càn thoa đưa cho chủ quán đổi thành rượu để đãi bạn cùng mọi người có mặt, xin mọi người hãy uống thoải mái để cùng vui, và xua đi cái giá buốt của chiều đông! Thử hỏi có gì trên đời thống khoái hơn thế, và có ly rượu nào ngon hơn, ấm lòng hơn?

Chỉ một chi tiết đó đã quá đủ xứng đáng để mọi anh hùng hào kiệt lẫn bọn tũn đồ trong thiên hạ nối đuôi nhau tới xin kết giao với cô bé Quách Tương!

Khi bình tác phẩm Tây sương ký của Vương Thục Phủ, Kim Thánh Thán nêu ra 33 điều thống khoái trong đời, trong có điều thứ hai rất cảm động mà mọi người vợ trên đời nên “khắc cốt minh tâm”(!):

Chẳng sướng lắm sao?”

Đó quả là một điều thống khoái trên đời cho những đức ông chồng có tính quảng giao và là niềm tự hào của những bà vợ hiền suốt kim cổ đông tây!

Đem càn thoa vàng trên đầu đưa cho chồng đem bán để đãi bạn, điều đó dù cực kỳ tuyệt diệu và cực khó đối với phụ nữ trên đời, nhưng dù sao cũng còn chút giới hạn. Đó là đãi bạn. Mà lại là bạn cố tri mười năm gặp gỡ.

Đằng này cô bé Quách Tương lại đem càn thoa cực quý đổi rượu để đãi những người không hề quen biết chỉ để vui, và để truyền cái vui đó đến người khác trong quán rượu, thì cái tâm đó e còn vượt quá cái tâm chiều chồng của vị hiền thê kia nữa.

Nhà văn Mai Thảo kể rằng, có lần gặp Bùi Giáng đi lang thang qua tòa soạn, bèn kéo nhà thơ này vào và xin bài thơ để kịp in số đặc biệt về ông. Họ Bùi bèn xin một chai bia rồi ngồi làm một mạch mấy chục bài thơ ngay tại chỗ, mà bài nào cũng là tuyệt bút. Trước sự kinh ngạc của nhà văn Mai Thảo, Bùi Giáng chỉ mỉm cười: “Vui thôi mà!” rồi mang khăn gói tiếp tục lang thang

Đó cũng chính là cái “Vui thôi mà!” của cô bé Quách Tương trong quán rượu. Một người dùng thơ giữa đời, một người dùng cảnh thoa ngọc trong truyện, những việc làm ngẫu hứng đó có chỗ giống như cái tâm “vô công dụng hạnh” của Phật giáo.

Làm mọi việc với cái tâm rỗng không, Tâm vô sở trụ. Vui thôi mà!

Lễ sinh nhật của cô bé Quách Tương có lẽ là cảnh tượng lạ lùng và hứng thú nhất trong bộ Thần điêu hiệp lữ. Trong khi bên ngoài đại hội quần hào đang diễn ra sôi nổi thì trong căn phòng nhỏ của mình, một cô bé mười mấy tuổi đầu lại ngồi uống rượu, cười nói đắc chí với biết bao kỳ nhân dị sỹ ẩn cư trên chốn giang hồ.

Cảnh tượng đó khiến Hoàng Dung ngẩn cả người nhưng lại khiến người đọc cực kỳ thống khoái, chỉ muốn xin ngồi vào bàn để nâng chén mừng ngày sinh nhật cô Quách Tương tiêu muội.

Đành rằng những người này theo lời mời của Dương Quá mà đến mừng sinh nhật cô, nhưng thử hỏi người tay quái kiệt chọc trời khuấy nước như Tuyệt hộ thủ Thánh nhân sư thái hay Chuyển luân vương Trương Nhất Mạnh làm gì có thể ngồi uống rượu vui vẻ với một cô nhóc theo thể điệu “bình bồi luận giao”, nếu như họ gặp một cô nương phù phiếm và nhạt nhẽo kiểu Quách Phù?

Phàm đạo kết giao trong thiên hạ, gặp nhau lần đầu, chỉ cần nửa câu nói hay một ngụm rượu thôi cũng đủ để xác định người đó đáng là bạn hay không.

Mà là bạn để uống rượu lại càng khó. Đã uống rượu là phải nói chuyện. Tửu nhập ngôn xuất mà. Trong những cuộc gặp gỡ lần đầu đó, nếu có rượu ngon thì dĩ nhiên là điều thống khoái, nhưng khi câu chuyện đã thực sự vui thì rượu có nhạt một chút cũng không sao, niềm vui sẽ truyền hơi ấm để làm chén rượu nhạt thêm nồng.

Chỉ có người nhạt mới khiến cho rượu và câu chuyện nhạt theo. Mà uống rượu với người nhạt thì chán lắm. Lúc đó thì mọi loại rượu thượng hảo hạng trong thiên hạ có uống vào cũng đều nhạt hơn rượu gạo nước ba!

Chỉ trong quan hệ làm ăn giữa xã hội, con người mới chấp nhận uống

rượu cùng người nhạt (mà những kẻ đã mê tiền thì phải là người nhạt!), để tìm mọi cách moi được số tiền không nhạt đằng sau con người nhạt, chứ những tay quái kiệt giang hồ, có cần gì đến bọn tục sỹ kia!

Trong bài “Tây Thi: từ Lý Bạch đến Kim Dung”, có nói rằng, trong tác phẩm Việt nữ kiếm, Kim Dung đã nối tiếp cung bậc Ô thê khúc của Lý Bạch để cực tả dung nhan tuyệt thế của Tây Thi bằng sự sững sờ của cô bé chăn dê A Thanh, chứ không tả trực tiếp sắc đẹp của người con gái đất Việt. Trong Thần điêu hiệp lữ, Kim Dung cũng dùng bút pháp đó để cực tả tính cách hào sảng đáng yêu của cô bé Quách Tương, bằng cách tả Hoàng Dung đứng lên nhìn cô con gái mới mười mấy tuổi đầu của mình uống rượu cực kỳ hào hứng cùng các nhân vật quái dị trong võ lâm mới gặp lần đầu tiên trong ngày sinh nhật. Vui thôi mà!

Sau những tháng ngày phiêu bạt giang hồ tìm Dương Quá trong vô vọng, Quách Tương xuống tóc đi tu để sáng lập nên phái Nga My. Điều đó quả là một thiệt thòi quá lớn cho bọn hào sỹ võ lâm, nhưng cũng là lẽ tất nhiên, bởi thử hỏi trong đám mây râu, có ai xứng đáng với cô gái đáng yêu đó? Trừ nhân vật Dương Quá mà cô thầm yêu thì trong cõi giang hồ họa chăng chỉ có Lệnh Hồ Xung!

Đọc xong Thần điêu hiệp lữ, chúng ta chỉ muốn dẫn Quách Tương đến gặp Kim Thánh Thán, để xin nhà phê bình hãn hữu cổ kim này thêm vào lời bạn của ông điều thống khoái thứ 34:

“Có được một tiểu muội như Quách Tương để cùng nhau rong chơi và “Lai rai chén rượu giang hồ”, chẳng cũng sướng sao?”.

Chương 12: Hoàng Dục Sur - Một Cõi Trời Riêng

Cây dừa và cây thông là hai loại cây mà ai cũng biết. Cây dừa bình dị và dân dã quá, còn cây thông thì tự ngàn xưa đã được đưa vào văn học như là biểu tượng của người quân tử. Nhiều khi ngắm chúng, lại liên tưởng đến hai hình ảnh trái ngược nhau trong cuộc đời.

Cây dừa ở dưới gốc trơ trụi, nhưng khi đã lên cao thì rất nhiều cành lá và trái xúm xít bám vào, trong khi suốt từ gốc đến hết phần thân không hề có một lá nào.

Nó giống như hình ảnh của lợi danh và quyền lực. Con người thuở hàn vi chẳng ai ngó ngang đến, nhưng hễ đã nắm được quyền lực hay tiền bạc thì lập tức có hàng trăm ngàn người vây quanh. Càng lên cao càng nhiều người xu phụ. Lắm kẻ lưu manh giả hoạt như chiếc lá dừa vươn ra rất rộng, thường làm ra vẻ sẵn sàng liều mình che chở cho thân cây. Để rồi khi cái ngọn dừa cao ngất kia bị ngã xuống thì cành lá tua tủa đang xúm xít vây quanh lập tức tan tác hết, chỉ còn trơ lại cái gốc xù xì.

Con cóc sẽ phải trở về với chân tướng con cóc, dù có thể cuộc đời đã có lúc dùng tiền bạc và quyền lực để biến nó thành con thiên nga trong hoang tưởng.

Hình ảnh đó có lẽ không được nên thơ lắm, nhưng lại thấy nó phản ánh rất đúng một khía cạnh của cuộc sống. Đó có thể là trường hợp của Tinh tức lão quái Đinh Xuân Thu. Khi chiến thắng thì được đệ tử tung hô như thần linh, nào là “thần thông quảng đại, sánh ngang nhật nguyệt, uy vũ trùm đời”..., nhưng khi thất bại thì đệ tử trở mặt ngay để mặt sát như loài chó lợn!

Trái lại, cây thông thì phía dưới um tùm xanh tươi nhưng càng lên cao thì cành lá càng thóp lại dần. Cái xúm xít ở dưới thưa dần đi. Khi đến đỉnh chỉ còn trơ ngọn lá cô đơn, một mình đâm vút lên cao. Và nó vẫn kiêu ngạo đứng trơ vơ để chống chọi với cái giá buốt của mùa đông. Mặc cho gió thổi và tuyết phủ, cây thông vẫn sừng sững để đắm chìm trong nỗi cô liêu trầm mặc. Đó là hình ảnh của nghệ thuật và phong cách tài hoa thực sự (đương nhiên là có những cái tài hoa nửa mùa!).

Ở mức độ càng thấp thì càng đông người phụ họa, càng lên cao thì số lượng người chia sẻ được càng vơi dần. Đến chỗ cao chót vót thì người nghệ sỹ sẽ phải đối diện với cô đơn, dù cái tâm của họ có thể ôm trùm cả thiên hạ. Truyện Kiều đã đi vào lòng người cả mấy trăm năm, làm say mê mọi người là thế, nhưng tâm sự của Nguyễn Du vẫn là một ẩn ngữ thiên thu. Nó mãi mãi cô đơn, như ngọn thông lẻ loi đứng giữa trời.

Độc Kim Dung, nhân vật Hoàng Dục Sur luôn làm liên tưởng đến hình

ảnh cây thông, dù nhân vật cổ quái này chưa gọi lên trong lòng nhiều người những tình cảm mặn mà thật sự.

Không có nhân vật nào có kiến thức bách khoa và văn võ toàn tài như Hoàng Dược Sư, kể cả Tạ Tốn và Nhậm Ngũ Hành – hai tay quái kiệt võ lâm. Cầm kỳ thi họa, dịch lý, bát quái ngũ hành, trận pháp, võ công... tất cả đều đạt đến chỗ tột đỉnh của tinh hoa. Vậy mà không rơi vào chỗ tạp học như Tô Tinh Hà. Tô Tinh Hà vì ham mê tạp học mà võ công sa sút, bị sư đệ Đinh Xuân Thu làm tan vỡ cả môn phái.

Hoàng Dược Sư thì khác hẳn. Trận pháp trên đảo Đào Hoa sẵn sàng vây khốn những kẻ nào liều lĩnh dám đặt chân lên đảo. Cây ngọc tiêu rêu rắt trên sóng biển sẽ là vũ khí cực kỳ lợi hại để giao đấu nội lực với các đại cao thủ võ lâm. Võ công đủ trấn áp một phương với ngoại hiệu Đông Tà. Kiến thức uyên bác trùm đời đủ để “cưỡng từ đoạt lý”. Dung mạo đẹp để uy nghi đủ để mọi người kính nể không dè.

Còn gì đáng thêm vào nữa cho nhân vật mang chứa trong mình hầu như toàn bộ tinh hoa của nhân loại?

Nhưng Hoàng Dược Sư gây được ấn tượng vô cùng sâu sắc đối với người đọc không bởi chỉ tại cái tài hoa mà chính ở chỗ tính tình cổ quái cao ngạo. Ông cao ngạo không phải chỉ vì giỏi, mà vì ông muốn đập đổ thị phi, xóa nhòa mọi ranh giới chính tà trong cõi giang hồ để đầy tự do và suy tưởng cá nhân đến chỗ tuyệt đối.

Chữ “tà” trong ngoại hiệu Đông Tà của ông không có nghĩa đơn giản là đối lập với “chính” trong phạm trù “tà chính”, mà nó có nghĩa rằng dưới mắt ông, mọi nỗ lực muốn kiến tạo một ranh giới rạch ròi giữa chính và tà chỉ là điều ngu xuẩn. Chính tà, thiện ác chỉ là sản phẩm được nhào nặn theo cái nhìn và ý muốn của những con người có ý chí hùng bá, như Hoàng Dược Sư hay Nhậm Ngũ Hành.

Nếu như Nhậm Ngũ Hành, sau khi cướp lại ngôi giáo chủ từ tay Đông Phương Bất Bại, muốn vạch lại dòng chảy của lịch sử theo ý chí của mình, thì Hoàng Dược Sư lại kiêu hãnh đứng một bên, hoặc đứng trên cái dòng chảy ấy, vì nó không thể hòa hợp được với tâm hồn của kẻ tài hoa tuyệt đỉnh như ông. Có lẽ chính trong những suy tưởng đó ông mới thực sự là kẻ cô đơn vì không có kẻ đồng thời nào chia sẻ được. Chỉ sau này ông mới gặp được một người bạn vong niên là Dương Quá, chỉ vì anh chàng này dám yêu và cưới sư phụ - một điều đại cấm kỵ của võ lâm.

Nhưng sự chia sẻ đó cũng chỉ mới ở một phần nhỏ: Vượt qua được định kiến của xã hội.

Cũng như Nguyễn Du làm quan cho triều Nguyễn luôn giữ thái độ buồn rầu mà hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng đó là tâm sự hoài Lê! Thật ra, đó chỉ là tâm sự cô đơn của những kẻ tài hoa tuyệt đỉnh không muốn để mình bị cuốn trôi theo dòng chảy của lịch sử mà không tìm được người đồng điệu.

Nếu Hoàng Dục Sur thiết kế một đảo Đào Hoa thơ mộng giữa đại dương để kiều ngạo một mình rong chơi một cõi, thì Nguyễn Du lại đam mê lễ nhượng xây nên một tòa Tân thanh lặng lẽ giữa cõi bể dâu để mở ra những trận du hí thần thông. Trong khi đảo Đào Hoa như thiên la địa võng vây hãm con người thì tòa Tân thanh lại lừng lẫy sương mù để mở rộng vòng tay ôm lấy toàn nhân loại, nhưng cả hai đều là những “một cõi trời riêng” làm nơi trú ẩn của những cây thông xanh cô độc!

Hoàng Dục Sur cho cắt lưỡi và đâm thủng tai những kẻ nô bộc để biến chúng thành những người câm điếc, không muốn chúng đóng vai trò của những sứ giả thông tin vì ông gần như muốn cắt đứt mọi quan hệ với xã hội bên ngoài, không muốn cho những kẻ không xứng đáng đặt chân đến cõi riêng đó.

Dẫu những kẻ nô bộc kia toàn là những tên lưu manh đầu trộm đuôi cướp, giết người không gớm tay, đáng để giết đi. Nhưng việc làm đó của ông, dưới quan điểm đạo lý bình thường ta sẽ cho là man rợ. Ông trừng phạt bọn người gian ác kia có lẽ vì muốn “Thế thiên hành đạo”, muốn thay trời để xử lý tội ác, theo kiểu của riêng ông, vì rõ ràng ông không tin gì vào cái gọi là “đạo lý trần gian”. Nói theo ngôn ngữ của các nhà hiện sinh thì có thể Hoàng Dục Sur muốn làm điều ác vì điều thiện đã được con người từ thuở xa xưa tranh nhau làm cả rồi!

Nhưng nếu đạo lý “dĩ bạo địch bạo” (dùng điều bạo ngược để thay cho điều bạo ngược) vẫn tràn lan trong cõi thế. Và bạo lực cùng thù hận vẫn là động cơ góp phần thúc đẩy dòng chảy của lịch sử nhân loại thì ngẫm ra, vị chúa đảo Đào Hoa kia chắc gì đã “tà”? Khi bị nghi oan là đã tàn sát những người trong đám Giang Nam lục quái, ông cũng chẳng thèm đính chính, vì cho rằng đó không xứng đáng với mình.

Như cây thông xanh hiên ngang reo trong ngàn cơn gió giá buốt mùa đông, Hoàng Dục Sur vẫn luôn lạnh lùng kiều ngạo với cõi trời riêng.

Hoàng Dục Sur cực kỳ kiều ngạo và có đôi phần tà quái thì đó cũng là lẽ đương nhiên, nếu quả như trên cõi đời có thể tồn tại một nhân vật tổng hợp được ngàn thứ ấy nơi một con người.

Hình tượng Hoàng Dục Sur như muốn vượt cả những thiên tài khổng lồ

thời Trung cổ Tây phương: Leonardo da Vinci hay Mitchelangelo Buonarroti. Nếu Leonardo vừa là họa sỹ, kỹ sư vừa là nhà soạn nhạc và nhà khoa học hay Mitchelangelo Buonarroti vừa là họa sỹ, nhà điêu khắc, vừa là nhà kiến trúc và nhà thơ, thì Hoàng Dục Sur còn hơn thế nữa: ấy là sở đắc về võ công!

Nhưng tự xưa đấng tạo hóa luôn “đồ toàn”, nên khi Ngài đem những chất liệu ưu mỹ nhất để tạo nên những con người tài hoa đủ điệu như Hoàng Dục Sur, thì Ngài lại bắt họ phải gánh chịu một bi kịch nào đó trong cuộc sống, để cho những tạo vật khác khỏi so bì.

Tưởng chừng như với bản lĩnh nghiêng trời như Hoàng Dục Sur, thì trên đời này không có gì lại không bị khuất phục dưới ý chí của ông. Và hai chữ “bất khả” có lẽ không thể tồn tại trong cuốn tự điển sống của vị chúa đảo Đào Hoa. Với Hoàng Dục Sur thì muốn là được, như lời nói của Caesar là luật lệ. Nhưng nếu đối với giang hồ, cái bóng khổng lồ của chúa đảo Đào Hoa bao trùm lên mọi cao thủ võ lâm như một tượng đài bất khả xâm phạm, thì nỗi khổ của ông lại bắt nguồn từ một chỗ tưởng chừng êm ả nhất: gia đình.

Trong các tác phẩm võ hiệp, bi kịch gia đình của các nhân vật giang hồ thường là cảnh toàn gia bị thảm sát như Tạ Tốn, Lưu Chính Phương để đẩy những nhân vật đó vào chỗ tận cùng khổ lụy, thì đối với Hoàng Dục Sur lại khác. Người vợ hiền của ông vì vất kiệt cả sức lực để ghi nhớ Cửu âm chân kinh nên phải sớm qua đời, để lại đứa con gái thông minh tuyệt đỉnh là Hoàng Dung.

Cô “con gái rượu” này làm ông phải bao phen lao đao vất vả vì cô mãi chạy theo Quách Tĩnh, một kẻ mà dưới mắt ông chỉ là một tên thô lậu ngu xuẩn, không đáng giá một xu.

Đó mới thực sự là nỗi thống khổ của bọn tài tử cổ kim!

Cuộc đời vẫn thường đem những thứ vớ vẩn như thế để chơi khăm khách tài hoa, bắt con kinh ngư phải ngắc ngoải trong vũng nước bùn, như một lời răn đe giễu cợt. Cha tài hoa tuyệt đỉnh, con gái thuộc hàng cực phẩm nhân gian, thì chàng rể lại lù đù như một anh “Hai Lúa”.

Khi Tây độc Âu Dương Phong đem cháu là Âu Dương Khắc, còn Hồng Thất Công dẫn đồ đệ là Quách Tĩnh đến đảo Đào Hoa cầu hôn, ông thấy thà chấp nhận Âu Dương Khắc còn hơn để Hoàng Dung kết thân cùng Quách Tĩnh, dù ông thừa biết Âu Dương Khắc là loại người bạc hạnh, bởi một lý do đơn giản là anh chàng công tử Bạch đà sơn dù sao cũng phong lưu nho nhã và có chút tài hoa. Có lẽ với ông, nhân cách còn có thể giữa mài chửi tục cốt thì khó lòng hoán cải, như bài thơ vịnh trúc của Tô Đông Pha:

(Có thể ăn không thết. Không thể sống không trúc. Không thết khiến

người gây. Không trúc khiến người tục. Người gây mập có ngày. Kẻ tục đành bó tay).

Tục cốt quả là hết thuốc chữa. Dù một kẻ kiến thức bác cổ thông kim hay tiền của trù mĩ nhưng nếu bản chất là tục cốt thì vẫn là tục cốt, vì những kiến thức vay mượn hay ngọc ngà châu báu vẫn không thể che giấu nổi cái cốt lõi của con người.

Dưới mắt những kẻ tài hoa thì đúng là “Tục sỹ bất khả y”.

Chính nỗi cô đơn trong suy tưởng cùng với nỗi buồn về gia đình đã khiến cho con người tài hoa như Hoàng Dược Sư lắm phen phải ngó ngàng như một kẻ tâm thần.

Ông bố tài hoa tung hoành khắp thiên hạ, dưới mắt xem không có người, vậy mà đành lòng chấp nhận một chàng rể lù đù lậu đậu. Tấm lòng của người cha đã đánh bật sự kiêu ngạo ngất trời. Hình ảnh Hoàng Dược Sư cuống cuồng tìm con trên biển là hình ảnh đáng yêu nhất của nhân vật này, chứ không phải sự kiêu ngạo lạnh lùng đôi khi vớ vẩn như bắt bọ cao thủ Hắc Thông Hải chui qua đáy quần mình mà đi. Hành động đó khiến Hoàng Dược Sư trở nên dễ gần như tên bán thịt bắt Hàn Tín lòn trôn giữa chợ.

Ở điểm này Hoàng Dược Sư thua xa Nhậm Ngã Hành, chưa nói gì đến Tạ Tốn. Nhưng chính hình ảnh dung tục đó, trong một sát na, đã kéo Hoàng Dược Sư ra khỏi “một cõi trời riêng” mà về với “cõi người ta” vốn đầy những cái tầm thường dung tục.

Hình ảnh vị thanh y quái khách ẩn hiện thất thường với mặt nạ da người trơ lỳ vô cảm và cây ngọc tiêu vẫn là biểu tượng hấp dẫn người đọc vì sự lạnh lùng cao ngạo, vì tài hoa tột đỉnh và trên hết là sự cô đơn.

Và đảo Đào Hoa giữa đại dương mênh mông sóng nước kia sẽ không chỉ là của riêng của Hoàng Dược Sư mà là một đảo Đào Hoa mang nghĩa tượng trưng trong tâm tưởng mỗi chúng ta, để những khi bị cuộc đời đẩy vào nỗi cô đơn cùng tột, ta sẽ quay về tìm lại chính mình trong “một cõi trời riêng”.

Chương 13: Viên Tính

Câu chuyện trong Phi Hồ ngoại truyện của Kim Dung xoay quanh bi kịch gia đình không hấp dẫn lắm, nhưng số phận của các nhân vật Trình Linh Tố cùng ni cô Viên Tính và các câu kệ trong kinh Pháp Cú ở cuối tác phẩm đã để lại trong lòng người một ấn tượng sâu sắc.

Trình Linh Tố mang trái tim đôn hậu về bên kia thế giới với nỗi ngậm ngùi của một A Tử với Tiêu Phong. Yêu một người mà trái tim người đó đã hoàn toàn về một kẻ khác, có lẽ không một nhân vật nữ nào đáng tội nghiệp hơn Trình Linh Tố.

Kim Dung đã viết về cô bằng những lời tha thiết ngậm ngùi, chắc là để an ủi linh hồn của cô thôn nữ thông minh tuyệt đỉnh, thấu hiểu hết mọi độc vật trong thiên hạ kia. Sự thông minh của cô hàm chứa sự chất phác đơn giản, khiến người đọc sinh lòng cảm mến. Nó khác hẳn lối thông minh ma mãnh, thủ đoạn và nặng phần trình diễn của Hoàng Dung.

Nhưng ở đây, chỉ xin ghi lại một vài cảm nhận từ nhân vật Viên Tính.

Viên Tính là một ni cô, nhưng cũng như Nghi Lâm trong Tiểu ngao giang hồ, vị ni cô này đi tu chỉ vì sự nghiệt ngã của hoàn cảnh. Cả hai nhân vật nữ xinh đẹp này xuất gia bởi một lý do đơn giản là khi vừa lớn lên, họ thấy mình sống trong một ngôi chùa!

Mẹ Viên Tính là Ngân Cô, một cô gái làng chài xinh đẹp, bị tên cường hào Phụng Thiên Nam hãm hiếp mà mang thai. Cha Ngân Cô đến nhà tên cường hào phân trần thì bị đánh đập tàn nhẫn, về nhà uất ức buồn phiền mà chết. Gia tộc lại cho rằng Ngân Cô là nguyên nhân gây nên cái chết của cha, nên không cho cô mặc hiếu phục, không cho lạy quan tài và đòi bắt cô bỏ rọ thả sông!

Chi tiết này chỉ có một hai dòng trong nguyên tác, nhưng đối với người đọc lại có tác động mãnh liệt như một bản cáo trạng về thân phận nghiệt ngã của người phụ nữ Á Đông ngày trước.

Ngân Cô trốn khỏi thị trấn, sinh con xong, lang thang ăn mày và lặn mò về lại quê nhà. Một thanh niên bán cá thương hại muốn dang tay bảo bọc hai mẹ con thì bị tên cường hào giết chết, ngay trong ngày cưới. Ngân Cô phải chạy đến nương nhờ nhà Thương Bái. Vị “ngụy đại hiệp” này thấy Ngân Cô xinh đẹp nên động lòng dục. Ngân Cô bị làm nhục phải treo cổ tự vẫn.

Một vị sư thái là cao nhân tiền bối của võ lâm xuất hiện, cứu Viên Tính mang về Hồi Cương, nuôi dạy nên người.

Đến tuổi trưởng thành, Viên Tính, với một thân võ công, bèn từ Hồi Cương tìm về Trung Nguyên để trả thù cho mẹ. Nhưng làm sao tìm ra một

giải pháp báo thù trọn vẹn, khi mà kẻ thù của mẹ lại chính là cha mình, dù đó là một người cha đầy tội lỗi?

Đạo lý phương Đông không bao giờ cho phép người con trực tiếp lên án cha mẹ, đừng nói chi đến chuyện giết, cho dầu đó là những người mang trọng tội. Đạo lý, nếu cần phải duy trì để giữ gìn môi cho sự vận động của guồng máy xã hội, sẽ được thực hiện bởi trời, bởi phép nước hoặc bởi một người nào khác.

Trong sách Mạnh Tử, Đào Ưng đã đặt vấn đề cùng Mạnh Tử:

Ông Cổ Tẩu – cha vua Thuấn – là người cực ác giết người phải tội chết. Ông Cao Dao là người chấp pháp muốn bắt ông Cổ Tẩu thì vua Thuấn phải xử lý thế nào?

Đây là vấn nạn thường đặt ra trong nền văn hóa nhân loại để con người phải tìm sự điều hòa giữa đạo trời và đạo người, để làm sao cho xã hội vẫn tốt đẹp mà lương tâm con người vẫn thanh thản.

Vua Thuấn là con thì phải bảo vệ cho cha là đạo trời. Nhưng vua Thuấn lại là vua nên theo luật phải xử tội cha để duy trì trật tự xã hội là đạo người. Làm thế nào để điều hòa sự tương xung bất khả văn hồi?

Giải pháp mà Mạnh Tử đưa ra là sự điều hòa mang ý nghĩa sâu xa đượm đầy tính nhân văn cao viễn trong bầu không khí cổ đại phương Đông, mà mãi đến ngày nay vẫn còn là bài học kinh điển về đạo lý làm người.

“Thuấn sẽ xem việc bỏ thiên hạ như bỏ một đôi dép rách, lén cống cha đi trốn, lặn theo bờ biển mà ở, suốt đời vui vẻ, vui mà quên đi thiên hạ”. (Thuấn thị khí thiên hạ do khí tề sĩ dã, thiết phụ nhi đào, tuân hải tân nhi xử, chung thân hãn nhiên, lạc nhi vong thiên hạ) (Mạnh Tử, Tận Tâm thượng).

Nếu vua Thuấn cứ căn cứ theo phép nước để ông Cao Dao chiếu theo luật xử tử cha mình, cho đúng với nghĩa “minh quân” hay “thiết diện vô tư” thì trước mắt có thể duy trì được gìn giữ xã hội đấy, nhưng chắc chắn sẽ để lại một vết thương trầm trọng không gì cứu vãn được trong đạo lý làm người cho thế hệ mai sau.

Thần thoại Hy Lạp cũng có một câu chuyện tương tự. Agamemnon, vua xứ Mycenae, khi dẫn đoàn quân viễn chinh Hy Lạp quay về sau chiến thắng thành Troy, thì bị hoàng hậu Clytemnestra cùng người tình là Aegisthus lập mưu giết chết.

Con trai Agamemnon và Clytemnestra là Orestes, với sự trợ giúp của chị là Electra, đã giết chết mẹ và Aegisthus để trả thù cho cha.

Tưởng rằng như thế là công bằng, vì nợ máu phải trả bằng máu. Nhưng ngay sau đó Orestes bị các nữ thần Eumenides trừng phạt, mãi cho đến khi có

sự can thiệp của nữ thần Athena.

Đông hay Tây đều cho rằng việc giết cha hay mẹ để đòi lại sự công bằng cho người đã khuất phải là nhiệm vụ của thần linh, của trời, chứ không phải của con người.

Theo lời sư phụ dặn, Viên Tính phải ba lần cứu Phụng Thiên Nam thoát chết dưới tay Hồ Phi, như để trả món nợ tình phụ tử, dù nàng chỉ là cái bào thai nghiệt oan của một tên dâm ác, và đến khi trưởng thành vẫn không biết đến cha.

Kim Dung quả thực sâu sắc khi để Phụng Thiên Nam chết thật đột ngột bởi những lưỡi “vô ảnh ngân châm” của một tên gian ác khác là Thang Bái. Rồi ông lại bố trí cho Viên Tính hạ sát Thang Bái. Thật không có giải pháp nào hoàn hảo hơn được nữa.

Nếu như Kim Dung để Phụng Thiên Nam giao đầu rồi chết dưới tay Thang Bái hoặc Hồ Phi, trước sự chứng kiến của Viên Tính, thì người đọc vẫn không lấy làm thỏa mãn. Mà có thể cả Viên Tính cũng cảm thấy ray rứt trong lòng, dù nàng đã lập thệ chỉ cứu Phụng Thiên Nam đúng ba lần.

Giải pháp của Kim Dung là sự điều hòa mang tính đạo lý rất sâu xa.

Và cũng chính trong bước đường tầm thù, khi gặp Hồ Phi, Viên Tính lại vướng vào chữ tình. Đối với Viên Tính là sự oan nghiệt, vì nàng đã lập lời trọng thệ sẽ kế thừa y bát của sư phụ, sẽ suốt đời làm bạn với thanh đăng cở Phật, như để đền đáp ơn trùng sinh tái tạo.

Ở đoạn cuối tác phẩm, những lời bộc bạch tâm sự của nàng trước năm mộ song thân Hồ Phi thật cảm động:

“Giá như ngày trước ta không lập lời trọng thệ trước sư phụ, thì có thể trọn đời theo y đến tận chân trời, hành hiệp trượng nghĩa, há chẳng hay ư? Hỡi ời, Hồ đại ca! Đại ca đau khổ, nhưng có biết chẳng tiểu muội còn thương tâm gấp mười?”.

“Giá như...”. “Phải chi...” vẫn luôn là câu nói tiếc nuối của con người, để hoài thương quá khứ hoặc nguôi đi một chút hận lòng. Cuộc sống là một cuộc thi mà mỗi thí sinh chỉ có một tờ giấy duy nhất để làm bài, không cho ai làm nháp!

Nếu như các chữ “Giá như...”. “Phải chi...” không còn trong tự điển của cuộc sống thì Nguyễn Du lấy đâu ra chỗ để viết “Đoạn trường tân thanh”?

Nỗi lòng Viên Tính là vậy, nhưng thái độ kiên quyết và dứt khoát của nàng trước lời thỉnh cầu của Hồ Phi lại khiến người đọc bao xiết cảm thông. Cuộc đời nàng vốn đã đầy tràn luân khổ hạnh, mang ơn tái tạo của sư phụ thì làm sao nàng có thể phản bội lời thề để tìm hạnh phúc riêng tư? Đó cũng

chính là tâm trạng phân vân của Thúy Kiều khi gặp lại gia đình ở chốn thảo am.

Mười lăm năm lưu lạc bị đầy đọa trong chốn phong trần, gặp lại gia đình và người yêu cũ có còn niềm vui mừng nào hơn nữa? Nhưng ơn trùng sinh tái tạo của sư Giác Duyên lấy gì để đền đáp? Nhiều nhà phê bình cho đó là thái độ không thực lòng của Thúy Kiều, thì nghĩ cũng thực lòng không hiểu họ đọc Kiều theo kiểu nào, và đọc để làm gì?

Một người đã mười lăm năm trầm luân lưu lạc, đã bị đẩy đến tận cùng nỗi thống khổ của nhân gian, phải nhờ dòng nước dìm sâu hết mọi tội nhục của đời người, lại được một sư thái cứu lên và nương thân nơi cửa Phật, thì người đó có thể nhìn đời bằng đôi mắt hồn nhiên của ngày cùng hai em dạo chơi trong ngày lễ đạp thanh, hay đôi mắt đau buồn nhưng vẫn còn hy vọng của ngày phải lìa nhà theo Mã Giám Sinh?

Trùng lai quả là điều người đã mòn mỏi chờ đợi, nhưng còn ơn trùng sinh, lòng người sao nữa?

Tìm mỗi điều hòa cho xuôi chèo mát mái giữa những xung đột, giữa hiếu và tình, giữa hạnh phúc và trách nhiệm... vẫn là những vấn đề muôn thuở của con người. Lắm khi thoát được ra khỏi vòng tranh chấp, con người đã thấy đời đổ tan hoang với những nỗi lòng thê thiết.

Thúy Kiều theo cha mẹ về đoàn tụ với gia đình là một cách điều hòa, Viên Tính quay về lại Hồi Cương để vĩnh viễn chai tay Hồ Phi phải chăng cũng là một cách điều hòa? Bài kệ của nàng trước lúc chia tay là để cảnh tỉnh Hồ Phi hay để nhắc nhở chính mình?

Không có tác phẩm nào của Kim Dung để lại cho người đọc một cảm giác băng khuâng như trong đoạn cuối của Phi Hồ ngoại truyện. Không vui tươi như Tiểu ngạo giang hồ, không thê thảm như Thiên long bát bộ. Người đọc không buồn đau mà chỉ có một cảm giác hụt hẫng và trống rỗng. Như tâm trạng Hồ Phi đứng bên năm mộ song thân cùng bình cốt hời của Trình Linh Tố, nhìn theo bóng Viên Tính xa dần.

Con bạch mã đứng bên cạnh chàng nhìn theo bóng Viên Tính đi mỗi lúc một xa, bỗng nhiên hý lên một tiếng bi thương. Nó không hiểu vì sao vị chủ nhân cũ của nó không hề ngoảnh đầu nhìn lại”.

Chi tiết Viên Tính “Thúc ngựa lạng lẽ bỏ đi mà không hề ngoảnh đầu nhìn lại” quả thật cảm động.

Đạo Phật chủ trương “Khô hải vô biên, hồi đầu thị ngạn” (biển khô mênh mông, quay đầu là bến). Nhưng trong trường hợp này lại khác. Nếu Viên Tính quay đầu nhìn lại thì nàng sợ rằng sẽ không thấy bến, mà chỉ thấy một

biển tình, biển khổ, và nàng sợ những con sóng trong biển đó sẽ kéo nàng trôi dạt, không biết đến những bờ bến nơi đâu.

Chương 14: Tâm Sự Nghi Lâm - Giọt Lệ Giữa Trang Kinh

Thật là cảm thấy băng khuâng và ngại ngùng bao xiết khi cầm bút bàn đến Nghi Lâm, mặc dầu đã có lần nhắc đến cô tiểu ni xinh đẹp này trong một bài bàn đến tình yêu trong tác phẩm Kim Dung.

Viết về Tiêu Phong hay viết về Tạ Tốn, dầu thấy đắng cay nhưng cũng không khó. Cuộc đời của các nhân vật anh hùng đó, dầu là những bi kịch đầm máu và nước mắt, nhưng ta vẫn còn chịu đựng được và thấy chưa hẳn là quá xa lạ với con người.

Ta không anh hùng như họ, nhưng ta vẫn có thể theo họ lặn sâu vào tận đáy của cuộc đời, để cùng nắm tay nhau, tìm chút hơi ấm cảm thông, an ủi trong tấn tuồng bi thảm của nhân sinh cũng như cái thế thiết của kiếp người. Nhưng bàn đến Nghi Lâm, ta thấy như có chút gì e ngại. Ngòi bút ta như sắp chạm đến một cái gì tốt cùng cao khiết, ta sợ nó sẽ làm vỡ mảnh linh hồn quá đỗi mong manh.

Mà dường như Kim Dung cũng dành cho cô tiểu ni này rất nhiều ưu ái. Với một chút lòng thiên ái, dám khẳng định rằng không có nhân vật nữ nào của Kim Dung lại được độc giả dành cho nhiều cảm tình như Nghi Lâm. Kể cả hai nhân vật đáng yêu và gây được nhiều ấn tượng khác, là A Châu và Vương Ngữ Yên.

Những đoạn văn bàn đến cô, hay để người khác nghĩ đến cô, đều long lánh như pha lê, tỏa ngời ánh sáng của tình thương yêu thanh khiết. Tâm hồn cô như một viên ngọc toàn bích, không tí vết. Mà oái ăm thay, cô tiểu ni rực rỡ như thiên thần đó lại là kết quả của một mối tình quái gỡ của một gã đồ tể thô lỗ và một ni cô dở hơi!

Tấm lòng Nghi Lâm sáng ngời như thánh nữ, và ta hiểu vì sao Kim Dung lại cố tình hư cấu nên cái xuất thân gần như hạ tiện và kì quặc của cô. Có lẽ Kim Dung cũng sợ cái luật “Tạo hóa đồ toàn”, nên ông cố đem bụi bặm trần gian phủ lên viên ngọc đó, để tự trấn an lấy chính mình.

Nếu để cô tiểu ni đó xuất thân từ một dòng dõi quý phái thanh cao, hoặc từ một nguồn gốc vương quyền, thì có thể ông e ngại cô không còn thuộc về cõi trần tục nữa, mà hình ảnh cô sẽ trở nên bệch bông hư ảo, quá xa lạ với con người. Ông đã để cô xuất gia ngay từ tấm bé, vì tâm hồn đôn hậu đó hướng về cõi Đạo Thiện Chân là hoàn toàn tự nhiên và phù hợp với thiên tính của cô. Nhưng rồi dường như ông lại lo sợ cửa Không màu nhiệm sẽ dành mất cô tiểu ni thánh thiện đó ra khỏi chốn bụi hồng, nên ông cố tình sắp đặt bố cục câu truyện, để cô phải vướng lụy trần gian.

Có lẽ ông muốn cô vẫn mang hình ảnh gần gũi của một con người. Bởi vì

cái vưu vật của Tạo hóa đó, với dung nhan diễm kiều và tâm hồn thuần nhiên thanh khiết ngần ấy, nếu không nhuốm bụi trần thì nó chỉ có thể là chân dung của Bồ Tát Quan Âm! Nó sẽ theo mây trắng trôi qua vùng Nam Hải mà đi mất. Ấu đó cũng là một cách điều hòa trong sáng tạo.

Nhiều người cho rằng truyện tiểu thuyết võ hiệp, rớt cuộc cũng chỉ là những sáng tạo hoang đường không mang tính hiện thực. Họ quên rằng các truyện thần thoại Đông Tây, với các sáng tạo hoàn toàn hư đản, lại hiện thực và gần gũi tâm hồn con người, hơn rất nhiều so với các tác phẩm văn học hiện thực thô thiển.

Tiếng nói tâm tình của nhân gian có rất nhiều con đường tiếp cận và biểu hiện. Văn học đâu phải chỉ mô tả những gì có thực trong đời mới có thể xem là giá trị về mặt nhân sinh. Câu nói “Bất dĩ từ hại ý” (đừng để ngôn từ làm hại ý tưởng) của Mạnh Tử vẫn đồng vọng như một lời nhắc nhở, trong suốt mấy ngàn năm văn học phương Đông.

Lần đầu tiên xuất hiện trong tòa sảnh của Lưu Chính Phong, sự hồn nhiên ngây thơ của Nghi Lâm đã khiến quần hùng thay đổi cái nhìn về gã tửu đồ lãng tử Lệnh Hồ Xung. Và độc giả cũng linh cảm được rằng cô đã bắt đầu vướng vào nỗi khổ lụy của tình yêu, với gã “Lệnh Hồ đại ca” đó.

Con chim sơn ca hồn nhiên của phái Hằng Sơn đã bất ngờ bị trúng mũi tên của vị thần tình yêu Cupide. Mũi tên đã xuyên qua tim vị tiểu ni, nhưng lại quá đổi lặng lẽ vô thanh, nên cô chẳng hề hay biết. Đến khi hay được thì cô đã sầu thương héo hắt đến tiêu tụy cả dung nhan!

Kim Dung đã tỏ ra nhân đạo và sâu sắc biết bao, khi để cho cô vắng mặt trong lúc thảm cảnh xảy ra trong Lưu phủ: các cao thủ Tung sơn tàn sát toàn gia Lưu Chính Phong để nhằm thực hiện cho được tham vọng cuồng điên của Tả Lãnh Thiền. Nếu như tâm hồn cô xa lìa hẳn nhân thế, như các bậc cao nhân thế ngoại, thì thảm cảnh đó có thể là điều kiện trợ duyên để giúp cô thể hội thêm được tấn tuồng hư huyền của nhân gian.

Nhưng có lẽ trong thâm tâm, Kim Dung muốn cô vẫn còn thuộc về cõi hồng trần, muốn cô không chỉ là khán giả mà còn là diễn viên trên sân khấu cuộc đời, nên ông đã cố tình che bớt đi những hình ảnh thể thảm khỏi đôi mắt của cô. Kim Dung không nở nhả tâm, và chúng ta phải cảm ơn Kim Dung nhiều lắm, vì hiểu rằng trái tim nhân hậu và cực kì thanh khiết đó sẽ tổn thương biết mấy, một khi đối diện và nhận chân ra được những âm mưu thâm hiểm cùng những tấn bi kịch khủng khiếp của trần gian.

Kim Dung đã tạo nên một tình huống dở khóc dở cười, khi để cô tiểu ni đó phải chui vào trong chốn của một gã lãng tử, trong một kĩ viện thành Hành

Son. Rồi vì Lệnh Hồ Xung, cô chấp nhận phải phạm giới: đi ăn trộm dưa giữa đồng vắng. Một việc làm thường có thể xảy ra đối với bất kì ai, nhưng với cô là chuyện tày trời. Lúc hái dưa, cô đã âm thầm khấn nguyện với Bồ Tát để tự mình oan cho hành động của mình, khiến ta vừa buồn cười vừa cảm mến cô biết bao nhiêu.

Cho dầu có theo các đồng môn xuôi ngược giang hồ, dẫn mình vào chốn thị phi đi nữa, thì trái tim nhân hậu của cô, như tâm hồn vị thánh Francis, vẫn mãi toả ngời ánh sáng, để làm cho hình ảnh cuộc đời bớt đi vẻ thô lương. Giữa cảnh kiếm đao đâm máu chốn giang hồ, tiếng tụng kinh và niệm Bồ Tát của cô, như giọt nước cành dương, xoa dịu phần nào nỗi đau của nhân thế.

Khi cùng đồng môn theo Lệnh Hồ Xung nổi trôi giữa giang hồ vì tai nạn của bản phái, thì những ánh mắt quan hoài thâm kín của cô dành cho gã lãng tử đó vô cùng đầm thắm và chan chứa biết bao sự thương yêu của một mối tình câm lặng. Như một hành giả Du già toạ thiền, quên đi ngoại cảnh mà chỉ chú tâm quán tưởng một đối tượng duy nhất, thì tiểu sư thái Nghi Lâm dường như suốt đời chỉ “quán tưởng” mỗi một hình ảnh của Lệnh Hồ Xung!

Độc giả thông cảm xiết bao khi biết cô từng đêm vẫn âm thầm tâm sự cùng bà già, mà cô ngỡ là câm điếc, trên núi Hằng Sơn. Đó lại chính là mẹ ruột của cô. Nỗi lòng u hoài đó ắt hẳn cô không dám ngỏ cùng Bồ Tát, nhưng cũng không thể chôn dấu mãi trong lòng. Một trong những bi kịch của con người là khi nằm xuống vẫn chưa thể nói được điều mơ ước trong tim, với người mà ta thâm yêu dấu.

Khi còn sống, triết gia F.Nietzsche đã yêu say đắm Lizt Cosima, vợ của nhạc sĩ Wagner, trong câm nín và tuyệt vọng đón đau. Để rồi sau này Cosima mãi mãi là nàng Ariane thần thoại trong những giấc mơ của Nietzsche. Nhưng trước khi rơi vào tình trạng điên loạn, Nietzsche vẫn còn được hạnh phúc khi kịp nói những lời tha thiết “Ariane, je t’aime” với người thiếu phụ đó.

Kim Dung cũng thâm cảm được rằng “Nhưng cũng lạ mối tình đau khổ ấy. Để riêng tây như có chỗ không đành” (Xuân Diệu), nên ông phải sáng tạo thêm một bà già câm điếc để cô tâm sự. Rồi ông lại bố trí cho cô được hồn nhiên tâm sự với bà già giả là Lệnh Hồ Xung hoá trang. Như một chút an ủi khi cô sắp phải chia tay vĩnh viễn với gã “Lệnh Hồ đại ca” giáo quyết mồm năm miệng mười mà cô ngày đêm tưởng nhớ.

Nhân vật Nghi Lâm khiến ta liên tưởng đến hai nhân vật khác là Tát Đạt của Herman Hesse trong “Câu chuyện dòng sông” và Aleixei Karamazov của Dostoievski trong “Anh em nhà Karamazov”.

Dostoievsky không muốn một con người thuần nhiên hướng thiện như Aleixei vào tu viện quá sớm, dù anh ta khát khao muốn tìm đến với Chúa, mà ông muốn anh ta phải trải qua “trường đời” trước đã. Cũng như Hesse phải để Tất Đạt lăn lộn với bụi trần, xẻ chia bao nỗi nhục vinh, rồi mới có thể dứt bỏ tất cả, để lắng nghe ra được tiếng nói minh triết của dòng sông.

Chưa nhập thế mà đã xuất thế, chưa đi trọn con đường ô trọc của cuộc đời mà đã vội từ bỏ nó để đem mình vào cõi đạo, thì sự từ bỏ đó không thể nào là sự từ bỏ chân chính được. Nên trong cõi thanh tu ấy, Nghi Lâm ắt hẳn phải bao lần đem tâm hồn mình ra làm bãi chiến trường tranh chấp giữa hai tiếng gọi của Đạo và Đời. Cõi Đạo thì thanh tĩnh nhiệm màu, nhưng cõi Đời đầy dẫy cay, đắng, vẫn đầm thắm quyến rũ với bao hương sắc của tình yêu.

Trong suốt tác phẩm Tiểu ngạo giang hồ, đã bao lần Nghi Lâm nhỏ lệ, mà chủ yếu chỉ vì Lệnh Hồ Xung. Sau này, khi cô tiếp chức chương môn phái Hằng Sơn, ta vẫn hiểu rằng vị tân chương môn đó sẽ rất nhiều phen phải tiếp tục khóc thầm. Vì chắc chắn cô chưa thể quên hẳn vị “Chương môn sư huynh” đang sống hạnh phúc và tiêu dao giang hồ cùng Nhậm Doanh Doanh, dù đó là điều mà cô nhiều phen thành tâm cầu nguyện cùng Bồ Tát. Ta tin rằng các Bồ Tát trên cao cũng sẽ chứng giám cho tấm lòng thành của cô, và sẽ nhìn vị đệ tử đang vương lụy trong cõi “Hồn bướm mơ tiên” kia bằng những tiếng thở dài thông cảm. Mỗi lần đọc đến những đoạn Nghi Lâm với đôi mắt long lanh lệ nhỏ, tôi thường nghĩ đến hai câu thơ của Bùi Giáng:

Trong tất cả những sáng tạo của Kim Dung, nếu có gì xứng đáng được với hai câu thơ “bệ vệ” trên, thì đó chỉ có thể là những giọt lệ của Nghi Lâm, trong đêm vắng, âm thầm rơi trên những trang kinh!

Chương 15: Đoàn Dự - Kẻ Phụng Hiến Trong Tình Yêu

Tục ngữ bảo: “Con gái đôi tai, con trai đôi mắt”, nghĩa là trong tình yêu, phái nữ thường vì đôi tai mà trái tim bị chinh phục, còn phái nam thường do đôi mắt mà thân hồn bị đảo điên. Cho nên có người nói rằng: người đàn bà suốt đời chỉ khao khát nghe được câu “Anh yêu em” từ người đàn ông mà họ thương yêu, còn người đàn ông thì ngược lại, suốt đời họ cứ trần trố mãi với câu hỏi “Ta yêu ai?”. Nếu ta đem câu hỏi này để chất vấn Kim Dung, ắt hẳn ông, với nụ cười hóm hỉnh, sẽ đưa ra hình ảnh đáng yêu của vị vương tử đa tình nước Đại Lý: Đoàn Dự!

Những nhân vật chính diện trong tác phẩm Kim Dung, cũng như trong các tác phẩm võ hiệp khác, thường là đối tượng thương yêu của nhiều trái tim kiều nữ, như Lệnh Hồ Xung, Trương Vô Kỵ.... Nhưng trong tình yêu của Đoàn Dự vẫn có chỗ khác biệt: đó là sự đắm say trong tất cả mối tình với những người con gái kiều diễm trên đời, mà chàng ta yêu ngay từ lần đầu gặp gỡ. Từ Chung Linh, rồi pho thạch tượng cho đến Mộc Uyển Thanh... Chỉ đến khi gặp được Vương Ngữ Yên thì tất cả hình ảnh giai nhân trên thế gian này mới thực sự bị xoá nhòa đi như không còn nữa. Tự tòng nhất kiến khanh khanh hậu. Trần thế giai nhân tổng thị vô. (Kể từ một lần gặp được khanh khanh, thì tất cả giai nhân trên đời này coi như không còn nữa).

Vị vương tử đa tình họ Đoàn đi đến đâu đều đắm say tình yêu đến đó, như một thỏi sắt cứ mãi mãi bị hút bởi từ lực của giai nhân. Chàng ta chỉ tôn thờ nhan sắc, chẳng thêm quan hoài chi đến võ công hay quyền lực. Được cảm cương ngựa cho giai nhân là nỗi khát khao suốt đời của chàng ta. Mà hồng nhan thì có khắp trong thiên hạ, cho nên tình yêu của chàng ta cũng bén rễ khắp chốn khắp nơi.

Đối với chàng ta thì chỉ có tình yêu là tất cả, như một Xuân Diệu thời trai trẻ “Tôi khờ khạo lắm ngu ngơ quá, chỉ biết yêu thôi chẳng biết gì”. Nhưng trong tình yêu của Xuân Diệu “Yêu là chết trong lòng một ít” vẫn ngầm chứa nỗi khát khao được yêu lại, mà không đạt được nên đâm ra khổ đau và chết một ít trong lòng.

Còn Đoàn Dự thì hơn thế, chàng ta tìm đến với người đẹp dường như chỉ để chiêm ngưỡng tình yêu dưới quan điểm mỹ học thuần nhiên. Yêu chỉ để mà yêu, yêu chỉ để thoả mãn nỗi khát khao tôn thờ vẻ đẹp, yêu như một sự bột phát tuôn trào của những cảm xúc tự nhiên là muốn được phụng sự cho khách má hồng. Nhất là trong tình yêu chàng ta dành cho Vương Ngữ Yên.

Suốt đời cứ mê mẩn lẹo đẹo theo nàng ta rong ruổi khắp giang hồ, như một kẻ tuy tòng hồ, chỉ ước mong nàng hạ tứ ban cho một nụ cười, một ánh

mắt nhìn là mẫn nguyện. Cái thiết tha say đắm đã được đẩy tới chỗ tận cùng “Ta đâu biết cõi vô tình vô tận, nhưng tình ta ta biết tận vô biên” (Hồ Văn Thảng). Chàng công tử đa tình ấy như muốn tìm một chốn an tâm lập mệnh trong chút hương thừa của quốc sắc thiên hương!

Vương Sóc, một nhà văn Trung Quốc chuyên bài xích Kim Dung, đã phê phán rằng nhân vật Đoàn Dự chỉ là hình ảnh lặp lại của anh chàng công tử ảo là đa tình Giả Bảo Ngọc trong kiệt tác Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cẩn mà thôi.

Nói thế không khỏi cho chỗ oan uổng và bất công. Đoàn Dự làm gì uỷ mị đến mức sụt sùi khóc gió than mây như Giả Bảo Ngọc? Nhưng cả hai đều rất giống nhau ở điểm: xem nhan sắc, hay đúng hơn phái nữ, là biểu trưng cho những gì đẹp đẽ nhất trên cõi đời này. Giả Bảo Ngọc cho rằng cốt cách đàn ông được cấu tạo từ đất, còn cốt cách đàn bà thì được cấu tạo từ nước. Nước thì mềm mại, nhu nhuyến, cho nên giai nhân thì mong manh và đáng yêu vô kể!

Khi Đoàn Dự nhìn thấy Du Thản Chi - đang là Bang chủ Cái Bang - chấp nhận quì lạy Đinh Xuân Thu và gọi lão bằng sư phụ để mong lão tha chết cho A Tỷ, một cảnh tượng làm tất cả các nhân vật võ lâm trong đương trường phải phẫn nộ vì xấu hổ cho “thân phận nam nhi”, thì chàng ta lại thán phục và ngầm so sánh với mình.

Chàng ta cứ ngỡ rằng tâm lòng mình dành cho Vương Ngũ Yên tương chừng như đã đạt đến chỗ sơn cùng thủy tận của tình yêu, đã đến mức hoan hỷ tận hiến tất cả thân tâm, nhưng ngẫm ra hãy còn thua xa Du Thản Chi, là kẻ tình nhân đã đạt đến trình độ yêu đương quý khóc thần sầu. Và chàng ta thầm khen Du Thản Chi mới đích thị là “bậc hiền thánh trong tình yêu” (tình trung hiền thánh)!

Trong tình yêu của Đoàn Dự và Du Thản Chi không còn một chút dấu tích so đo tính toán của lý trí, còn “cái tôi” thì đã hoàn toàn biến mất để hoà tan trong đối tượng thương yêu. Hai ông “tình thánh” kia quả rất xứng đáng là những kẻ si tình vĩ đại nhất của mọi thời đại, suốt dưới vòm trời bốn bề năm châu!

Còn môn Lăng ba vi bộ kỳ tuyệt mà chàng ta học được, khi vô tình lạc vào thạch thất của phái Tiêu Dao sau núi Vô Lượng, cũng nhờ đắm say chiêm ngưỡng bức thạch tượng tạc một phụ nữ dung nhan tuyệt đại trông tựa thần tiên.

Những kẻ muốn đùa cợt hoặc xúc phạm bức tượng ắt phải chết vì những mũi tên tâm độc ngầm giấu trong các cơ quan rồi. Chỉ có chàng ta vì mê mẫn

bức tượng, xem đó là bậc thần tiên giáng thế, nên mới chịu khó cung kính quì lạy đủ 1000 lạy! Và chính tấm lòng đa tình lãng mạn đó vô tình cứu chàng ta khỏi họa sát thân.

Kim Dung đã cực tả cái thần trong đôi mắt của thạch tượng làm người đọc liên tưởng đến sự quyến rũ kỳ diệu trong nụ cười Mona Lisa của Leonardo da Vinci. Nhan sắc ấy và đôi mắt ấy thì trách sao anh chàng đa tình Đoàn Dự không điên đảo thần hồn, hân hoan quì lạy, gọi bằng “Thần tiên nương tử, Thần tiên tỷ tỷ”, và hứa hẹn thời gian sau sẽ quay về đoàn tụ, dù vị “thần tiên nương tử” đó chỉ là pho thạch tượng! Cái tình yêu ấy đã được thăng hoa gần như thoát tục, và còn như muốn đi xa hơn cả cái khái niệm amor platonicus trong văn học phương Tây.

Dưới ánh sáng của tình yêu như thế, thì mọi vật dù vô tri giác cũng sẽ tràn đầy sức sống và được gán cho một linh hồn. Đó cũng là tình yêu mà sau này chàng ta mãi mãi dành cho người con gái diễm kiều thông tuệ Vương Ngũ Yên - một bản sao của pho thạch tượng thần tiên đó.

Ngoài nhan sắc, chàng ta chẳng thiết tha gì với những cái mà thiên hạ sẵn sàng đổ máu để tranh giành nhau. Đường đường là vị hoàng thân quốc thích của nước Đại Lý, chuẩn bị kế thừa ngôi vua, nhưng vì không muốn học võ công, không ham chính trị, nên chàng ta dân thân phiêu bạt giang hồ, kết bạn với anh hùng hảo hán.

Hễ thấy nơi nào có tranh chấp là chen vào can thiệp, bằng lý lẽ của anh đồ gàn, bắt chấp họ có thèm nghe theo mình hay là không. Võ công thì siêu đẳng với tuyệt kỹ Lục mạch thần kiếm độc bá võ lâm, nhưng chàng ta chẳng thèm mơ màng chi cả, nên khi thì thi thố thần diệu tuyệt luân, lúc thì ngơ ngẩn ngẩn như đứa bé không biết võ công.

Chỉ có một môn võ công chuyên dùng để “chạy trốn” mà chàng ta luôn sử dụng thành công, đó là những bước Lãng ba vi bộ. Chàng ta học bộ pháp kỳ tuyệt đó rất dễ dàng bởi vì nó chỉ dùng để tránh đòn mà không phải sát thương một ai... Như vậy mới hợp với tấm lòng đôn hậu của chàng ta: muốn tất cả mọi người vát bỏ hận thù, và sống chan hoà với nhau như anh em.

Một anh đồ gàn rong ruổi giữa cõi giang hồ đầy bất trắc và ân oán thị phi, để rao giảng thuyết “Tứ hải giai huynh đệ” của Khổng Tử bằng cái tâm trong sáng hồn nhiên, giống như một Don Quichotte ở phương Đông. Ấy vậy mà đôi khi những lời lẽ gàn gàn, tưởng chừng như dở hơi đó, lại cứu vãn được nhiều cục diện căng thẳng sắp đi đến chỗ bất khả vãn hồi, và võ công cũng không thể giải quyết được gì.

Kim Dung để cho Đoàn Dự kết nghĩa anh em với Tiêu Phong, Hư Trúc

và mối giao tình của họ, như một dòng nước ngầm chảy suốt bên dưới tác phẩm Thiên long bát bộ, như để nêu lên những mối tư lường thâm huyền cho tư tưởng.

Nếu Tạo hóa đã dùng đại lực lượng, đại ý chí để sáng tạo nên những vũ vật hiếm hoi, những cảnh tượng thiên nhiên hùng vĩ, thì con người phải biết thưởng ngoạn chiêm ngưỡng để khỏi phụ tấm lòng Hóa công, cái mà thơ Lý Hạ gọi là “Nguyên hoá tâm”. Cũng vậy, khi con người đã bỏ tâm huyết cả một đời người để sáng tạo nên những công trình trác việt, như một thể cách đáp ứng lại đức Sinh của tạo hóa, thì những kiệt tác đó của con người cũng không thể bị vùi chôn trong quên lãng được.

Đỗ Phủ đã từng cảm thán “Văn chương thiên cổ sự, đặc thất thốn tâm tri” (Văn chương là chuyện ngàn năm, được hay mất chỉ tắc lòng biết thôi). Nặng óc vất tim, đeo gót gan ruột làm ra sách là để gởi lại cho hậu thế, mà không một ai biết đến, điều đó há chẳng đáng xót xa sao? Nhưng đâu chỉ trong văn chương, mà trong tất cả những công trình nghệ thuật do con người sáng tạo, đều là chuyện đem tác lòng gởi vào thiên cổ cả, nên con người của vạn đại mai sau không có quyền để cho mai một.

Do đó, khi Đoàn Dự phát hiện ra bao võ công uyên áo của phái Tiêu Dao còn lưu trong thạch thất núi Vô Lượng, nhưng lại hờ hững bỏ qua không chịu học, (vì ấn tượng mạnh nhất đối với chàng ta là pho thạch tượng chứ không phải các bí cấp võ công), thì Kim Dung phải bố trí cho người anh kết nghĩa của Đoàn Dự là Hư Trúc hưởng được toàn bộ chân truyền của các tuyệt kỹ đó trên cung Linh Thứu. Đó cũng là cách để Hư Trúc, thay mặt anh chàng tam đệ si tình, mà tạ lỗi với cổ nhân!

Nào phải chỉ có những cái hợp nhau mới tìm đến với nhau theo lẽ “Thanh khí ứng cầu”, mà những cái cực đoan cũng hay gặp gỡ nhau. Và chính hai cái thái cực đối nghịch, khi kết hợp lại, mới làm sáng tỏ thêm ý nghĩa đời. Ngạn ngữ phương Tây bảo “Les extrémités se touchent” cũng là ý đó.

Một Đoàn Dự không thiết tha chi ngoài nhan sắc, một Tiêu Phong không thích gì ngoài rượu và võ công, hai người tưởng chừng như khác nhau một vực một trời đó, ở chỗ thăm sâu lại vô cùng gần gũi nhau trong tâm hồn quảng đại. Kim Dung đã sâu sắc biết bao khi sắp xếp hai người đại diện cho hai cực đoan đó gặp nhau trên Tùng hạc lâu và kết nghĩa anh em. Để khi đối cực bên này đổ vỡ thì đối cực bên kia đi đến chỗ tụ thành, như một sự điều hoà và cứu vãn cho nhau.

Người anh hùng Tiêu Phong lạc bước vào Mê Cung, và đã kết thúc cuộc đời trong bi hận. Mối tình ngậm ngùi đau đớn của ông với A Châu đã vỡ tan

cung bậc, thì chút tâm nguyện xem như phó thác lại cho người em kết nghĩa là Đoàn Dự, để chàng ta tự thành những gì ông đề dở, bằng khối tình si đối với Vương Ngữ Yên. Tấm lòng đó của Đoàn Dự cho dầu không cứu vãn được, thì cũng an ủi được rất nhiều cho những tình yêu ngang trái.

Đoàn Dự sinh ra chỉ để phụng hiến cho tình yêu, và đối với một kẻ đa tình như chàng ta thì có lẽ trong tình yêu, người đàn bà không bao giờ có tuổi và người đàn ông không bao giờ có mối tình đầu!

Chương 16: Ân Ngũ Liên Tuyệt Kiều

Một cô gái dung nhan tuyệt đại, tài năng và trí thông minh đáng được liệt vào hàng cực phẩm của nhân gian, mà đành phải bịt tai trước tiếng lòng thổn thức để gán duyên cùng một nhân vật nửa người nửa vượn. Một thanh niên thông tuệ tuấn tú phải chối bỏ tình yêu để người em kết nghĩa được tự thành ước nguyện. Một kẻ nửa người nửa vượn - kết quả của một tấn thảm kịch nào nùng giữa một con vượn và một cô gái đang tuổi thanh xuân - lại cứ hồn hồn ngạc ngạc giữa nhân gian, yêu say đắm người yêu của nghĩa huynh, mà không biết được rằng mình đã làm hai trái tim tan nát, cứ cuồn cuộn chiếm hữu cho được người ngọc theo sự sắp đặt của một nhân vật đa mưu túc trí.

Tất cả bi kịch đó xảy ra cũng chỉ vì cái gọi là “đại cục của võ lâm”. Ngọa Long Sinh đã bài thiết một tình huống nào nùng làm người đọc phải cháy bỏng cả tim gan. Nhưng chính sự tan nát lòng người đó lại là điều kiện để tình hoa phát tiết. Đó có thể xem như là “chủ đề tư tưởng” trong tác phẩm Vô danh tiêu của Ngọa Long Sinh.

Không muốn tóm lược lại cốt truyện khi viết bài, vì điều đó chỉ thêm rườm rà vô ích đối với người đã đọc sách. Nhưng riêng đối với tác phẩm Ngọa Long Sinh, thì xin độc giả cho phép được “lung khởi” dài dòng đôi chút, vì các tác phẩm của ông ít được phổ biến ở Việt Nam. Phần tóm lược có thêm vài lời nhiếp dẫn, rất mong có thể giúp ích được chút gì đó đối với người chưa từng đọc qua Ngọa Long Sinh.

Nhân vật chính trong bộ Vô danh tiêu là Thượng Quan Kỳ - một thanh niên tuấn tú thông tuệ - sau một biến cố của sư môn, phải lưu lạc giang hồ với thương thế trầm trọng do trúng độc. Y lưu lạc đến một ngôi cổ tự hoang phế và gặp một dị nhân là Tiêu Tiên - người chấp nhận giam mình trong gác vắng gần hai mươi năm trời để luyện võ công thượng thừa thù thắng, muốn đem nội kinh gởi vào tiếng tiêu để sát thương địch nhân ở xa hàng dặm, trong chỗ vô hình tích.

Tiêu Tiên tâm tính hỷ nộ bất thường vì ông có một tâm sự bi thương khôn tả: người nghĩa đệ mà ông yêu thương đã đầu độc ông để cướp cả vợ lẫn con. Do phát hiện căn cơ cốt cách của Thượng Quan Kỳ, ông chấp thuận truyền toàn bộ tuyệt nghệ cho Thượng Quan Kỳ mà không cần danh nghĩa thầy trò, chỉ với một yêu cầu là Thượng Quan Kỳ sẽ giúp ông tầm thù rửa hận, vì hai chân ông đã bị tàn phế do trúng độc, nên dù võ công tuyệt cao, ông không muốn rong ruổi giữa giang hồ.

Vốn bản chất quật cường, Thượng Quan Kỳ vẫn khẳng khái từ chối. Sau đó, Thượng Quan Kỳ gặp nạn và rơi vào một tuyệt cốc. Chính ở nơi đây,

y đã biết được một thảm kịch nhân gian. Người cứu nạn cho y là một con vượn khổng lồ, và là “chồng” của một thiếu phụ đáng thương!

Thiếu phụ ấy, thuở còn là con gái, sống trong một ngôi làng bình dị ở vùng sơn cước với tất cả các ước mơ bình dị của một thôn nữ hiền lành. Một ngày kia tai hoạ bỗng đổ ập xuống làng khi một con báo từ đâu đến gieo hoạ cho gia súc lẫn người. Dân làng hiền lành mộc mạc đang đau khổ vì không có cách đối phó, thì bỗng nhiên xuất hiện một con vượn khổng lồ đánh chết con báo tai ác kia. Dân làng vô cùng mừng rỡ và hân hoan cảm tạ vị cứu tinh bất ngờ đó, đã đỡ xô ra chứng kiến trận đánh kỳ lạ kia. Sở đoạn trường lại chọn mặt người vô duyên: cô gái ra đứng xem đã bị con vượn bắt mang đi. Kết quả cuộc hôn phối đầy oan nghiệt ấy là Viên Hiếu - đứa con trai nửa vượn nửa người.

Dưới sự sắp đặt của người mẹ bất hạnh, Viên Hiếu theo Thượng Quan Kỳ về lại “cõi người ta”, với tâm hồn ngẩn ngơ của một người sơ thủy vừa thoát khỏi cuộc sống vượn người. Sau khi học được võ công kỳ đặc của Tiêu Tiên, hai anh em dần thân vào giang hồ và gặp Liên Tuyết Kiều, trong bối cảnh cô này, dưới vai một cô gái có tang, đang tìm cách chi phối quần hùng.

Cô gái cực kỳ diễm lệ và võ công cao cường đó là con nuôi của một kẻ gian hùng tuyệt đại võ lâm đang nuôi mộng bá chủ giang hồ: Cồn Long Vương. Tài trí, dã tâm và thủ đoạn lẫn võ công của Cồn Long Vương còn cao gấp nhiều lần so với Tả Lãnh Thiền trong Tiểu ngạo giang hồ của Kim Dung. Y hiện thân như là Caesar giữa chốn giang hồ, và chỉ có một người đủ mưu lược và tài trí để chống đối lại y là Đường Toàn - sư đệ của chính y. Đường Toàn chỉ là một thư sinh trời gà không chặt, nhưng bằng trí thông minh kiệt xuất của mình, làm quân sư cho Cùng Gia Bang để đối đầu với vị sư huynh gian hùng đó.

Liên Tuyết Kiều dùng mê dược của Cồn Long Vương để thu phục Thượng Quan Kỳ làm vệ sĩ. Một lòng trung thành với nghĩa huynh, Viên Hiếu cùng đi theo Thượng Quan Kỳ để bảo vệ. Cõi giang hồ đầy biến động dưới mắt y chẳng có gì đáng bận tâm, ngoài người nghĩa huynh và cô nàng Liên Tuyết Kiều diễm lệ.

Viên Hiếu đối với Liên Tuyết Kiều như Du Thản Chi đối với A Tử. Trong tâm hồn yêu đương man dại đó, chân dung Liên Tuyết Kiều hiện ra như Bồ Tát Quan Âm! Còn Liên Tuyết Kiều càng ngày càng khám phá ra một điều: chàng vệ sĩ võ công cao cường, dưới lớp hoá trang bệnh hoạn và đang bị một thân trí vì mê dược, không biết tự bao giờ đã chiếm trọn trái tim nàng.

Về sau, do khiếp sợ trước dã tâm và thủ đoạn của Cỗ Long Vương, Liên Tuyết Kiều gia nhập Cùng Gia Bang để chống lại nghĩa phụ mình. Mê được được giải, Thượng Quang Kỳ khôi phục thần trí và hồi ới, nghiệt oan cũng khởi đầu từ đó, khi chàng thanh niên tuần tú thông tuệ kia tự hỏi lòng mình, và thấy rằng mình đã cùng Liên Tuyết Kiều “hẹn nhau từ muôn kiếp trước”.

Một bên nghĩa đệ, một bên người yêu. Làm thế nào để đôi đường đều trọn vẹn? Ở đây không khởi đầu cho một mối tình tay ba rẽ tiền, mà vấn đề tư tưởng được đẩy lên đỉnh cao chói vót.

Đường Toàn, với thân hoài tuyết học nhưng thể trạng lại bạc nhược, đang muốn tìm người để kế thừa y bát. Chính thời điểm đó, Liên Tuyết Kiều hiện ra trước mắt ông như một môn đồ lý tưởng. Giống như Không Minh tìm được Khương Duy.

Vị quân sư thông minh trác tuyệt đó biết rõ tình cảm của Liên Tuyết Kiều với Thượng Quan Kỳ, nhưng ông cũng đã vô cùng sâu sắc để hiểu rằng một khi gái quốc sắc tìm được trai thiên tài thì mọi sự xem như chấm dứt. Nàng sẽ tự an phận với cuộc sống bình yên của một người vợ hiền, sẽ lo vá may nội trợ để chăm sóc hạnh phúc cho tổ ấm gia đình. Một thằng cu hay con bé ra đời nữa là xem như xong!

Cuộc sống gia đình êm ấm luôn là ước mơ của con người, nhưng oái ăm thay, đối với khách tài hoa, thì nó cũng là nguyên nhân làm lui tàn đi tinh thể.

(Xuân Diệu)

Xuân Diệu đã từng chua xót cho bè bạn hào hoa thuở cũ, khi cay đắng nhận ra rằng cuộc sống êm ả đơn điệu của gia đình đã nhận chìm mất nơi họ bao hoài bão thuở thanh xuân.

(Xuân Diệu)

Và lời kêu gọi đó của Xuân Diệu đã tìm được lời đồng vọng từ Ngọa Long Sinh.

Thôi thì từ đây, bao võ công bao tài trí từng làm khiếp đảm quần hùng, em xin gởi trả hết cho đời. Dầu gì đi nữa em cũng chỉ là phận nữ nhi “nghìn tằm gởi bóng từng quân, nắng mưa che chở cho thân cát đằng”, rong ruổi làm gì nữa, đem tài hoa ra ganh đua xông xáo với đời làm gì nữa, khi Thượng Đế đã ban cho em một đáng lang quân như ý?

Chàng cứ tha hồ tung hoành đi nhé. Em sẽ lo toan mọi chuyện nhà, để mỗi khi quay về là chàng sẽ thấy một tổ ấm dịu êm. Đôi mắt từng áp đảo quần hùng từ nay sẽ mất hết thần quang để chỉ nhìn con nhìn chồng. Đôi tay từng chỉ huy nhiều trận huyết chiến từ đây sẽ tìm bình yên bên mâm cơm cái chén!

Trong khi đó? Cục diện võ lâm đang cần một con người tài trí nhiều cơ biến như Liên Tuyết Kiều. Cái bản lĩnh ấy không thể để mất chìm trong tiếng ru con, và cái thông tuệ ấy không thể vùi mất nơi góc bếp. Nàng phải thay vị quân sư yếu mệnh kia để tiếp tục cứu vãn sát kiếp cho võ lâm.

Và Đường Toàn bố trí để gá duyên nàng cùng Viên Hiếu. Mộng hoài thanh xuân đành đổ vỡ theo hình bóng ngậm ngùi. Thế thì từ nay ta sẽ đem hết tài hoa bạt tụy ra thi thố với đời để phát tiết cho hết mối hận lòng cay đắng. Trí tuệ bị ma chiết sẽ càng thêm sắc bén, khổ luyện đoạn trường sẽ càng làm thêm rõ nét tài hoa.

Ngọa Long Sinh giúp ta thể hội một điểm: để cho hai cái tài hoa tuyệt đại gặp nhau ắt tình thế sẽ tan hoang. Rong gập mây đầu chắc sẽ thi thố được hết tài năng, mà lắm khi sự êm ả lâu ngày sẽ biến nó thành con giun đất!

Con người chỉ khám phá được mình khi phải đương đầu với khổ đau và trở ngại.

Cảnh đoạn trường sẽ đưa con người qua muôn vạn cảnh đời dâu bể để con người triệt ngộ và có điều kiện phát tiết anh hoa. Tám vãi của mộng đời chân chính sẽ không được dệt bằng tơ lụa trường giả của gác tía lầu son, của ngọc đường kim mã, mà phải được dệt bằng nước mắt và cát bụi của trần gian.

Ngọa Long Sinh cũng để Thượng Quan Kỳ và Liên Tuyết Kiều phải chia tay vĩnh viễn. Con người vô tâm Viên Hiếu phải kết duyên cùng Liên Tuyết Kiều để làm sáng tỏ thêm ẩn ngữ của nàng trong “cõi người ta”.

Chương 17: Tiêu Phong

Một chiều cực kì cương mãnh trong Hàng Long thập bát chưởng tung ra, và A Châu - trong lót cải trang Đoàn Chính Thuần - đã ngã gục dưới ánh sấm chớp lòe và cơn mưa đêm tầm tã. Kim Dung đã bố trí cái chết oan uổng của cô tì nữ thông minh A Châu trong một bối cảnh vô cùng thê lương và bi đát.

Tiêu Phong lặng người ôm xác chết người yêu do mình lỡ ra tay ngộ sát. Cùng với cái chết của A Châu, một Tiêu Phong chỉ biết rượu và võ công đã chết, sự thanh thản tâm hồn đã cáo chung và từ đây kẻ anh hùng kiệt xuất của Kim Dung bắt đầu cung bậc của đoạn trường khổ lụy.

Trong tất cả các nhân vật của Kim Dung, có lẽ chỉ có Tiêu Phong là nhân vật gây ấn tượng sâu đậm nhất về thân phận bi tráng của người anh hùng trong mê cung của định mệnh. Số phận của ông thật là nghiệt ngã.

Thoạt tiên ông ngỡ mình là người Hán, và với tư cách là Bang chủ Cái bang, ông đã vì xứ sở Hán mà phục vụ. Vốn bản chất sôi nổi anh hùng, cả đời ông chỉ giao du cùng hảo hán khắp giang hồ. Ông không hề biết đến tình yêu, chưa bao giờ biết rung động trước một khách má hồng nào, dầu người đó có thuộc nòi thiên hương quốc sắc. Ông chỉ đam mê rượu cùng võ công. Và chính cái đó đã dẫn đến thảm kịch của đời ông, một thảm kịch cực kì bi tráng.

Mà cũng đúng thôi. Một trang hán tử vô cùng kiêu dũng, là niềm ước mơ của biết bao nhiêu khách má hồng thế mà ông cứ vô tình đi giữa cõi đời, cứ mãi mãi “Ví dầu trần gian có người quốc sắc, thì ta cũng chỉ dừng chân vuốt mặt rồi đi”(*), cứ hờ hững với tấm lòng say đắm của người ta, ông xem trọng rượu và võ công hơn nhan sắc, trách nào người ta không hờn dỗi.

Từ hờn dỗi biến thành hờn căm. Rồi từ hờn căm đi đến hận thù và tìm cách trả thù cũng không xa. Định Mệnh đã muốn thay mặt cho khách má hồng trả thù anh chàng Narcisse phương Đông. Và người được Định Mệnh chọn ra để làm công việc ấy lại là Mã phu nhân, vợ của Phó Bang chủ Cái bang.

Một phu nhân dung nhan tuyệt đại, luôn tự hào về sắc đẹp của mình, đã khiến biết bao nhiêu khách anh hùng điên đảo thần hồn chỉ bằng một khước mắt thu ba hoặc một nụ cười hàm tiếu. Trong một buổi tiệc lớn của Cái Bang, khi các khách anh hùng dự tiệc đều ngây ngất trước sắc đẹp của Mã phu nhân, thì Tiêu Phong chỉ chào nàng chiếu lệ và say sưa uống rượu với quần hào. Tiêu Phong vô tình như xem phu nhân không có mặt trên đời!

Vì tình yêu vô vọng, và vì tự ái, phu nhân rắp tâm báo thù. Báo thù bởi vì người mà mình thầm yêu lại không quan tâm đến mình như bao người khác. Tìm mọi cách báo thù người mình yêu, khiến cho họ thân bại danh liệt dù

điều đó làm cho trái tim mình thêm tan nát! Tâm lí người đàn bà khi yêu, khi ghen thực cực kì mâu thuẫn và phức tạp.

Có lẽ chỉ có thần thoại Hy Lạp và các bi kịch của Shakespeare, Racine mới sánh kịp ông Kim Dung về lãnh vực này.

Khi tài liệu mật về Tiêu Phong được Mã phu nhân công bố trước quần hào Cái bang, với sự dàn dựng công phu của trưởng lão Cái bang Bạch Thế Kinh, người ta mới sững sờ phát hiện ra thân thế thật của Tiêu Phong.

Ông vốn là người Khất đan. Song thân ông, năm xưa khi đi ăn tiệc nơi Nhạn Môn quan đã bị quần hào Trung nguyên, tưởng lầm là những người có âm mưu xâm nhập Trung nguyên, nên phục kích vây đánh chết. Lúc đó ông mới chỉ là một hài nhi còn ẵm ngửa. Ông được quần hào đưa về chùa Thiếu Lâm nuôi dưỡng và rèn luyện võ công, xem như để chuộc lại phần nào lỗi lầm trong cuộc giết người vô tội. Vốn tư chất thông minh, đôn hậu và có khí độ trầm hùng, nên chỉ sau một thời gian, ông trở thành Bang chủ Cái bang.

Ông hồn nhiên sống như người Hán và xem người Khất đan như kẻ thù. Ông trở thành biểu tượng của hào khí và võ công, khiến tất cả các tay cao thủ của hai phái chính tà đều ngưỡng mộ. Thế mà đốn đau thay, khi thân thế ông bị phát hiện, dù còn đang là nghi án, thì số đông quần hào lại nhanh chóng quay lưng và phủ nhận tất cả những gì tốt đẹp của khách anh hùng.

Người anh hùng của Kim Dung từ nạn nhân của một trái tim hờn ghen uất hận tiếp tục biến thành nạn nhân của một mưu đồ chính trị: đó là âm mưu lật đổ ngôi vị Bang chủ của ông.

Tâm lí con người cổ kim xưa nay đều có một điều quý dị kì lạ, ấy là khi chứng kiến sự sụp đổ của một thần tượng hay một người đang được tôn vinh thì trong thâm tâm họ lại cảm thấy một niềm hoan hỉ và thỏa mãn ngầm ngấm!

Sau đó, Tiêu Phong bị xua đuổi khỏi cả hai phái chính tà.

Trong tâm trạng cực kì hoang mang đau đớn, ông quyết tâm đi tìm cho ra nguồn gốc thân thế của mình. Trên đường điều tra, ông lại tiếp tục bị ngộ nhận là giết cha mẹ nuôi Kiều lão, giết ân sư Huyền Khổ và chịu bao nỗi oan uổng khác. Khi ôm A Châu đến Tụ Hiền trang để cầu Tiết Thần Y chữa bệnh, ông mới biết quần hào đang tụ họp nơi đây để tìm cách đối phó với ông, một người giờ đây bị xem như là một tên cực gian ác, một kẻ thù chung của võ lâm!

Một trong những bi kịch của cuộc đời là nhiều khi vô tình tạo ra ngộ nhận và đẩy con người vào chỗ ngờ vực hận thù. Lắm lúc con người muốn làm việc thiện mà không được và muốn tránh việc ác cũng không xong.

Thôi được, các người trước kia đã từng là bạn hữu của ta, có người còn mang ơn ta nữa, giờ đây Định Mệnh đã bôi mặt ta lem luốc không cho bạn bè võ lâm đồng đạo nhận ra ta nữa, lời ta nói không còn ai nghe ra nữa, đành chính không xong, biện bạch không được thì hào khí ta trỗi dậy trong huyết quản, ta sẽ cùng quần hào các người uống cạn một chén rượu tuyệt tình rồi quyết tâm cùng nhau một phen sống mái để tỏ rõ mặt hùng anh!

Trong tất cả tác phẩm của Kim Dung, trận huyết chiến đơn thân độc đấu giữa Tiêu Phong với quần hùng tại Tụ Hiền trang có lẽ là trang sử bi tráng vào hào hùng nhất trong lịch sử võ lâm.

Trong Ý Thiên Đồ Long kí, khi Trương Vô Kỵ xuất hiện ngẫu nhiên trên Quang Minh đỉnh để một mình đánh bại tất cả quần hùng, cứu Minh giáo khỏi thảm họa bị tận diệt, thì chàng thiếu niên anh hùng đó dựa vào môn Càn Khôn Đại Nã Di siêu tuyệt và tấm lòng đôn hậu để hòa giải tình thế nguy cấp. Lúc đó, Vô Kỵ chỉ là một chàng thiếu niên hoàn toàn xa lạ với cả hai phe, người bị thua lại được chỉ điểm thêm võ công, ai cũng hân hoan cảm tạ. Phe chính giáo do phái Võ Đang đại diện không muốn lợi dụng thời cơ để tận sát phe Minh giáo, họ cùng quần hùng rời Quang Minh đỉnh ra đi trong tâm trạng hân hoan với là cờ sáng ngời chính nghĩa: Công đạo võ lâm vẫn được duy trì.

Nó khác hẳn cuộc huyết chiến của Tiêu Phong nơi Tụ Hiền trang. Đệ huynh đồng đạo không nhìn nhận ra nhau và gây nên thảm cảnh tương tàn. Bị kích nổi tiếp theo bị kích, ngộ nhận chất chồng lên ngộ nhận. Máu càng đổ, hận cừ càng kết chặt, oan khiên càng nặng nề thêm. Cứ điên cuồng cùng nhau đem hết sức lực bình sinh quyết đấu, đem tính mạng phiêu bồng ra chơi trò chơi kì tuyệt của Định Mệnh, cứ tự cuốn trôi nhau vào mối bòng bong rối mù của ân oán thị phi cực kì phi lí để rồi mai đây, khi tỉnh ngộ và dừng tay lại, nhìn ra nhau chân dung của đệ của huynh, thì buổi trùng lai cuối cùng nơi Nhạn Môn quan đã nhuộm quá nhiều sắc màu ngậm ngùi cay đắng!

Rồi cuộc truy tìm thân thế đưa đẩy Tiêu Phong đến chỗ ngộ sát người yêu duy nhất trong đời là A Châu khi hai người đã ước nguyện sẽ từ giã giang hồ, cùng tìm về Nhạn Môn quan để sống cuộc sống thanh bình chốn quê nhà.

A Châu, do ngộ nhận, cứ ngỡ người cha mà mình không dám nhìn nhận - Đoàn Chính Thuần - là chủ mưu trong việc giết cha mẹ Tiêu Phong năm xưa ngoài quan ải. Còn Tiêu Phong cũng không biết người mà mình yêu thương hơn cả tính mệnh, nguồn an ủi duy nhất trong đời, lại chính là con của Đoàn Chính Thuần. Khi hội diện với Đoàn Chính Thuần nơi rừng trúc, Tiêu Phong hỏi về thân thế của một hài nhi là mình thì Đoàn Chính Thuần lại ngỡ là hỏi

về một đứa con rơi ngày trước của ông. Cuộc đối thoại vô tình lại càng tăng thêm ngộ nhận.

Lời lạc điệu, tiếng lạc âm. Mọi mối cảm thông đều bị cắt đứt. Định Mệnh đã giăng một màn lưới oan nghiệt để không ai còn nhận ra nhau! Đối diện nhau mà cứ như lạc trong cõi sương mù. A Châu vì chữ Hiếu đã tự nguyện đem thân mình ra hóa giải mối oan cừu không có thực!

Hiếu Tình đôi đường không trọn thì chỉ còn có cái chết mà thôi. Người con gái thông minh, đáng yêu mang nặng tâm hồn phương Đông đó đã tìm cách điều hòa những mâu thuẫn trong đời bằng một giải pháp bi thương!

Tình yêu chân chính đầu đời luôn mở ra những chân trời vô biên và tuyệt đích khiến cho con người trở nên cao thượng. Và để đạt đến chân trời đó, đôi khi con người sẵn sàng khước từ cả đối tượng thương yêu và hân hoan chấp nhận hi sinh.

Trong dang dở, trong đau khổ, thậm chí trong cái chết, lòng người vẫn tự hào vì đã sống xứng đáng với tình yêu đó. Cái chết oan nghiệt của A Châu đã làm sáng tỏ những điều ngộ nhận nhưng tất cả đã quá muộn màng!

Mọi người lần lượt bỏ đi chỉ còn một mình Tiêu Phong ôm xác A Châu kêu gào giữa cảnh đồng không! Võ công quán thế, hào khí ngất trời. Tất cả những cái đó nào có nghĩa gì trước cái xác lạnh giá của người yêu? Bi kịch ngàn năm của con người vẫn hiện ra đầy trong các kiệt tác kim cổ Đông Tây. Đáng Tội cao vẫn cứ muôn đời lặng thinh trước những tiếng kêu trầm thống tuyệt vọng của con người.

Trong *Le Malentendu* của A. Camus, người cầm đã bỏ đi khi người mẹ ra sông tự vẫn vì do ngộ nhận lỡ giết con trai, bỏ lại một mình Martha đang kêu gào, đối diện với sa mạc nhân gian!

Tiêu Phong không có được diễm phúc như Trương Thúy Sơn là được cùng chết với Hân Tố Tố để nối kết những gì còn dang dở trong cuộc sống (Ỗ Thiên Đồ Long ký), mà chàng buộc phải sống để truy tìm thân thể trong khi chỉ muốn được chết để tạ tội với A Châu!

Cuối cùng, Tiêu Phong phát hiện ra phụ thân là Tiêu Viễn Sơn vẫn còn sống. Ông cũng chính là ân nhân đã cứu thoát Tiêu Phong ra khỏi Tụ Hiền trang trong cơn nguy khốn. Và đau đớn thay chính Tiêu Viễn Sơn đã tự tay đẩy con mình vào những cảnh ngộ oan uổng trớ trêu. Ông đã tự tay giết chết những nạn nhân rồi đổ họa cho con trai! Hai cha con nhận diện ra nhau ở giai đoạn cay đắng dị thường trong *Mê Cung Định Mệnh*.

Cùng với bi kịch thầy trò Thành Khôn - Tạ Tốn (Ỗ Thiên Đồ Long ký), Kim Dung đã dày công bài thiết thêm bi kịch cha con Tiêu Viễn Sơn - Tiêu

Phong như một ngẫu hứng để song đôi về những oan nghiệt tồn sinh. Cuộc gặp gỡ hai phái chính tà trên đỉnh Thiếu Lâm tưởng chừng rơi vào chỗ bất khả văn hồi thì nhà sư quét rác vô danh trong Tàng Kinh các xuất hiện, dùng võ công siêu tuyệt và Phật pháp vô biên để hóa giải mọi oan cừu giữa Tiêu Viễn Sơn và Mộ Dung Bác, đồng thời khai ngộ cho hai nhân vật kiêu hùng đó khiến họ tỉnh ngộ và qui y cửa Phật.

Một lần nữa Kim Dung lại nhờ đến Phật pháp để hóa giải oan cừu. Cõi đạo mênh mông Đông phương luôn có chỗ để con người hồi tâm quay về tìm cách hóa giải mọi ân oán thị phi khi chúng bị đẩy đến chỗ tột cùng và mọi biện pháp giải quyết tưởng chừng như bế tắc: Sơn cùng thủy phục nghi vô lộ. Liễu ám hoa minh hựu nhất thôn (Đến chỗ sơn cùng thủy tận cứ ngỡ như không còn lối nữa, thì lại thấy thấp thoáng có một thôn xóm trong những rừng liễu mờ và những cành hoa sáng - Lục Du).

Trong khi xưa nay quần hùng đều lên án và nguyên rủa Tiêu Phong thì nhà sư vô danh dị thường đó lại hết lời ca tụng!

Sách Kim Dung thường âm thầm mở ra những khoảng vắng lặng để ta có dịp suy ngẫm thêm về Đức Lí Uyên Nguyên.

Tiêu Viễn Sơn đã xuất gia, nhưng Tiêu Phong lại phải âm thầm sống để chăm lo cho A Tử theo lời trăng trối của A Châu, dù từ sau cái chết của người yêu, tâm hồn ông bắt đầu đối diện với sự trống vắng hải hùng.

Tiếng sáo chẵn dê mơ hồ trên đồng cỏ Nhạn Môn quan vẫn vọng về như một sự đọa đày của kỉ niệm. Kim Dung lại càng đẩy cái đoạn trường của tình yêu lên cao độ khi để cho nhân vật A Tử yêu người anh rể Tiêu Phong, bên cạnh đó lại bài thiết thêm mối thâm kịch của Du Thản Chi trong mối tình si đại cuồng điên đối với A Tử!

Suốt quãng đời còn lại, mỗi lần khuyên giải A Tử, Tiêu Phong rất ít khi nhắc đến A Châu, nhưng mỗi khi đọc, ta vẫn hình dung được tâm hồn ông và cảm thấy ngậm ngùi khôn tả.

Ở đoạn cuối tác phẩm, để cứu quần hùng bị kẹt tại Nhạn Môn quan và buộc vua Liêu lui binh không được xâm lược Trung Nguyên, Tiêu Phong đã dùng võ lực áp chế nhà vua bẻ tên thề trước ba quân, rồi ông dùng tên đâm vào ngực tự vẫn để giữ trọn chữ trung, thì ta hiểu đó chỉ là cái cớ.

Tiêu Phong đã chết thực sự từ sau cái chết của A Châu! A Tử móc mắt ném trả lại cho Du Thản Chi rồi ôm xác Tiêu Phong rơi vào vực thẳm để Du Thản Chi mù lòa kêu gào tên người yêu giữa cảnh trời chiều quan ải. Trong tất cả các tác phẩm Kim Dung có lẽ Thiên long bát bộ là bộ sách hay nhất và có lẽ chỉ có Thiên long bát bộ mới có cái chung cục đau thương nhường kia.

Và dường như định mệnh luôn luôn đem bi kịch vây quanh cuộc sống của những kẻ anh hùng?

Tôi đã có đôi lần viết về Tiêu Phong, viết trực tiếp về ông, hoặc gián tiếp qua nhân vật A Châu. Nhưng vẫn thấy chưa nói được gì. Bi kịch thân phận của Tiêu Phong quá lớn, nên cuộc đời ông, giống như các nhân vật trong bi kịch Hy Lạp cổ đại, là một suối nguồn hầu như vô tận, một inexhaustible source để người cầm bút đặt lại nhiều vấn đề từ cơ sở.

Từ vấn đề thân phận con người, vấn đề thị phi thiện ác, vấn đề nghiệt oan của Định Mệnh cho đến vấn đề dân tộc. Không một tác phẩm võ hiệp nào, và hiếm có một tác phẩm văn học nào lại đặt lại vấn đề dân tộc một cách cay đắng và bi tráng như Thiên Long Bát Bộ qua nhân vật Tiêu Phong.

Có lẽ chưa bao giờ, lịch sử nhân loại lại phải trải qua những cuộc xung đột sắc tộc mãnh liệt trên phạm vi toàn cầu như hiện nay. Không biết tự bao giờ, những định kiến sắc tộc cứ mãi cháy âm ỉ trong lòng người, và chỉ cần có dịp là nó lập tức bùng lên thành một biển lửa ngập tràn bạo lực. Ngày lại ngày, nhiều nơi trên thế giới lại cứ tiếp tục bị nhận chìm trong máu lửa hận thù; những người anh em này ngã xuống và những người anh em khác lại cứ tiếp tục đứng lên reo mừng chiến thắng. Định kiến sắc tộc, với lưỡi hái của Thần Chết, giờ đây đang bước vào giai đoạn hoàng kim.

Tấn bi kịch trong Thiên Long Bát Bộ có thể xem như bi kịch dân tộc, qua nhân vật kiêu dũng là Tiêu Phong. Tác phẩm mở đầu bằng cái chết bi thảm của người mẹ, và khép lại bằng cái chết bi tráng của người con. Hai cái chết đều diễn ra tại Nhạn môn quan, cách nhau đến mấy mươi năm và đều do ngộ nhận nảy sinh từ định kiến dân tộc. Như nhân vật người câm trong *Le Malentendu* của Albert Camus, Nhạn môn quan là một chứng nhân lịch sử cho toàn tác phẩm. Chỉ chứng kiến và im lặng. Để rồi mai sau, sự im lặng đó sẽ dội mãi vào tâm khảm người đọc tiếng gọi khẩn thiết của vấn đề dân tộc.

Mộ Dung Bác vì hoài bão muốn khôi phục lại nước Đại Yên của tổ tiên, nên đã dựng nên tâm thảm kịch tại Nhạn môn quan, nhằm khuấy động can qua giữa hai nước Tống-Liêu để thừa cơ thủ lợi. Quân hùng Trung Nguyên, vì lòng ái quốc mù quáng, đã rơi vào vòng thao túng của Mộ Dung Bác.

Họ tổ chức chặn đánh chiếc xe chở vợ chồng người Khiết Đan là Tiêu Viễn Sơn cùng đưa con ngay tại vùng biên giới Nhạn môn quan. Người mẹ hiền lành bị giết chết một cách oan uổng, người cha-sau những phút giây chiến đấu kiêu hùng và tuyệt vọng-đã ôm con rơi xuống vực thẳm. Trước khi rơi xuống vực thẳm, người cha đã kịp thời ném đứa con trai còn ẵm ngửa lên nằm giữa vùng đất đầy xác chết ngổn ngang, như một lời thách thức với

lượng tri.

Khi quần hùng Trung Nguyên hiểu ra vấn đề thì tất cả đã quá muộn màng. “Here’s the smell of the blood still; all the perfumes of Arabia will not sweeten this little hand”(Shakespeare, Macbeth, Act 5, Scene 1) (Hãy còn đây mùi của máu, và tất cả hương hoa vùng Ả Rập cũng không rửa sạch nổi bàn tay nhỏ bé). Bàn tay quần hùng dầu không nhỏ bé, nhưng đã lỡ nhuốm máu người vô tội thì khó lòng rửa sạch. Mọi việc đã lỡ làng, không làm sao cứu vãn được nữa.

Quần hùng Trung Nguyên, để tránh nổi ray rức chắc chắn sẽ ám ảnh suốt đời, nên đem đứa bé trai đó về giao cho một đôi vợ chồng tiểu phu nghèo không con dưới chân núi Thiếu Thất. Giả như đứa con trai kia là đứa bé tầm thường thì mọi việc sẽ trôi êm xuôi theo cuộc sống bình yên, và huyết án năm nào tại Nhạn Môn quan sẽ bị vùi trong quên lãng.

Nhưng người cha đã vốn thuộc nòi long tượng nên người con cũng khí át mây xanh. Và mọi bi kịch đều khởi đầu từ đó. Đứa con tài tuấn kia, bằng phong độ anh hùng và chiến công hiển hách, đã nghiễm nhiên trở thành bang chủ của Cái Bang là Tiêu Phong. Ông nghĩ rằng mình là người Hán, nên đã bao phen không ngại xả thân vì người Hán mà chiến đấu với người Khiết Đan.

Bi kịch dân tộc của ông chỉ bắt đầu từ sự ghen tuông của người đàn bà xinh đẹp là Khang Mẫn, phu nhân của Mã phó bang chủ. Khi quần hùng đã biết ông là người Khiết Đan thì tự nhiên một bức tường ngăn cách lập tức được dựng lên giữa ông và họ.

Họ quên ngay một bang chủ Tiêu Phong người Hán kiêu hùng và hào hiệp ngày nào, và thay vào đó là hình ảnh đáng căm hận của một tên “Liêu cầu” thuộc dân tộc đối nghịch. Định kiến dân tộc quả có một tác dụng mãnh liệt, dễ dàng đẩy con người vào thế đối đầu một mất một còn. Sự xung đột về chính tà trong các tác phẩm khác đã được đẩy lên một bình diện cao hơn trong Thiên Long Bát Bộ, đó là sự xung đột về quan điểm dân tộc.

Trên bình diện chính tà, thì Phe chính giáo xem phe Ma giáo là tà ma ngoại đạo, còn phe Ma giáo lại chẳng thèm coi phe Chính giáo vào đâu. Trên bình diện dân tộc, thì người dân nước này cứ luôn lấy quốc gia mình làm “hệ quy chiếu” để nguyên rửa dân nước bên kia, xem đó như là loài mọi rợ. Người Tống gọi người Liêu là “Liêu cầu” (bọn chó Liêu). Người Liêu lại gọi người Tống là “Tống tru” (loài lợn Tống). Chẳng bên nào chịu kém bên nào.

Ngày còn ở Trung Nguyên, khi chứng kiến cảnh quân lính Khiết Đan tàn sát dân Tống ở vùng biên giới, ông đã thẳng tay chém giết bọn lính Khiết

Đan mà ông xem như thuộc về một dân tộc man rợ. Nhưng trong những tháng ngày sống nơi vùng biên giới cùng A Tử, cũng như khi làm Nam viện đại vương, ông có nhiều phen chứng kiến cảnh giết chóc lẫn nhau giữa hai dân tộc nơi biên giới.

Quân lính Khiết Đan dưới quyền ông cũng tàn ác và dã man đối với người dân đất Tống không kém bọn lính Tống đối với người dân nước Liêu. Tại biên giới, hai bên giết hại lẫn nhau như giết loài chó lợn, và cũng luôn nhân danh con người để lên án lẫn nhau. Chân lý nằm ở đâu, khi mà định kiến về quốc gia vẫn đè nặng lên con người muôn thuở?

Ông chợt nhận ra cái nhỏ nhoi vô lý trong định kiến khắt khe về dân tộc. Mặc dù là con dân nước Liêu nhưng quê hương thật sự của Tiêu Phong lại là Trung Nguyên. Nơi đó đã chứng kiến bao thăng trầm vinh nhục của đời ông, nơi đó ông đã trải qua bao vui buồn cùng hào sĩ khắp giang hồ. Do đó, ông thực sự chán nản khi vua Liêu muốn ông cầm đầu cuộc chinh phạt Trung Nguyên. Để làm gì cho cuồng vọng dân tộc, khi mà cái giá phải trả là cái chết của muôn vạn sinh linh?

Nhưng phận làm bề tôi sao có thể trái lệnh vua? Ông dự định dẫn A Tử trốn về Trung Nguyên, nhưng A Tử, do mù quáng vì tình yêu, đã cho ông uống một loại “thuốc yêu”, mà theo hoàng hậu nước Liêu sẽ khiến người uống nó thương yêu mình mãi mãi! Loại “thuốc yêu” đó đã khiến ông mất hết nội lực, và bị bắt khi dẫn A Tử chạy trốn lúc nửa đêm.

Ngày xưa, người chị là A Châu dịu hiền đã vì chữ hiếu mà làm tan nát cả trái tim ông, thì lần này người em tai quái là A Tử lại vì chữ yêu mù quáng mà khiến ông bị bắt. Ông bị cầm tù, và quần hùng Trung Nguyên đã tổ chức vượt qua Nhạn môn quan để vào đất Liêu cứu ông. Khi cùng quần hùng chạy trốn đến Nhạn môn quan thì cửa ải lại khép kín, trong khi truy binh của vua Liêu đuổi gấp phía sau, ông cùng quần hùng bị kẹt ngay tại làn giới tuyến giữa hai quốc gia thù địch.

Bên kia Nhạn Môn quan là đất nước của một dân tộc đã từng xem như ông như kẻ thù, nhưng lại là nơi ông đã trải qua bao vui buồn từ thời thơ ấu. Bên này Nhạn Môn quan là đất nước quê hương, nhưng dân tộc đó đã xem ông như một tên phản bội. Trời đất mệnh mông nhưng không có nơi nào chứa đựng nỗi bi kịch quá lớn của con người!

Chết tại Liêu ư? Hồn khách anh hùng sẽ lấy gì để đáp tạ tình huynh nghĩa đệ của hào sĩ Trung Nguyên? Chết ở Tống ư? Người con dân nước Liêu đó ắt sẽ biến thành hồn ma suốt đời ngóng vọng về cố quốc. Nếu trong cõi tư tưởng, con người có thể tiêu dao giữa hai cõi thị phi thiện ác, thì trong

“cõi người ta”, con người buộc phải chọn lựa. Nhưng phải chọn lựa ra sao, khi mà mọi ngã đường đều dẫn vào tuyệt lộ? Cho nên Kim Dung phải để Tiêu Phong chết nơi biên giới, nắm mộ ông không ở Liêu cũng chẳng ở Tống mà là vực thẳm nơi Nhạn Môn quan. Đó có lẽ là lối thoát tất yếu và cuối cùng cho vấn nạn về dân tộc.

Bi kịch tuổi thơ của Tiêu Phong đã bắt đầu tại Nhạn Môn quan. Và ông chấm dứt bi kịch đời mình bằng mũi tên tự đâm vào ngực, cũng tại Nhạn Môn quan. Nhạn Môn quan ngàn đời sừng sững giữa hai nước Tống - Liêu như định kiến không thể phá bỏ nổi về quốc gia và biên giới trong tâm trí con người.

Nhưng Nhạn môn quan kia dẫu cao sừng sững, cao đến mức làm nản lòng cả những đàn hồng nhạn thiên di, con người vẫn có thể vượt qua được, song đến ngày nào chúng ta mới có thể thực sự vượt qua được những “Nhạn Môn quan” trong tâm tưởng?

Kinh Thánh chép rằng thời xa xưa, con cháu của Noah kiêu ngạo muốn lên đến cả trời nên mới xây tháp Babel tại bình nguyên Shinar ở Babylonia (Holy Bible, Genesis 11:1-9). Đức Chúa Trời thấy vậy bèn khiến cho họ nói đủ thứ tiếng để họ không còn hiểu lẫn nhau, và công trình đành bỏ dở. Từ đó, con người phải chia xa nhau để sống rải rác khắp nơi trên thế giới.

Nếu quả vậy, thì có lẽ dân tộc cũng hình thành từ đó, và sự xung đột dân tộc cũng bắt đầu từ đó cho mãi đến ngày nay. Đó phải chăng cũng là sự trừng phạt của Thượng Đế cho sự kiêu ngạo ngu xuẩn của con người?

Chương 18: Mạc Đại Tiên Sinh - Cánh Độc Hạc U Hoài

Cục diện đương trường đang hồi căng thẳng tột độ, khi đại cao thủ của phái Tung Sơn là Đại tung dương thủ Phí Bân chuẩn bị mở sát giới, thì bất ngờ tiếng hồ cầm vang lên, và một bóng người gầy gò xuất hiện dưới tàng cây. Tiếng hồ cầm đột nhiên dứt bật, lưỡi kiếm mảnh đã tung ra như con bạch xà lấp loáng dưới ánh trăng thượng huyền.

Và Phí Bân ngã gục dưới các kiếm chiêu thần tốc. Kiếm quang vụt tắt, tiếng hồ cầm ai oán lại trở lên, ảo não và mơ hồ theo từng bước chân xa dần của Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh. Một thảm họa được vãn hồi. Tấn kịch xảy ra chớp nhoáng và lặng lẽ trong đêm vắng. Vị kiếm khách bất ngờ đến rồi bất ngờ đi. Âm thầm và cô đơn. Như chính tâm sự u hoài của vị chương môn kì lạ ấy.

Trong suốt tác phẩm Tiểu ngạo giang hồ, Kim Dung chỉ phác họa một vài nét chấm phá đan thanh về Mạc Đại tiên sinh nhưng đã để lại ấn tượng lạ thường về vị chương môn phái Hành Sơn, làm người đọc bồi hồi khôn xiết. Ngày sư đệ ông là Lưu Chính Phong rửa tay gác kiếm, một sự kiện lớn làm xôn xao cả giang hồ, người ta chờ mong ông về nhưng ông vẫn biệt tích. Trong cảnh náo nhiệt của thành Hành Sơn ngày đó, nhiều người đang háo hức muốn hội kiến ông, thì có ai ngờ nổi ông lão gầy ốm quê mùa, ôm cây hồ cầm ngồi hát trong quán trà, thản nhiên nhận những đồng xu bố thí như một ông lão ăn mày, lại là vị chương môn mà người ta đang ngóng đợi!

Người ta chỉ kịp nhận ra ông lúc ông đã đi khuất, sau khi tung một đường gươm tinh ảo chém đứt bảy miệng chén trà, để cảnh báo các khách giang hồ ba hoa hiếu sự. Như một kẻ “đại ẩn” giữa đời, con người cô độc kia lại lặng lẽ ra đi, nhưng đã để lại sau mình dư hưởng của tám chữ làm kinh động võ lâm “Cầm trung tàng kiếm, kiếm phát cầm thanh” (Trong đàn có dấu kiếm, kiếm phát ra như tiếng đàn).

Khi tấn thảm kịch xảy ra trong Lưu phủ, toàn gia Lưu Chính Phong bị giết sạch, khiến bao tay hảo thủ giang hồ phải chấn động tâm thần, vẫn không thấy ông xuất đầu lộ diện. Rồi bất ngờ, ông lại hiện ra như hồn ma giữa đêm khuya, giết chết Phí Bân để cứu sống năm mạng người: Lệnh Hồ Xung, Khúc Phi Yên, Nghi Lâm, và cả hai đại cao thủ chính tà Lưu Chính Phong và Khúc Dương trưởng lão.

Rồi ông lại tuyệt tích giang hồ. Cứ phiêu nhiên mà đến rồi phiêu nhiên mà đi. Như một cánh hạc cô đơn, Mạc Đại tiên sinh mãi ruổi rong giữa cõi phong trần với cây hồ cầm vàng ó và một tâm sự ngậm ngùi khó hiểu.

Là chương môn một môn phái lớn mà cứ làm một người phiêu đảng lênh

đênh. Không gia đình, không thân hữu. Sống giữa cõi đời, mà tâm sự cứ như mây bay, hạc lánh. Người ta cho rằng ông và sư đệ là Lưu Chính Phong không hợp tính tình nhau, dù cả hai đều là những nghệ sĩ thượng thừa. Điều đó dẫu có đáng tiếc chẳng nữa, thì cũng là chuyện thường tình. Ở trên đời có biết bao nhiêu tâm hồn hoằng đại vẫn ngộ nhận nhau suốt cả bình sinh?

Giữa bao nhiêu sóng gió giang hồ, bỗng nhiên Mạc Đại tiên sinh lại xuất hiện, vẫn dưới lớp một ông lão quê mùa ngồi độc ẩm trong một quán rượu vô danh trên bờ sông Hoàng Hà, để nhắc nhủ Lệnh Hồ Xung nên làm mình chủ và dẫn quần hùng hắc đạo lên Thiếu Lâm tự cứu Nhậm Doanh Doanh. Trong khi một bậc cao nhân thế ngoại là Xung Hư đạo trưởng tìm cách ngăn cản không cho Lệnh Hồ Xung làm việc đó, thì thái độ và hành động của Mạc Đại tiên sinh tỏ ra ông có cái tâm nhân bản hơn rất nhiều.

Mặc dù Xung Hư đã biết rõ chuyện Doanh Doanh, vì tình yêu nên phải xả thân, hi sinh cứu Lệnh Hồ Xung, để chấp nhận cái giá phải trả là chung thân chịu giam cầm trong thạch thất, nhưng dưới mắt vị chương môn phái Võ Đang kia, Nhậm Doanh Doanh cũng vẫn chỉ là một “nữ ma đầu”.

Ông còn khuyên Lệnh Hồ Xung nên quên Nhậm Doanh Doanh đi, để tìm một nơi “danh môn chính phái”, cho xứng đáng với tài năng và phẩm hạnh. Làm như “danh môn chính phái” là cái gì đó ghê gớm lắm trên cõi đời này! Vị đệ nhất kiếm thủ đương thời đó, kiếm pháp đã cực cao ắt phải có được cái tâm cực tĩnh và đạo hạnh cực thâm, thế sao ông vẫn còn nặng định kiến về chính tà đến vậy!

Sự hi sinh của Doanh Doanh vì tình yêu đâu phải là điều dễ tìm thấy trên cõi đời này? Từ thân phận một “Thánh Cô” cực kì cao ngạo, thanh uy trùm cả võ lâm với hàng trăm ngàn người cầu cạnh, thế mà cô lại chấp nhận hi sinh vì Lệnh Hồ Xung. Điều đáng cảm động nhất là sự hi sinh đó lại diễn ra ngay tại thời điểm mà gã tửu đồ lẳng tử kia đã thân bại danh liệt, như một thây ma vất vưởng giữa cõi giang hồ.

“Sĩ vị tri kỉ giả tử”, kẻ sĩ chịu đem cái chết để đáp đền tấm lòng tri kỉ, là chuyện rất nhân bản ở đời thường. Kinh Kha vì Thái tử Đan mà vượt sông Dịch sang Tần. Dư Nhượng vì cảm tấm lòng đãi ngộ “quốc sĩ” mà chịu hủy hoại thân thể để báo thù cho Trí Bá. Khổng Minh nguyện “óc gan lầy đất” để đáp đền ơn tri ngộ của Lưu Tiên chúa. Bá Nha ngậm ngùi đập vỡ cây đàn trên nấm mộ Tử Kỳ. Giữa kẻ sĩ và tri kỉ còn vậy, huống hồ đây lại là một tri kỉ hồng nhan?

Antony đã vì Cléopâtre mà chấp nhận hi sinh cả cơ đồ, để về chết dưới một nụ môi hôn. Từ Hải đã vì Thúy Kiều mà hân hoan làm “người tử sinh”,

để sự nghiệp năm năm hùng cứ bị vùi chôn nơi thiên thổ. Cho nên Kim Dung có để Lệnh Hồ Xung khước từ tất cả, sẵn sàng chấp nhận cả cái chết, để quyết tâm cứu cho được Doanh Doanh, thì đó cũng chỉ là một cách tiếp theo cung bậc đa tình của bao thiên tài kim cổ.

Chôn suối vàng, Shakespeare ắt hẳn sẽ cùng Nguyễn Du nắm tay nhau mà nhắc chuyện Kim Dung!

Người xưa cho rằng chỉ có bậc thánh nhân mới quên được tình, và chỉ có người ngu mới không biết đến tình. Thánh nhân thì vong tình, ngu phu thì vô tình. Bọn chúng ta, với trái tim huyết nhục, ắt hẳn không thể đạt nổi đến cảnh giới vong tình, nhưng cũng không thể là những kẻ ngu xuẩn vô tình. Nên suốt đời cứ cưu mang mãi một chữ tình để đắm chìm giữa cõi trăm năm.

Câu nói của Trương Trào, một thi sĩ Trung Quốc, cách đây ba thế kỉ mà nghe ra vẫn còn vô cùng thấm thiết “Một chữ tình để duy trì thế giới, một chữ tài để tô điểm càn khôn”. Ôi! cái tình là cái lụy, nhưng thử hỏi không có cái lụy ấy thì cõi đời sẽ buồn tẻ và đơn điệu biết bao nhiêu? Vị đạo trưởng khả kính được tôn xưng là Thái Sơn Bắc Đẩu của võ lâm đó, có lẽ do chỉ sống mãi với cõi đạo thanh tịnh vô vi, nên không cảm thông được sự nhiệm màu của chữ “Tình”. Hai chữ “vong tình” và “vô tình” sao mà gần nhau đến thế!

Khác hẳn Xung Hư đạo trưởng, Mạc Đại tiên sinh lại nhìn Doanh Doanh bằng đôi mắt đầy tính nhân văn của một kẻ hữu tình. Trong khi tất cả các nhân vật thuộc phe “chính giáo” xem chuyện giam cầm Doanh Doanh là một việc bình thường, thậm chí là đúng đạo lý và thích đáng với các việc làm của cô, thì chỉ có mỗi một Mạc Đại tiên sinh quan tâm và thôi thúc Lệnh Hồ Xung lên đường giải cứu Doanh Doanh.

Khi Lệnh Hồ Xung thỉnh cầu ông đảm nhận trọng trách, thay thế gã bảo vệ cho các ni cô phái Hằng Sơn, để gã an tâm lên đường, thì Mạc Đại tiên sinh chỉ đáp ứng bằng sự yên lặng và những tiếng hồ cầm ai oán.

Từ trạng thái hân hoan khi cùng Lệnh Hồ Xung đôi ẩm, xem gã tiểu diệt kia như một người bạn vong niên, bỗng nhiên ông lại rơi vào trạng thái cô đơn cố hữu. Dường như trong đời, vị kiếm khách cô độc đó chỉ một lần hân hoan khi thấy Lệnh Hồ Xung, sau khi nghe ông kể rõ câu chuyện về Nhậm Doanh Doanh, đã nôn nóng lên đường đến Thiếu Lâm tự. Điều đó khiến người đọc cảm động xiết bao.

Dưới đôi mắt lạnh lùng cô độc của Mạc Đại tiên sinh, chân dung cô “nữ ma đầu” Nhậm Doanh Doanh đã hiện ra như một nữ thánh chịu khổ nạn đóng đinh trên cây thập giá của Tình yêu! Làm người, phải có cái tâm lớn mới cảm hết được cái tình sâu. Trong tất cả các bậc tôn trưởng phe chính giáo, có lẽ

chỉ Mạc Đại tiên sinh mới có được cái tâm lớn để thấu hiểu được cái tình sâu của Nhậm Doanh Doanh.

Kim Dung đã sáng tạo nên một nhân vật kì lạ, cô độc khắc khổ là Mạc Đại tiên sinh. Và Kim Dung cũng không cho độc giả hiểu vì lý do nào mà ông mang tâm sự bi thương ấy. Thế nhưng chỉ qua một đoạn ngắn hội kiến cùng Lệnh Hồ Xung trên quán rượu ven sông, tấm lòng quan hoài của ông đối với một “nữ ma đầu” phe đối địch, lại không có liên hệ gì đến ông, đã khiến chúng ta cảm mến ông bao xiết!

Dưới lớp vỏ cô độc khắc khổ đó lại là trái tim nặng trĩu tình người của một kiếm khách tài hoa. Có lẽ trong đời, ông đã có một tâm sự u sầu tột bậc. Vì tình yêu? Vì thân phận? Vì những mộng hoài dang dở buổi thanh xuân? Ta không rõ nhưng vẫn có thể cảm thông. Vì ở trong đời, có biết bao nhiêu kẻ mang tâm sự u oán hận sâu mà không biết tỏ cùng ai, và cũng không thể tỏ cùng ai.

Khách giang hồ như Mạc Đại tiên sinh thì làm gì có một Thượng Đế để cầu nguyện, nên suốt đời phải gởi tâm sự vào chén rượu và cung bậc hồ cầm ảo não thê lương. Cho dầu khi, do gian mưu của Nhạc Bất Quân, ông cùng quần hào ngã gục giữa đám loạn kiếm trong thạch động sau núi Hoa Sơn, thì có lẽ tâm sự u hoài của Mạc Đại tiên sinh vẫn sẽ còn mãi mãi bay theo cánh hạc cô đơn giữa cõi giang hồ, cùng tiếng hồ cầm trong cung đàn Tiêu Tương dạ vũ.

Các tác giả có đỉnh cao của trí tuệ và chiều sâu của tâm hồn, thường dành ra những “khoảng không vắng lặng” lửng lơ trong tác phẩm mình, không lý giải, mà cứ để độc giả tự suy tư. Đó là Nguyễn Du với bi tâm của Từ Hải, là Kim Dung với tâm sự của Mạc Đại tiên sinh. Chính các “khoảng không vắng lặng” đó lại nói cho chúng ta rất nhiều về tâm tình của nhân gian và ý nghĩa đời!

Chương 19: Nhậm Doanh Doanh

Ngôi vị đệ tứ đại mỹ nhân xin dành cho Nhậm Doanh Doanh, cô gái 17 tuổi đẹp như ngọc, con gái của giáo chủ Triều Dương thần giáo Nhậm Ngã Hành, một thứ tà ma ngoại đạo trong Tiểu ngạo giang hồ.

Có lẽ Kim Dung đã đem hết tâm lực của mình ra để xây dựng nhân vật Nhậm Doanh Doanh: một nhân vật nữ tươi đẹp trong sáng, giỏi âm nhạc, võ công cao cường, mưu trí sâu sắc, cai trị bọn bång môn tả đạo bằng trái tim thép nhưng rất mẫn cảm với tình yêu và sống với tình yêu bằng trái tim dịu dàng vô kể.

Cô gặp Lệnh Hồ Xung trong khi chàng trai lãng mạn này mất hết công lực, bị sư phụ và các đồng môn đập xuống hố sâu của sự nghi ngờ khinh bỉ. Trong ngõ Lục Trúc thành Lạc Dương, cô tiếp Lệnh Hồ Xung qua tấm rèm không cho chàng thấy mặt; nhận tặng vật của chàng trai là bộ nhạc phổ Tiểu ngạo giang hồ và lắng nghe chàng trai kể lại nỗi đau tình khi bị Nhạc Linh San phụ bạc đi theo “gã mặt trắng” Lâm Bình Chi. Vì không thấy mặt cô nên Lệnh Hồ Xung cứ gọi cô là “bà bà”.

Doanh Doanh có một nhận định khá lạ lùng về tình yêu: hễ ai không chung tình với quá khứ thì sẽ không chung tình với hiện tại và tương lai. Cho nên, cô gái 17 tuổi này đã rời bỏ ngõ Lục Trúc, ra đi để bảo vệ Lệnh Hồ Xung, đàn khúc Thanh tâm phổ thiện trú để xoa dịu những vết thương về thể xác và tâm hồn của chàng trai mà cô mới gặp đã cảm thấy yêu mến.

Giữa vùng hoang sơn dã lĩnh, cô bắt ếch nướng cho Lệnh Hồ Xung ăn. Cho đến khi Lệnh Hồ Xung kiệt sức, cô đành cõng chàng lên chùa Thiếu Lâm nhờ Phương Chứng đại sư chữa trị và tự đem thân mình cho phái Thiếu Lâm cầm tù để đổi lấy sinh mạng của Lệnh Hồ Xung.

Khi lành bệnh, hiểu ra được lòng thương yêu và đức hy sinh vô hạn của Doanh Doanh, Lệnh Hồ Xung đã thông lĩnh hết bọn hào sĩ bång môn tả đạo, trống rong cờ mở, lên chùa Thiếu Lâm đòi thả Doanh Doanh ra. Chính hành động vô pháp vô thiên ấy của Lệnh Hồ Xung khiến Doanh Doanh cảm thấy được an ủi rất nhiều và thấy được sự hy sinh của mình là không uổng phí.

Họ yêu nhau nhưng trong lòng Nhậm Doanh Doanh biết chàng trai chưa phai mờ hình ảnh của Nhạc Linh San. Cô không hề ghen tức, ngược lại đối xử với Nhạc Linh San như người bạn tốt. Chính cô đã cứu Nhạc Linh San, chính cô đã động viên Lệnh Hồ Xung nghe tâm trạng sư muội trước khi chết. Trong con người Doanh Doanh nhỏ bé có trái tim nhân hậu vĩ đại của một phụ nữ công bằng.

Nhậm Doanh Doanh thật thông minh, bén nhạy. Nghe Lệnh Hồ Xung kể

chuyện, cô biết ngay là chàng không phải là thủ phạm giết bạn đồng môn của mình, biết ngay là chàng bị sư phụ lừa dối. Chính cô đã khám phá ra chiêu số võ công của Nhạc Bất Quần giống như chiêu số võ công của gã lại cái Đông Phương Bất Bại; từ đó phán đoán ra Tịch Tà kiếm phổ còn có nghĩa là Quỷ hoa bảo điển, và biết Nhạc Bất Quần đã “Dẫn đao tự cung” (tự thiên bộ phận sinh dục).

Cũng chính cô chứ không ai khác đã nhắc bảo cho Lệnh Hồ Xung biết rằng Nhạc Bất Quần là một gã nguy quân tử. Và cũng chỉ có cô mới kiềm chế nổi Nhạc Bất Quần, bảo vệ mạng sống cho mình và tình lang: bóp mũi Nhạc Bất Quần cho lão uống Tam thi não thần đan, một loại độc dược mà ngoài cô ra, không ai ở trên đời có thuốc giải được.

Kết thúc Tiểu ngạo giang hồ, Kim Dung để cho Doanh Doanh nhường ngôi giáo chủ lại cho Hướng Vấn Thiên, làm đám cưới với Lệnh Hồ Xung và hai vợ chồng song tấu khúc Tiểu ngạo giang hồ. Họ đã hoàn thành tâm nguyện mà Lưu Chính Phong và Khúc Dương ngày xưa chưa làm được: hắc đạo và bạch đạo vẫn có thể sống với nhau trong một không khí hoà bình hạnh phúc thật sự, xoá đi biên giới của hận thù và nghi kỵ.

Tiểu ngạo giang hồ chính là khát vọng của tác giả Kim Dung đối với đất nước và đông bào Trung Hoa của ông. Và Doanh Doanh chính là biểu tượng của cái đẹp Trung Hoa, một cái đẹp đi vào phạm trù tinh thần chứ không còn ở phạm trù vật chất nữa.

Doanh Doanh hoàn mỹ quá khiến đâm ra nghi ngờ, không hiểu khi xây dựng nhân vật này, Kim Dung có đặt cái gọi là “chủ nghĩa Đại Hán” của ông vào chăng? Định chọn Nhậm Doanh Doanh ở ngôi vị số một, trên cả Triệu Mẫn, nhưng vì sự nghi ngờ đó đã khiến xếp cô vào vị trí số bốn.

Đã bảo tôi là một người đầy cảm tính, không thể có sự khách quan, trung thực và khoa học của các vị giám khảo chấm thi hoa hậu nghiêm khắc và đầy kinh nghiệm ngày nay cơ mà. Cho nên tôi cứ liều mạng đưa cô gái Mông Cổ lên ngôi vị số một và đặt cô Doanh Doanh Hán tộc xuống vị trí số bốn. Mà số bốn thì cũng cực kì quan trọng rồi.

Chương 20: Bi Kịch Tạ Tồn

Hãy tưởng tượng cảnh trời chiều trên Băng Hỏa đảo, một hòn đảo xa xôi hoang vắng vùng cực Bắc, giữa những làn gió lạnh cắt da, một trung niên thân hình khô vữa, râu tóc vàng rực, mặc áo khoác da thú, đôi mắt trắng dã mù loà, tay cầm thanh đại đao lấp lánh trong ánh trời chiều, đứng cô liêu trầm mặc như một nhà sư nhập định, rồi bỗng nhiên cất lên tiếng rú làm kinh động cả bầu thái hư lạnh buốt.

Không phải là tiếng hú giác ngộ Trường khiêu nhất thanh hàn thái hư của một Không Lộ thiên sư [1] mà là tiếng rú cực kì đau thương và bi phẫn của con mãnh sư bị thương: Kim mao Sư vương Tạ Tồn.

Một tuyệt đại cao thủ với kiến văn vô cùng uyên bác, một con người văn võ kiêm toàn, Phó giáo chủ của Minh giáo, một tài năng hãn hữu trong võ lâm, chỉ vì một phút nông nổi hồ đồ, bị biến thành vật hiến tế trong trò chơi tai ác của Định Mệnh. Ông đã trải qua cảnh đoạn trường trong cuộc sống: vợ bị hãm hiếp rồi bức tử, đứa con trai yêu duy nhất bị giết chết.

Oái ăm thay, kẻ gây ra thảm kịch cho gia đình Tạ Tồn không ai khác mà chính là vị ân sư mà ông đã hàm nể ơn sâu và coi như cha đẻ: Hồn nguyên Phích lịch thủ Thành Khôn. Gây án xong, Thành Khôn tuyệt tích giang hồ. Từ đó, để tìm ra tung tích Thành Khôn, Tạ Tồn lao vào những cuộc đồ sát phi lí điên cuồng. Mỗi khi giết người xong, ông lại đề tên Thành Khôn với hi vọng ngây thơ là Thành Khôn sẽ xuất đầu lộ diện để cùng mình tương kiến.

Trong khi đó, Thành Khôn lại âm thầm nấp trong bóng tối và tiếp tục gieo rắc ngộ nhận thương đau cho đồ đệ của mình, tiếp tục đẩy Tạ Tồn vào những cuộc sát nhân vô cớ. Và tội lỗi ngày càng kéo Tạ Tồn lún sâu vào tội lỗi.

Một nỗi đau sâu sắc khác của Tạ Tồn là cái chết của Không Kiến đại sư, một cao tăng chùa Thiếu Lâm, người tự nguyện đứng ra hoà giải mối cừ hận giữa hai thầy trò và hi vọng cứu vãn sát kiếp cho võ lâm. Hình ảnh Không Kiến đại sư, dù chỉ xuất hiện rất ngắn và chỉ qua lời kể của Tạ Tồn, đã để lại ấn tượng vô cùng cảm động trong lòng người đọc: đem tính mạng mình ra để điều hoà mối xung đột bất khả vãn hồi bằng tình yêu bao la và lòng dung nhẫn mênh mông. Một hình ảnh xả thân hi sinh phi thường với tinh thần vô ngã tuyệt đối mà ta thỉnh thoảng chỉ thấy trong nền văn hoá phương Đông.

Thủ đoạn của Thành Khôn và cái mẹo vặt của Tạ Tồn đã đẩy vị thần tăng chùa Thiếu Lâm vào chỗ chết. Môn Kim cương thần công hộ thân của Không Kiến chỉ bảo vệ được cho vị thần tăng đáng kính kia trước những ngọn Thất Thương quyền cực kì tàn độc nhưng lại không bảo vệ được ông trước mưu

mô âm hiểm của con người!

Từ đó, cả hai phe hắc bạch đều xem Tạ Tốn là kẻ tử thù, khiến ông không còn đất dung thân dù giang hồ rộng bao la. Cái lí do tồn tại của Tạ Tốn trên cõi đời này, cái raison d' être của ông giờ đây chỉ còn là sự hờn căm và rửa hận. Tạ Tốn có cái lí của mình trong những cơn đồ sát vô nghĩa và Thành Khôn cũng có cái lí của chính ông: trả thù cho một mối tình tuyệt vọng. Cõi giang hồ đầy đầy ân oán thị phi đã đẩy dần hai thầy trò vào chốn tận cùng chốn điêu mang phi lí cõi tồn sinh.

Rồi vì để chiêm nghiệm cho ra cái điều huyền mật trong thanh bảo đao Đồ long nhằm tìm ra một môn võ công lợi hại để giết được kẻ thù là ân sư Thành Khôn, Tạ Tốn đã ép buộc vợ chồng Trương Thuý Sơn cùng mình lưu lạc trên Băng Hoả đảo. Do Tạ Tốn tâm trí thất thường nên đã giao đấu với Trương Thuý Sơn. Và Hân Tố Tố đã ném kim châm làm mù mắt Tạ Tốn để hỗ trợ chồng. Vốn đã mang bao tâm sự u uất khổ đau, giờ đây sự cuồng điên trong tâm hồn Tạ Tốn lại lên đến cực điểm. Vì võ công ông quá cao siêu nên vợ chồng Thuý Sơn, dù là hai tay cao thủ, cũng phải luôn luôn trốn tránh Tạ Tốn trên hoang đảo chỉ có ba người.

Khi Hân Tố Tố chuẩn bị lâm bồn, Thuý Sơn, do lo sợ, phải đào sẵn một cái hố trước hang động đang trú ẩn để đề phòng Tạ Tốn. Quả nhiên ông đã tìm đến và rơi xuống hố. Khi nhảy ra được khỏi hố với thanh kiếm do Thuý Sơn đâm sâu trên trán, Tạ Tốn giận dữ tột độ, toan xông vào hang để giết luôn cả hai vợ chồng Thuý Sơn thì đúng lúc Vô Kỵ cất tiếng khóc chào đời. Tiếng khóc hài nhi giữa đêm khuya thanh vắng như một tiếng chuông cảnh tỉnh bỗng nhiên đánh thức lương tri của con hùng sư cuồng điên trong cơn tuý sát: dĩ vãng lại hiện về với hình ảnh đứa con trai yêu bị thảm tử.

Một chi tiết dù rất nhỏ nhưng làm cho ta vô cùng cảm động. Nếu không thế thì ta sẽ vì đời mà giận dữ Kim Dung biết mấy! Tính nhân bản, và chỗ cao diệu của ngòi bút Kim Dung là ở điểm đó. Một tâm hồn hời hợt với bút lực tầm thường sẽ không bao giờ thể hiện nổi những cái u uẩn khuất khúc vô cùng phức tạp trong tâm lí con người.

Hình ảnh hài nhi, trong truyền thống Viễn Đông, vẫn thường tượng trưng cho đức Sinh của Tạo hoá. Chỉ có những tác giả có cái nhìn sâu thẳm vào bản chất con người, những đôi mắt trông thấu sáu cõi, những tấm lòng nghĩ suốt nghìn đời mới có được bút lực tinh tế dường kì! Có khi chỉ vì một sự cố rất nhỏ vô tình trong đời mà cuộc đời ta lại chuyển sang hướng khác.

Đồ tể buông đao là thành Phật. Đọc đến đây ta chợt hiểu vì sao tác phẩm Kim Dung lại có sức cuốn hút độc giả đến thế trong bao năm qua. Hãy gạt bỏ

đi những môn võ công không thực, hãy gạt bỏ đi những chiêu thức hoang đường, cái cốt lõi trong tác phẩm Kim Dung hiện ra vẫn là hình ảnh con người phù du tự diệt phải một mình khoắc khoải đối diện với bao ân oán thì phi rồi rã chẳng chịt giữa cõi đời phi lí mệnh mông!

Con người, ngay cả bậc anh hùng, nhiều khi vẫn là trò chơi trong bàn tay tai quái của Định Mệnh mà mọi nỗ lực vượt qua đều dường như vấp phải một bức tường bất khả tư nghị! Đôi tình nhân hạnh phúc Trương Thuý Sơn và Hân Tố Tố phải cùng nhau tự vẫn ngay trước mặt bao vị tôn trưởng để thành tựu mộng đầu oan nghiệt và con hùng sư khổ đau Tạ Tốn lại phải tiếp tục sống để rửa sạch mỗi hờn căm.

Trên Băng Hoả đảo, Tạ Tốn nhận Vô Kỵ làm nghĩa tử và truyền thụ toàn bộ võ công siêu việt, với hoài vọng đưa con nuôi thông minh và đôn hậu kia sẽ thành toàn được những gì mà ông còn để dở dang trong tâm nguyện. Người anh hùng trong một phút nông nổi hồ đồ đã để lại mối hận ngàn năm! Anh hùng di hận kì thiên niên (Nguyễn Trãi).

Trải qua bao gian khó, Tạ Tốn lại một mình tìm về được Trung thổ để tiếp tục tâm thù. Cuối cùng, ông cũng hội diện được với cừu nhân dưới lốt nhà sư Viên Chân trên đỉnh Thiêu Lâm và rửa được mối hận bình sinh. Thù xưa đã trả. Ân oán đã tan. Lẽ ra Tạ Tốn phải thấy lòng ung dung thanh thản nhưng giờ đây ông lại đối diện với những hang hố đen ngòm của cuộc tồn sinh: mọi sự việc trên đời bỗng trở nên hư huyền trống rỗng.

Trong cuộc đấu tranh tâm thù dài dằng dặc đó, kẻ thất bại đã bị chết, nhưng kẻ chiến thắng lại rơi vào sự cô đơn. Và chính trong nỗi cô đơn ấy, cái tận cùng phi lí của nhân gian lại hiện nguyên hình: Thị phi thành bại chuyển đầu không. Chuyện đúng sai hay thành bại ở trên đời, khi đã trải qua rồi và quay đầu nhìn lại, mới hay chỉ là hư không trống rỗng.

Không biết tự bao giờ, ở Viên đông, con người thường đem bao nhiêu chuyện thương tâm trong suốt bình sinh hướng về cửa Không để mong nhờ Phật pháp tiêu giải [****] và những người anh hùng khi đến đường cùng lại thường xuống tóc đi tu. Anh hùng mạt lộ bán vi tăng.

Tạ Tốn dù không là anh hùng mạt lộ, nhưng cơ duyên đủ chín mùi để ông nhận chân ra được những tấn tuồng hư huyền của nhân gian, nên ông tự phế bỏ võ công, xin qui y cửa Phật và tự nguyện chịu đựng mọi thứ đờm rã i như bản khắc nhô lên người và mọi sự thoá mạ của những người có người thân bị ông giết chết.

Ta tin rằng trong suốt bình sinh, có lẽ chưa bao giờ tâm hồn Tạ Tốn lại thấy thanh thản bằng lúc quì gối để chịu đựng nỗi nhục hình ghê gớm đó, nỗi

nhục hình mà bất kì một người học võ nào cũng đều thấy đau đớn hơn là cái chết. “Tạ Tồn hay đồng phân bò cũng chẳng có gì khác nhau!”. Câu nói cuối cùng đầy minh triết của con hùng sư một thời chọc trời khuấy nước, làm khuynh đảo cả giang hồ, đã khép lại tấn thảm kịch của một đại cao thủ kiêu hùng nhưng, trong tác phẩm Kim Dung, lại tiếp tục mở ra những trang bi kịch khác của võ lâm.

Trường khiêu nhất thanh hàn thái hư
Cát tiếng hú dài làm lạnh buốt cả bầu trời

Chương 21: Nhậm Ngã Hành - Cái Tôi Và Bản Lĩnh

Ngạn ngữ phương Tây nói: Cái tôi là cái đáng ghét (Le moi est haïssant). Bản tính con người xưa nay đều luôn nghĩ đến mình trước hết, cho nên cái tôi tạo ra một lớp vỏ bọc kín tâm hồn và chặn đứng mọi nẻo cảm thông giữa người với người.

Tôn giáo hay triết học phương Đông đều dạy con người tiêu trừ bản ngã, vì xem đó là điều chướng ngại ngăn cản con người trên con đường tu học. Đức Phật thực hiện Từ Bi, Chúa Jésus rao giảng Bác Ái, đức Khổng Tử giảng dạy đức Nhân, cũng đều nhằm mục đích dẫn dắt con người đến chỗ thương yêu khắp cả chúng sinh như chính mình, hay xem tất cả mọi người đều đồng một thể.

Người nông dân Việt Nam nói đơn giản và ngắn gọn hơn: Thương người như thể thương thân. Không có phân biệt ta và người. Những ai sính loại triết học hàn lâm thì bảo đó là để Tiểu Ngã hòa tan trong Đại Ngã theo kiểu Ấn Độ, hoặc vạn vật dữ ngã vi nhất theo kiểu Trung Hoa, hoặc không còn phân biệt chủ thể với khách thể theo kiểu triết học hiện đại...

Những trò chơi ngôn ngữ rối rắm vô bổ và rỗng tuếch đó đã làm hao tổn bút mực lẫn trí não của rất nhiều học giả Đông Tây rồi, và của cả những người sính triết học. Chúng ta hãy học tập cách người nông dân chân chất là xếp chúng qua một bên để mặc cho các học giả bàn luận, rồi cứ ung dung dặt trầu đi theo con đường ruộng giữa cánh đồng bao la với bàn chân đất, chỉ để nghe tiếng nói sâu thẳm từ chính trái tim mình.

Xã hội có văn hóa thường buộc con người phải tìm cách giấu đi cái tôi. Người nào nói nhiều đến cái tôi có nghĩa là người kém văn hóa. Phải nói đến người ta và chúng ta hoặc chỉ ít cũng phải là chúng tôi.

Rõ khổ! Vì dù ít dù nhiều ai cũng muốn phô diễn cái tôi. Do đó, cái tôi lại luôn tìm cách xuất hiện lấp ló đằng sau những nghi thức xã giao, thông qua những câu nhún nhường khiêm tốn, thường có tính giả vờ! Chỉ có những thiên tài thực sự mới đủ bản lĩnh để không ngần ngại bộc lộ cái tôi bằng tất cả sự kiêu hãnh hồn nhiên.

Theo kinh điển Phật giáo ghi lại thì khi vừa mới sinh ra đời, đức Phật đã bước đi bảy bước trên tòa sen và cất tiếng như sư tử hống: Thiên thượng địa hạ, duy ngã độc tôn. (Trên trời dưới đất, chỉ có Ta là tôn quý). Đó có lẽ là ngày đầu tiên trong lịch sử tư tưởng nhân loại, cái Tôi được khẳng định một cách minh triết và hùng hồn nhất. Một tôn giáo xiển dương quan điểm sắc tức thị không, không tức thị sắc và dùng một loạt mười tám loại Không từ Nội không cho đến Vô pháp hữu pháp không trong kinh Bát Nhã để đẩy toàn bộ

cái thế giới hữu sắc này đến chỗ tận cùng của chân không, thì chính tôn giáo ấy lại khởi đầu bằng cách khẳng định một cách tuyệt đối cái tôi!

Bỏ qua một bên những ý nghĩa siêu huyền mang tính tượng trưng và ẩn dụ (dĩ nhiên) trong lời tuyên bố đó, ta chợt bắt gặp lại, ở một bình diện thấp hơn, câu ngạn ngữ phương Tây bảo “Les extrémités se touchent” (cái cực đoan thường gặp nhau) Cái cùng cực của phủ nhận lại chính là cái cái cùng cực của khẳng nhận. Cũng như chỗ sơn cùng thủy tận của khoa học phương Tây lại tiếp giáp với cõi bờ huyền học phương Đông, cho nên vũ trụ của Einstein lại hòa nhập trong lời thơ Tagore!

Lý Bạch là nhà thơ vô cùng kiêu ngạo. Trong một đêm khuya yên tĩnh, nhìn tinh tú lấp lánh chiếu sáng trên không, ông ngẫu hứng muốn làm thơ, nhưng lại không dám viết thành câu vì sợ các vì tinh tú nghe được sẽ rùng mình rơi cả xuống dòng sông lạnh:

Có một bài thơ tứ tuyệt của Lý Bạch, người ta thường cho rằng đó là bài thơ tả cảnh nhưng thật ra đó là bài thơ kiêu ngạo thượng thừa:

nhìn nhau mà không chán; chỉ có ta và núi Kính Đình).

Chỉ có núi Kính Đình là có thể nhìn ta giữa trời đất bao la để cảm nhận được sự hùng vĩ của nhau mà không chán! Đó là ngạo khí của kẻ khí thôn chư tử vô toàn mục (ngạo ngễ chưa xem ai vừa mắt).

Beethoven từng phần mộ quát mắng bọn quý tộc: Các ông cần hiểu rằng quý tộc các ông đời nào cũng có, nhưng Beethoven này phải cả trăm đời mới có được một người!

Đó đều là niềm xác tín đầy kiêu ngạo về cái Tôi của những người hiểu rõ thiên tài của mình.

Trong tất cả các tác phẩm của Kim Dung, có lẽ chỉ có ba nhân vật văn võ toàn tài, vừa có võ công tuyệt đỉnh lại vừa có trí tuệ sắc bén, và là ba nhân vật kiêu ngạo bậc nhất. Đó là Hoàng Dục Sư, Tạ Tốn và Nhậm Ngã Hành.

Nếu Hoàng Dục Sư hấp dẫn người đọc bởi cái tài hoa cô độc, nếu Tạ Tốn khiến người đọc kính nể vì kiến văn uyên bác, thì Nhậm Ngã Hành làm người đọc khoan khoái vì chất lỗ mãng giang hồ. Và ông là bậc đại tôn sư võ học duy nhất không ngần ngại phô diễn cái tôi với tất cả cái xấu lẫn cái tốt của nó, đúng với cái tên Nhậm Ngã Hành (để mặc ý ta làm!).

Cái tài hoa của Hoàng Dục Sư dù sao vẫn còn mang chút màu mè của hạng quý tộc, sự uyên bác của Tạ Tốn vẫn có một chút từ chương của giới hàn lâm, chỉ có Nhậm Ngã Hành là hoàn toàn chất phác, giống như chương pháp của ông khi giao đấu với Thiên Thủ Như Lai chương của Phương Chứng đại sư. Người sao chương vậy. Không ly kỳ biến ảo, nhưng trong thô

phác lại hàm chứa tinh hoa.

Chỉ những người có bản lĩnh thực sự và có sở đắc chân chính như Nhậm Ngã Hành mới dám vứt bỏ mọi lớp vỏ văn hóa hoa hòe che phủ bản thân, để hiện ra một cách trần trụi với mọi cái xấu, cái tốt không thềm che dấu, như Một Con Người thực sự. Khi thì ăn nói cùng cực sắc bén đúng với phong độ của một đại tôn sư võ học, khi thì hành xử rất mực thô lỗ, thậm chí hạ cấp, như bọn hảo hán giang hồ.

Đánh mãi với Phương Chứng, liệu thế không xong thì vờ tấn công Du Thương Hải để dùng mưu đánh ngã Phương Chứng. Không thích Tả Lãnh Thiên nhưng lại thành thật công nhận: Nễ võ công liễu đắc, tâm kế dã thâm, ngân hợp lão phu đích đảm trụ (Người võ công có chỗ hơn người, lại có mưu kế sâu, điều đó rất hợp với tâm ý lão phu). Ông chỉ chê Tả Lãnh Thiên một điểm là đã có dã tâm thôn tính Ngũ Nhạc kiếm phái thì cứ ngang nhiên mà làm, không cần phải dùng đến những thủ đoạn lén lút, những âm mưu quỷ kế đê hèn không xứng đáng với bậc anh hùng hảo hán. Nhậm Ngã Hành cũng không hề che dấu tham vọng bá chủ võ lâm của mình.

Hiếm có vị tôn sư võ học nào lại ngang nhiên tự nhận: Lão phu võ công ký cao, tâm tư hựu thị cơ mẫn vô tỷ, chỉ đạo phổ thiên hạ dĩ vô kháng thủ (lão phu võ công đã cao, tâm tư lại bén nhạy nhất đời, cứ cho rằng khắp thiên hạ không có đối thủ!). Và do đó ông phải vô cùng bội phục kẻ đã soán đoạt ngôi vị giáo chủ của mình là Đông Phương Bất Bại.

Đối với Xung Hư đạo trưởng thì ông ca ngợi nhân cách và Thái cực kiếm pháp của vị chương môn hết lời, nhưng lại khẳng định ngay: Nễ đích Thái cực kiếm pháp tuy cao, vị tất thắng đắc quá lão phu (Thái cực kiếm pháp của đạo trưởng tuy cao, nhưng chưa chắc đã thắng nổi lão phu)!

Môn Hấp tinh đại pháp mà Nhậm Ngã Hành khổ luyện cũng có ý nghĩa riêng của nó: gom hết những tinh hoa trong thiên hạ để về phục vụ cho chính cái tôi. Đó cũng là môn võ công biểu hiện quan điểm cực đoan của Duy ngã độc tôn. Cái tôi của Nhậm Ngã Hành khi được khoáng trương đến cực độ thì tại điểm bách xích can đầu sẽ hoặc được tại uyên (nhảy vào hố thẳm), như con rồng của quỷ Kiền trong kinh Dịch, để vỡ tan ra từng mảnh.

Bước nhảy đó sẽ là điều kiện tối hậu để Nhậm Ngã Hành với Hấp tinh đại pháp bắt gặp kịp Phương Chứng đại sư với Dịch cân kinh. Cái tâm đại bi vô lượng của một bậc đại tôn sư võ học sẽ hóa giải cái tôi cực kỳ bá đạo của một đại tôn sư võ học khác, cũng như cái Duy Ngã Độc Tôn sẽ cùng cõi Chân Không Diệu Hữu viên dung nhất thể. Cái Tôi được khẳng định đến cùng cực, khi gặp cơ duyên, sẽ dễ dàng tan biến vào cái đối cực của nó là cõi Man Mác

Huyền Minh. Giả như Nietzsche sống lại, ắt hẳn sẽ trở vào Nhậm Ngã Hành mà nói Ecco Homo (đây là một con người)!

Nhưng muốn biểu hiện cái tôi như Nhậm Ngã Hành thì ta phải có bản lĩnh chân thực. Không có bản lĩnh chân thực thì cái tôi đó cũng chỉ là cái hình ảnh thảm hại của năm anh chàng võ nghệ mèo quào học đòi lên Hoa sơn luận kiếm!

Như Tây Thi nhãn mặt thì cả làng đều say đắm, Đông Thi bắt chước nhãn mặt thì cả làng đều bỏ chạy. Muốn học cách viết Sử Ký như Tư Mã Thiên thì phải học cách du sơn ngoạn thủy như Tư Mã Thiên, muốn kiêu ngạo và phô diễn cái tôi như Nhậm Ngã Hành thì tự xét mình đã có được cái bản lĩnh như Nhậm Ngã Hành không? Có dám ngang nhiên phơi bày mọi cái xấu lẫn cái tốt, vì hiểu rằng cái xấu hay tốt đó đều bất khả tư nghì đối với cao thủ cỡ Dư Thương Hải không? Và có thực dám nhậm ngã hành (cứ làm theo ý ta) không? Có dám tự thấy Lão phu võ công ký cao, tâm tư hựu thị cơ mẫn vô tỷ, chỉ đạo phổ thiên hạ dĩ vô kháng thủ chưa?

Phải học nói rất nhiều trước khi muốn im lặng, phải đọc sách rất nhiều để hiểu rằng kiến thức chỉ là trò điêu trùng tiểu kỹ vô cùng vụn vặt, phải Bao đêm thao thức thật thà rồi mới ngộ ra rằng Suu tầm chân lý té ra tầm ruồng (Bùi Giáng).

Phải đẩy cái Tôi đến chỗ tận cùng rồi mới có cơ duyên để để trừ bỏ nó. Và đằng sau cái tôi đó phải là bản lĩnh chân thực. Vì đó chính là điều kiện để con người rũ bỏ tất cả và hoặc được tại uyên!

Chương 22: Hư Trúc - Nhà Sư Vương ... Mộng

Trên đây là đoạn trích dịch từ kinh Lăng Già, một kháng thư thâm áo của Phật giáo Đại thừa. Kinh Lăng Già cho rằng bậc Bồ Tát nào quán sát được thế gian như là huyễn, chúng sinh như là mộng sẽ đạt được Như huyễn Tam muội là trạng thái định cao nhất được liệt kê trong kinh. Có nhiều nhà sư vì mang tài hoa mà vương lụy, nhưng có một nhà sư không vương lụy mà lại vương ...mộng, và vì vương mộng nên vương lụy, đó là Hư Trúc trong Thiên Long Bát Bộ.

Nhà văn Trung Quốc là đại sư Tô Mạn Thù đã viết một cuốn sách náo nùng Đoạn Hồng Linh Nhạn Ký (Cánh hồng cô lẻ), thuật lại câu chuyện của đời mình. Con người tài hoa mang hai dòng máu Nhật-Hoa đó từ thuở nhỏ đã xuất gia đầu Phật. Sau khi phương trượng qua đời, cảm thấy bơ vơ nên muốn quay về cõi tục, nhưng kẻ xuất thân tu hành không thể chen chân nổi với cõi đời ô trọc, mà tiếp tục tu hành cũng không trọn nghiệp, nên suốt bình sinh cứ chìm nổi giữa biển dâu. Những mong nương bóng thiên môn để bước chân đi trong cõi Như Lai thanh tịnh, nên cố làm ngơ trước những tiếng lòng tha thiết, đành quay mặt đi với hai người con gái thông tuệ diễm kiều.

Nhưng lòng kẻ tài hoa làm sao có thể dùng cõi Như Lai để xóa đi được hình bóng giai nhân vẫn luôn thấp thoáng trong từng trang kinh lời kệ? “Khuya về nhẹ mở tâm kinh, trang nào cũng thấy bóng hình của em, mở bờ sinh tử ra xem, em từ tiền kiếp là em bây giờ” (Hồ Công Khanh). Hẹn nhau từ trong tiền kiếp để bây giờ thị hiện giữa cõi Ta Bà trong từng sát na, gây vương vấn mộng hồn cho kẻ phân vân đứng giữa ngã con đường ngã ba của đời và đạo. Thi sĩ Bùi Giáng chuyển tác phẩm trên sang tiếng Việt thành Nhà sư vương lụy (NXB Văn Học, 2000) bằng ngôn ngữ ngậm ngùi cháy bỏng cả tâm can.

Trong Tiểu ngạo giang hồ, Kim Dung cũng đề cho ni cô Nghi Lâm mang cả một khối u tình vào trong cõi thanh tu. Người nữ tu kiều diễm có tâm hồn như nữ thánh đó đã héo hắt cả dung nhan vì gã “Lệnh Hồ đại ca” mang cốt cách giang hồ lãng tử. Từng giọt lệ vương lụy của ni cô rơi trên trang kinh trong đêm vắng, làm tê buốt tâm tình của cả nhân gian. Chuông khuya dẫn mối sầu về. Giọt buồn ai để rơi nhòe trang kinh. Chao ơi! Sư nữ đa tình...

Hết nhà sư vương lụy, rồi đến lượt ni cô vương lụy khiến người ta hoang mang tự hỏi hương sắc cõi đời có mỵ lực gì hấp dẫn những tâm hồn đang muốn hướng đến tuyệt đích với vô biên, đến nỗi họ đành quay mặt với cõi đạo để chấp nhận nổi chìm giữa cõi người ta đầy khổ lụy? Cõi thiện, cõi chân không gần bằng cõi mỹ, nên đôi lúc sắc hương đời thường che lấp bóng Như

Lai!

Đã có lần viết về Giang Nam Tứ Hữu, xem đó là biểu tượng cho thảm họa của tài hoa. Mang tài hoa lánh đời nơi Cô sơn mai trang mà vẫn phải gánh chịu thảm kịch. Nhưng mang một khối tài hoa vào cửa thiền như Tô Mạn Thù vẫn là mang theo khổ não. Cho mình, cho đời và cho lẽ đạo. Đã tài hoa ắt phải đa tình, mà vì đa tình nên thường vương lụy.

Nhà thơ tiền chiến J.Leiba có bốn câu thơ thật ngậm ngùi:

Ông nói thể chắc để tự dối lòng, và để an ủi cho những kẻ tu hành tài hoa đang đắm chìm trong khổ lụy, vì thử hỏi làm sao có thể thực sự “quên hết người quen chốn bụi hồng” được, khi mà lưới tình bủa rộng khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, vây khốn những kẻ đa tình nương nấu chốn cửa thiền trong từng trận chiêm bao?

Bất Giới hòa thượng đã làm chuyện ngược đời là vì yêu ni cô mà phải cạo đầu để khoát áo nâu sòng! Sá gì thân nấu cửa Không, Cạo đầu bởi chút má hồng ni cô, Tam quy? Ngũ giới? Nam mô! Bất Giới hòa thượng tuy thô lỗ như lại đa tình. Nên ông không vương lụy nhưng lại làm cho người ta vương lụy.

Có lẽ chỉ có một người hiền lành chân chất, suốt đời chỉ biết kinh kệ rau dưa nhưng lại vương lụy trong một hoàn cảnh oái ăm, đó là Hư Trúc. Con người chân chất đó không một chút tài hoa, cũng không một chút đa tình lãng mạn, và chắc chắn trái tim đó không hề biết rung cảm trước nhan sắc, cho dầu đó là thần tiên giáng thế. Người đẹp Vương Ngũ Yên trước mặt chú cũng không khác gì tượng gỗ.

Cõi đời thực không có gì có thể cám dỗ nổi chú, không phải vì định lực của chú cao mà chỉ vì chú cục mịch ù lì như gỗ đá. Từ bé chú chỉ biết gõ mõ tụng kinh, một lòng hướng về Đức Phật, tai như điếc trước thanh, mắt như mù trước sắc, lòng không bị quấy nhiễu bởi vật chất trần gian, thế thì con người giống như hòn đất đó làm sao vương lụy được? Tâm hồn chú quả giống như pháp danh Hư Trúc, nghĩa là cây trúc rỗng.

Bút lực Kim Dung quả thật thâm hậu khi bố trí câu chuyện để chú phải vương lụy trong một tình huống cực kỳ oái ăm! Chú bị Thiên Sơn Đồng Mỗ ép phạm sắc giới với một người đẹp xa lạ trong hầm tối om om. Mơ màng như trong cõi mộng. Cõi đời thực không làm cho chú vương lụy thì cõi mộng thì sẽ kéo chú ra khỏi thiền môn!

Trong một trường hợp tình cờ, chú cứu được chủ nhân của Linh Thứu cung là Thiên Sơn Đồng Mỗ, và nhằm để tránh sự truy sát của Lý Thu Thủy, cả hai phải chui vào một hầm trữ nước đá trong Hoàng cung Tây Hạ.

Hằng ngày, Thiên Sơn Đồng Mỗ lên vào vườn ngự uyển, bắt chim về buộc chú ăn để sống. Rồi đến một đêm khuya nọ, Đồng Mỗ lại mang về cho chú một cô gái. Bản năng khao khát sắc dục từ lâu bị chôn vùi dưới lớp tảng bào của cuộc sống tu hành khổ hạnh bỗng nhiên trỗi dậy, dù lúc đầu chỉ mới là cảm giác mơ hồ. Ban ngày thì phải vừa luyện võ nghệ với Thiên Sơn Đồng Mỗ, vừa lo cảnh giác Lý Thu Thủy.

Nhưng khuya về lại có một Mộng Cô – cô nương trong giấc mộng - kề cận thân đêm. Cả hai không biết mặt nhau và cứ ngỡ như mình đang sống trong cảnh chiêm bao, vì cứ đêm về là họ lại gặp nhau, như phép màu trong truyện Ngàn Lẽ Một Đêm. Nên họ gọi nhau là Mộng Cô và Mộng Lang. Tất cả “cõi mộng” đó đều diễn ra dưới sự sắp xếp của cao thủ tuyệt đỉnh Thiên Sơn Đồng Mỗ.

Khi quay về lại chùa Thiếu lâm với thân phận chủ nhân cung Linh Thứu, chú vẫn ngây thơ nghĩ rằng mình cần phải cầu kinh sám hối để có thể gột rửa sạch được ‘tội lỗi’ đã phạm. Nhưng thực ra, trong tận cùng sâu thẳm của tâm hồn, bản năng cơ bản đã được đánh thức.

Ngày trước khi phạm sát giới, chú đã kêu khóc ầm ĩ và xem đó là chuyện tày trời, nhưng đến khi phạm sắc giới, thì chú lại cứ man mác, băng khuâng. Và hình ảnh Mộng Cô không ngừng ám ảnh trong tâm trí. Chú tiểu khờ khạo của chùa Thiếu Lâm đã biến thành một kẻ si tình mà chú không hề hay biết, đầu chú đang ở trong cảnh giới “đường gần rừng tía, đường xa bụi hồng” (Kiều).

Giá như chú có đủ trí huệ để “quan sát tất cả chúng sinh đều như huyễn, như mộng” thì rất có thể chú đã chứng đắc “N hư Huyễn Tam Muội”! Và chú không hề hiểu rằng cõi đời đang giang tay đón chờ một người sắp sửa rời cổng thiền môn. Vì đó là con đường tắt yếu cho những ai không đủ căn cơ mà lại đi thẳng vào chốn cửa “Không” thanh tịnh, bỏ qua cửa “Hữu” đầy khổ lụy của trần gian!

Khi đi cùng Tiêu Phong để hộ tống vị tam đệ đa tình là Đoàn Dự sang Tây Hạ cầu hôn, có ai ngờ nổi công chúa Tây Hạ lại là chính cô nương Mộng Cô ngày nào. Cô bày ra ba câu hỏi cho các người cầu hôn để thử tìm lại anh chàng Mộng Lang thuở trước, mà rất có thể cô cũng nghĩ chỉ là người trong cõi mộng.

Những ai tìm cách trả lời theo kiểu “đao to búa lớn” đều bị loại. Chỉ có Hư Trúc trả lời ba câu hỏi đó một cách dễ dàng. Không phải chú trả lời các câu hỏi, mà chú chỉ buột miệng nói ra những điều cứ ấp ủ mãi trong lòng. Nơi nào đẹp nhất trong đời chú? Là hẻm đá lạnh. Người chú yêu mến nhất

trong đời? Là chính Mộng Cô. Dung nhan Mộng Cô ra sao? Chú cũng không hề biết.

Ba câu trả lời tình cờ đó lại là ba câu mà công chúa Tây Hạ đang mòn mỏi mong đợi. Cơ duyên sắp đặt để hai người trong mộng gặp lại nhau, và tân chủ nhân của cung Linh Thụ trở thành phò mã Tây Hạ. Gặp nhau trong mộng, ái ân trong mộng, nhớ nhau trong mộng, tìm gặp nhau cũng trong mộng nốt, thế thì cõi đời còn gì đẹp hơn câu chuyện Mộng Lang với Mộng Cô?

Trong các tác phẩm của Kim Dung, chỉ có những con người khù khờ chân chất mới có được tình yêu trọn vẹn, như Hư Trúc với Mộng Cô. Ngay cả anh chàng cục mịch Quách Tĩnh cũng vô tình làm tan nát cõi lòng của Hoa Tranh công chúa khi đến với Hoàng Dung.

Tinh thần văn hóa phương Đông vẫn thường xem cõi đời là giấc mộng. Lý Bạch bảo: “Xử thế nhược đại mộng, hồ lao vi kỳ sinh” (chuyện đời như mộng lớn, việc gì phải nhọc lòng?). Đó là cõi-đời-mộng dưới mắt một thi tiên.

Kinh Phật có bài kệ “lục như” nổi tiếng: “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ung tác như thị quán” (nên quán sát tất cả các pháp hữu vi như giấc mộng, như điều hư huyễn, như bọt nước, như cái bóng, như sương rơi, như tia điện chớp) nhằm khai ngộ chúng sinh thấy chân tướng cõi đời là mộng huyễn.

Đó là cõi-đời-mộng dưới sự quán chiếu của bậc đại giác. Tô Đông Pha bảo: “Nhân tự thu hồng lai hữu tín, sự như xuân mộng liễu vô ngân” (con người như chim hồng mùa thu bay đến mang theo tin tức, chuyện đời ngắn ngủi như giấc mộng mùa xuân trôi qua mất chẳng để lại dấu vết nào). Đó là cõi-đời-mộng trong tiếng thở dài minh triết của con người tài hoa khoáng đạt nhưng lại chìm nổi khổ đau trong hoạn lộ.

Cuộc đời là cõi mộng, nhưng vì chúng ta cứ u mê chấp mộng làm thực nên sinh ra khổ não, vì cái thực đó cũng chỉ là mộng. Nước Đại Yên của dòng dõi Mộ Dung là mộng, nhưng cha con Mộ Dung Bác đều chấp là thực nên Mộ Dung Phục phải đi đến chỗ cuồng điên. Quốc sư Thổ Phồn Cưu Ma Trí suốt một đời bôn tẩu giang hồ để mong đạt được bản lĩnh vô địch, rốt cuộc ngộ được đó là cõi mộng nên mới trở thành một cao tăng xứ Thổ Phồn. Hư Trúc sống trong cõi thực nhưng cho đó là cõi mộng, nên mộng lại biến hành thực!

Không có nhân vật nào của Kim Dung lại có thể gặp những điều may mắn như Hư Trúc. Chú vịt con xấu xí Hư Trúc, trong một phút giây bỗng biến thành con thiên nga lộng lẫy quá bất ngờ, bắt đầu từ chữ Mộng. Kim

Dung đã kín đáo khi để cho công chúa Mộng Cô phải luôn che mặt khi xuất hiện, có phải đó là một lời nhắc nhở: trong cái vện toàn như ý vẫn có chút bất toàn, hay muốn độc giả hiểu rằng: dẫu cõi mộng đã biến thành cõi thực, nhưng một phần cõi thực đó vẫn còn là mộng đây!

Chương 23: Lệnh Hồ Xung - Chân Dung Gã Tử Đồ Lãng Tử

Dường như có một qui luật trong sáng tạo của các thiên tài là: các tác phẩm thường đi từ bi đến lạc hoặc đi từ lạc đến bi. Nhà viết kịch vĩ đại Shakespeare, sau các hài kịch Much ado about nothing, The merchant of Vernice... lại sáng tạo tiếp các bi kịch như King Lear, Othello, Macbeth...

Còn Kim Dung thì ngược lại, sau các tác phẩm làm tan nát lòng người như Thiên long bát bộ, thì Tiểu ngạo giang hồ là tác phẩm tương đối ít bi thương. Khung trời máu lửa của võ lâm dường như đã bắt đầu tươi sáng hơn khi mà các thành kiến chính tà và thị phi ân oán cũng như tham vọng thống nhất giang hồ đều tiêu dung, hoá giải trong khúc cảm tiêu hợp tấu Tiểu ngạo giang hồ của Nhậm Doanh Doanh và gã tử đồ lãng tử Lệnh Hồ Xung.

Trước khi Lệnh Hồ Xung xuất hiện trong tác phẩm Tiểu ngạo giang hồ, Kim Dung đã chuẩn bị một bối cảnh khá chu đáo, dù chỉ toàn bằng lời kể. Chính sự có mặt trong vắng mặt càng làm tăng thêm vẻ hấp dẫn cho nhân vật cực kì đáng yêu này.

Thoạt tiên người ta chỉ biết đến gã như tên “bợm nhậu” khi lừa một ông lão ăn mày để uống hết vò rượu ngon bằng nội công thâm hậu của mình. Kế đó, gã lại hiện ra như là kẻ mất nết ưa gây hấn khi giao du với tên dân tộc Điền Bá Quang và giết đệ tử phái Thanh Thành. Bao nhiêu ác cảm, ngộ nhận đều trút lên đầu gã. Chỉ từ lúc cô tiểu ni xinh đẹp Nghi Lâm xuất hiện thì mọi chuyện mới thay đổi, và qua lời kể của cô, chân dung tên tử đồ bẻm mép, giao hoạt đó mới bắt đầu hiện rõ nét như là một người trượng nghĩa, thông minh và cực kì liêu lĩnh.

Đến khi gương mặt nhợt nhạt của gã, với đôi môi mỏng dính và đôi mày hình lưỡi kiếm hiện trên gương mặt của một kĩ viện thành Hành sơn thì độc giả đã hình thành thêm được tính cách của gã: ngang tàng, đởm lược, ứng biến cực kì mau lẹ. Có gì lí thú hơn khi chàng môn phái Thanh Thành là Dư Thương Hải bị gã, dù toàn thân bất lực do bị trọng thương, dùng mẹo khiêu khích, lừa không cho mở tâm môn giấu Khúc Phi Yến và Nghi Lâm đang run sợ bên cạnh gã.

Một dạng biến tướng thông minh của mưu kế kiểu “Không thành” mà Không Minh dùng lừa Tử Mã Ý, làm người đọc vô cùng khoan khoái!

Có lẽ tất cả các chi tiết trên chỉ là sự chuẩn bị của Kim Dung về tính cách của Lệnh Hồ Xung để lí giải việc lí do vì sao gã có cơ duyên được Phong Thanh Dương truyền cho môn kiếm pháp vô địch thiên hạ: Độc Cô cửu kiếm, môn học không chỉ đòi hỏi trí thông minh mà còn cần phải có một tâm hồn khoáng đạt, không câu nệ, cố chấp, và ứng biến linh hoạt.

Người đọc làm sao quên được đoạn gã bị phạt trên đỉnh núi Hoa sơn và buộc phải đấu kiếm nhiều phen với Điền Bá Quang để khỏi bị họ Điền “mời” xuống núi. Cùng uống với họ Điền hai vò rượu quý hiếm duy nhất thế gian là đề tạ tình tri kỉ, dù họ Điền là tên thâm tặc, đó là cái tình. Uống xong, tuốt kiếm đánh nhau, không chấp nhận xuống núi vì tuân theo sư mệnh, đó là cái lí.

Khi gã dùng một mẹo vặt khá tồi bại, không xứng đáng với đệ tử danh môn chính phái, để gạt được Điền Bá Quang nhằm tranh thủ thêm thời gian học môn Độc Cô cửu kiếm, gã biện bạch với Phong Thanh Dương là: đối với bọn đệ hèn vô liêm sỉ thì phải dùng thủ đoạn đệ hèn vô liêm sỉ, người đọc hồi hộp biết ngần nào khi nghe vị tôn sư võ học kia nghiêm nghị hỏi lại: “Thế đối phó với bậc chính nhân quân tử thì sao?”.

Câu hỏi như một loại công án thách thức sự ứng biến chân thành. Gã đã thành thực lần bạo gan trả lời đúng với tính cách của mình, không một lớp sơn phù phiếm hoa hòe giả tạo của môn qui: “Cho dù bọn họ có là bậc chính nhân quân tử đi nữa, mà nếu như họ muốn giết đệ tử, thì đệ tử quyết không cam tâm để bị giết, cùng lắm đến lúc chẳngặng đứng đờng đó, thì thủ đoạn hèn hạ vô liêm sỉ cũng phải dùng tạm chớ biết làm sao!” (Tự toan tha chân thì chính nhân quân tử, thắng nhược tương yếu sát ngã, ngã đã bất năng cam tâm tự lục, đáo liễu bất đắc dĩ đích thời hậu, ti bỉ vô sỉ đích thủ đoạn, đã chỉ hảo dụng thượng giá ma nhất điểm bán điểm liễu).

Người đọc lo ngại thay cho gã, sợ câu nói liều lĩnh làm phật ý vị Thái sư thúc tổ của môn phái. Ngờ đâu ta còn khoan khoái hơn khi nghe Phong Thanh Dương tươi cười rạng rỡ, nói: “Hay lắm, hay lắm! Câu nói của nhà ngươi đúng là khác với bọn ngụy quân tử giả mạo bịp đời. Bậc đại trượng phu hành sự thích việc gì ra việc nấy, linh hoạt như nước chảy mây bay, tùy ý thích mà làm. còn tất cả những thứ qui củ võ lâm, giáo điều môn phái gì gì đó đều chỉ là cái rắm chó thúí đáng vất đi mà thôi!” (Hảo, hảo! Nể thuyết giá thoại, tiện bất thị giả mạo vi thiện đích ngụy quân tử. Đại trượng phu hành sự, ái châm dạng tiện châm dạng, hành vân lưu thủy, nhậm ý sở chí, thậm châm võ lâm qui củ, môn phái giáo điều, toàn đô thị phóng tha ma đích cầu xú tí!).

Trong toàn bộ tác phẩm Kim Dung, cho rằng không có đoạn nào làm người đọc cảm thấy thông khoái hơn đoạn đối thoại trên đây, khi nghe câu nói vô cùng khoái ý chân tình của một bậc cao nhân tiền bối của võ lâm, một vị đại tôn sư võ học, mà lại là của phe được xem là chính giáo! Ấy vậy mà người đọc vẫn kính mộ Phong Thanh Dương như một con thần long phiêu

hốt, ngẫu nhiên ghé về trần gian trao một tặng vật cho người hữu duyên rồi biến mất. Để rồi về sau, hình ảnh ông chỉ xuất hiện như một huyền thoại, qua hồi tưởng của hai vị đại tôn sư võ học khác là giáo chủ Nhật Nguyệt thần giáo[1] Nhậm Ngã Hành và phương trượng chùa Thiếu lâm Phương Chứng đại sư.

Kim Thánh Thán khi phê bình Tây sương kí của Vương Thực Phủ, nhân đọc đoạn biện bạch của nhân vật nữ tì tên Hồng, ông quá thích thú bèn liên tưởng đến ba mươi ba điều thống khoái trên đời [2]; Cho rằng đoạn đối thoại lí thú này, giữa Phong Thanh Dương và Lệnh Hồ Xung, đáng được đưa thêm vào thành điều thống khoái thứ ba mươi bốn của họ Kim!

Đoạn đối thoại rất trung thực, phản ánh được những đặc điểm rất con người, không hoa hòe, cường điệu.

Điểm quyến rũ của tác phẩm Kim Dung vẫn thường nằm ở các chi tiết rất nhỏ đó. Sẽ chán biết ngần nào khi mà các nhân vật ai ai cũng sống, cũng ăn nói, cũng hành động theo một khuôn khổ ước lệ như nhau, nhất là lúc “lỡ” được tiếng là thuộc danh môn chính phái!

Luôn phải cố tạo một cái gì đó khác người thường, khác với đám phàm phu tục tử, phải sống theo cái khuôn vàng thước ngọc của ngàn xưa, mà không bao giờ dám sống thực là mình! Đó là điểm mà Trang tử chế nhạo là “Chỉ thích cái thích của người mà không tự thích cái thích của mình”[3]. Cái thực tại người vẫn luôn luôn tồn tại trong những điều bình dị và hết sức đời thường. Ta cũng hiểu lí do vì sao trong truyện Kiều, nhân vật đáng cảm thông nhất và gần gũi với con người nhất vẫn là Thúc Sinh. Không như Kim Trọng và Từ Hải, chỉ là những nhân vật mang tính ước lệ, quá lí tưởng đến mức hầu như không thực.

Nhân vật Lệnh Hồ Xung hấp dẫn người đọc trước hết ở chỗ sống rất thực và rất con người.

Suốt cuộc đời hành sự của Lệnh Hồ Xung, từ lúc lừa Điền Bá Quang để cứu Nghi Lâm, bị hàm oan là giết sư đệ, lấy cắp kiếm phổ, tình cờ gặp Doanh Doanh, qua hình ảnh Bà Bà, ngoài ngõ trúc thành Lạc dương, được quần hào hắc đạo nghênh đón trên sông, bốn cột với giáo chủ Ngũ độc giáo Lam Phương Hoàng, uống rượu tại Ngũ bá cương, cho đến khi sống chung với Doanh Doanh bên suối vắng, rồi rời chùa Thiếu lâm, giúp Hường Ván Thiên đánh quần hùng hai phe hắc bạch, vô tình cứu Nhậm Ngã Hành, học Hấp tinh đại pháp, ám trợ phái Hằng sơn lột mặt nạ bọn Tung sơn, kéo quần hùng đại náo Thiếu lâm tự, từ chối gia nhập Nhật nguyệt thần giáo...

Những việc làm của gã dù đúng hay sai đi nữa thì Lệnh Hồ Xung vẫn

hiện chân dung là gã lã ng tư đa tình sống bạt mạng, sống say mê, sống rất chân thành và chân tình với cái Tâm hoàn toàn trong sáng. Các bậc chân nhân xưa nay đều quý trọng chữ thành [4]! Chính vì lẽ đó mà sau này, dù mang tiếng bao tai tiếng hư đồn, bị trục xuất khỏi phái Hoa sơn thì Lệnh Hồ Xung vẫn lọt vào mắt xanh của hai bậc Thái sơn Bắc đầu trong võ lâm là Phương Chứng đại sư và Xung Hư đạo trưởng.

Và càng oái ăm hơn khi Định Nhân sư thái trước lúc lâm chung lại chọn mặt gởi vàng, uỷ thác cho gã làm chủ môn phái Hằng sơn toàn là các ni cô!.

Chính nhờ bản tính hồn nhiên khoáng đạt, giỏi ứng biến mà môn Độc cô cửu kiếm trong tay Lệnh Hồ Xung còn đạt đến những thành tựu cao hơn cả vị Thái sư thúc tổ Phong Thanh Dương. Ngay cả Nhậm Ngã Hành khi ngồi trong đại lao dưới đáy Tây hồ, cũng

không tin nổi điều đó khi nghe thuật lại việc một đại cao thủ là Nhị trang chúa Hắc Bạch tử bị gã đánh cho liểng xiểng, đến chiêu thứ bốn mươi cũng không phản kích nổi!.

Cái bản tính hồn nhiên khoáng đạt đó, một biểu hiện khác của trạng thái vô tâm, là yếu quyết để lĩnh hội kiếm ý trong Độc cô cửu kiếm, có thể có được không nếu gã không phải là một tu đồ, đệ tử của Lưu Linh? Vị sư mẫu gã cũng nhận định về gã: bừa bãi thành tánh, hời hợt rệu chè (hồ nào nhậm tánh, khinh phù háo tu).

Nhưng cũng chính vị sư mẫu đó lại cực kì thương yêu gã như con ruột vì bà hiểu tâm lòng của gã rất chân thành, cái tâm của gã rất trong sáng.

Không phải ngẫu nhiên mà trong Tiểu ngạo giang hồ, Kim Dung để cho nhân vật Nhạc Bất Quần - với ngoại hiệu Quân tử kiếm - làm sư phụ Lệnh Hồ Xung.

Kim Dung cố tình muốn làm nổi bật nét tương phản của chữ ngụy và chữ thành giữa hai thầy trò. Một bên che đậy tà tâm thâm độc dưới lớp vỏ cực kì khuôn thước qui củ, một bên cứ hồn nhiên theo ý thích mà hành sự, xét thấy không thẹn với lòng là được.

Cuối cùng, khi cái mặt nạ giả dối của vị sư phụ mà gã hằng tôn kính đã rơi xuống để hiện nguyên hình là tên ngụy quân tử vô cùng gian xảo, thì hai thầy trò bị đẩy vào thế phải giao đấu với nhau bằng hai môn kiếm pháp tối cao. Rốt cuộc Độc cô cửu kiếm vẫn chiến thắng Tịch tà kiếm pháp, cũng như chữ Ngụy vẫn luôn luôn phải bị đánh bại bởi chữ Thành!.

Trong Tiểu ngạo giang hồ, nói đến Lệnh Hồ Xung mà không nói đến nhóm Đào cốc lục tiên sẽ là điều thiếu sót lớn. Nhưng đó sẽ là nội dung của

một bài viết khác. Đặt sáu nhân vật hồn nhiên ngây ngô bên cạnh Lệnh Hồ Xung, Kim Dung càng làm tăng thêm vẻ khoái hoạt, bốn đời của gã.

Một tay tu đồ thuộc nòi lãng tử đa tình như Lệnh Hồ Xung thì có thiết tha gì với cái chức Giáo chủ Nhật Nguyệt thần giáo hay cái tham vọng thống trị giang hồ? Có lẽ các thứ đó đối với gã cũng không lí thú bằng uống một vò rượu ngon, rồi cùng người yêu rong chơi bốn biển và thả hồn theo khúc Tiểu ngạo giang hồ trong tiếng hợp tấu của cầm tiêu!

Chương 24: Giang Nam Tứ Hữu - Thảm Kịch Của Tài Hoa

Người xưa bảo “danh cương lợi tỏa”, danh như dây thừng, lợi như xiềng xích luôn trói buộc con người, khó ai thoát ra ngoài vòng thao túng của nó. Nhất là chữ Lợi, luôn biến cuộc đời thành một bãi chiến trường cạnh tranh khốc liệt. Nhiều kẻ trí thức thuở hàn vi luôn sống một cách rất cao nhã, vậy mà khi rơi vào thế giới của đồng tiền vẫn dễ dàng biến thành một con buôn thượng đẳng.

Nhưng kẻ nào có bản lĩnh để không lụy vì lợi thì lại lụy vì danh. Dù con người cho rằng danh cao hơn lợi, Trang Tử vẫn mỉa mai: “Bá Di chết vì danh dưới núi Thú Dương, Đạo Chích chết vì lợi trên gò Đông Lăng. Hai người ấy cách chết chẳng giống, nhưng chỗ tàn sinh hại tính thì như nhau cả (Bá Di tử danh ư Thú Dương chi hạ. Đạo Chích tử lợi ư Đông Lăng chi thượng. Nhị nhân giả sở tử bất đồng, kỳ ư tàn sinh thương tính quân dã)” (Nam Hoa Kinh, Biện Mâu).

Như vậy thì Lợi và Danh đều là hai cái làm lụy người nên tránh.

Những kẻ tài hoa chân chính có chân tài thực học, không lụy vì lợi vì danh thì vẫn phải vướng vào một hệ lụy khác: Đó là lụy vì cái Đẹp. Đem thân chết theo lợi thì bị xem là tiểu nhân, đem thân chết theo danh thì được gọi là quân tử, vậy đem thân để chết vì cái Đẹp, như Lý Bạch ôm trảng, thì gọi là gì? Là tài tử chăng? Trương Trào bảo: “Một chữ tình để duy trì thế giới, một chữ tài để tô điểm căn khôn”. Không có tình thì làm thế giới đổ vỡ, không có tài thì khiến căn khôn tẻ nhạt.

Sinh ra đời, ai cũng mong muốn có tài, tài năng hoặc tài hoa. Có tài năng mà không tài hoa thì thô lỗ, có tài hoa mà không có tài năng thì khó thành công, chỉ có thể đem cái tài hoa tô điểm cho đời, cho trọn cuộc chơi trong cõi bình sinh.

Nhà thơ Tô Đông Pha từng nói: “Nhân giai dưỡng tử cầu thông minh, ngã vị thông minh ngộ nhất sinh” (người ta sinh con, ai cũng mong muốn con mình thông minh, còn ta vì thông minh mà lâm lỡ cả một đời người).

Trong lịch sử văn học Trung Quốc, nhà thơ thông minh và tài hoa nhất là Tô Đông Pha cũng chính là nhà thơ chịu nhiều khổ lụy nhất. Nguyễn Du bảo “Chữ tài liền với chữ tai một vần”. Phải chăng vì kẻ được phú bẩm tài hoa thường hay trào lộng vạn tượng, và đó là điều làm phật lòng Tạo hóa? Như vậy thông minh và tài hoa cũng là thứ làm lụy người, cần phải tránh. Nhưng có thể tránh được không, khi Trời đã vận tài hoa vào người như một nghiệp chướng?

Quy luật bù trừ trong Thiên nhiên rất công bình. Đạo vận động như nước,

lấy chỗ dư bù vào chỗ thiếu. Cho nên, được Trời phú bẩm cho chút tài hoa, ta cũng chớ vội mừng, vì lắm khi đó chính là hiểm họa. Khi cho ta cái gì thì Thiên nhiên sẽ lấy lại của ta một phần tương ứng, lắm lúc phần bị mất đi nhiều hơn cả phần được ban cho.

Trong tất cả các tác phẩm của Kim Dung, thảm kịch của bốn nhân vật tại Cô sơn mai trang có lẽ là thảm kịch nào nùng nhất về hệ lụy của hai chữ tài hoa. Ngày Hương Vân Thiên và Lệnh Hồ Xung đến tìm Giang Nam tứ hữu ở Cô sơn mai trang cũng đúng là lúc Định Mệnh gõ cửa đời họ. Bốn vị chủ nhân của Mai trang được Trời phú bẩm cho tài hoa, không ham thi thố, chỉ quy ẩn lánh đời để canh giữ một tội đồ nguy hiểm, thế mà Định Mệnh cũng không chịu buông tha. Ấu đó cũng là hệ lụy của bọn tài tử suốt vòm trời kim cổ.

Nếu tiếng tiêu của Khúc Dương trưởng lão và tiếng đàn của Lưu Chính Phong hòa quyện trong khúc Tiểu ngạo giang hồ trước lúc lâm chung chỉ là đoạn mở đầu cho bản Giao hưởng Định Mệnh cực kỳ bi tráng, thì đoạn kết thúc của bản giao hưởng đó đã diễn ra tại cổng Cô sơn mai trang bằng cảnh thân bại danh liệt của bốn nhân vật tài hoa của Cầm-Kỳ-Thư-Họa.

Tiếng đàn của Hoàng Chung Công, nước cờ của Hắc Bạch Tử, ngọn bút của Ngọc Bút Ông, chén rượu của Đan Thanh, bốn món chơi tao nhã của khách phong lưu, đã khiến cho bốn vị chủ của nó phải thân bại danh liệt, cũng chỉ vì mãi mê đi tìm cái Đẹp giữa đời. Nếu Dostoievski cho rằng cái thế giới đảo điên này sẽ được cứu rỗi bởi cái Đẹp, thì cái Đẹp cũng chính là mầm mống của tai ương! Vẻ đẹp tuyệt vời của Helène, một vẻ đẹp có thể cứu chuộc được cả ba ngàn thế giới, đã là nguyên nhân cho cuộc chiến tranh tàn khốc kéo dài mười năm dưới chân thành Troie, và đã là nguồn cảm hứng cho nhà thơ thiên tài của Hy Lạp là Homère viết nên trường ca Iliade bất hủ.

Nhan sắc Dương Quý Phi làm điên đảo cả triều đình Đường Minh Hoàng để rồi kết thúc một cách bi thương bằng dải lụa tại Mã Ngôi, để Bạch Cư Dị viết nên Trường Hận Ca, để Lý Thương Ẩn viết nên bài thơ Mã Ngôi được ca tụng đến ngàn thu.

Kẻ đi tìm cái Đẹp giữa đời, dầu đó là kẻ đem tài hoa vào đời để biến trần gian thành một cuộc chơi, thì đó vẫn là kẻ đang tự đóng đinh mình lên cây thập giá đời. Chữ tài hoa sẽ vận vào người tài tử nhiều hệ lụy lạ lùng, đúng như Nguyễn Du đã từng đau đớn thốt lên “Phong vận kỳ oan ngã tự cư” (Những mối oan khiên kỳ lạ do nét phong nhã gây ra, ta tự mang cả vào mình - Độc Tiểu thanh ký).

Tiếng đàn Hoàng Chung Công mệnh mệnh thâm diệu, nhưng chưa kịp

tấu khúc Tiểu ngao giang hồ thì tai họa đã ập tới cổng Mai trang. Chén rượu Thổ phồn của nhân vật hào sảng Đan Thanh vừa mới kịp làm say lòng tri kỷ thì đã chìm mất giữa men đời cay đắng gấp vạn lần. Ngọn bút của Ngốc Bút Ông nằm lăn lóc trước cổng Mai trang như lời cảnh báo cho những ai học đời thư pháp. Và nước cờ xứng danh quốc thủ của Hắc Bạch Tử vẫn còn đi sau rất xa với nước cờ đời.

“Đàn năm cung réo rất tính tình đây; cờ đôi nước rập tình xe ngựa đó, thơ một túi phẩm đề câu nguyệt lộ, rượu ba chung tiêu sái cuộc yên hà”(Nguyễn Công Trứ). Thú chơi tao nhã của khách phong lưu đẹp biết bao. Dem gieo rắc tài hoa để tô điểm cõi trần khôn bằng tiếng đàn nét bút, mãi mê giữa đời để đi tìm cái Đẹp, mà đâu ngờ lòng si mê cái Đẹp lại đem thảm họa đến kề bên.

Trong bốn nhân vật ở Mai trang, Kim Dung đã tỏ ra rất sâu sắc khi để cho cọng người phản bội lại cả nhóm đề cầu xin Nhậm Ngã Hành truyền thụ Hấp Tinh đại pháp lại là một nhân vật chơi cờ: nhị trang chúa Hắc Bạch Tử. Trong các môn cầm kỳ thi tửu, thì kẻ chơi cờ luôn là kẻ phải đầu trí, nên có tâm cơ ứng biến và nhiều mưu mẹo hơn cả, khác với cái tâm hồn nhiên của những nhân vật đắm chìm trong đàn, trong sách vở và trong rượu.

Kẻ tham lợi thì cuồng điên vì lợi lộc, kẻ hám danh thì chìm đắm bởi chức danh, bọn tài tử chân thực trong cõi giang hồ khinh thường cả danh lẫn lợi thì lại si mê quên đời vì chính cái Đẹp của Nghệ Thuật. Gặp kiếm sĩ thì tặng gương, gặp tửu đồ thì mời rượu, đó là lẽ đương nhiên. Cho nên bức tranh Khê trung hành lữ đồ của Phạm Khoan phải dành cho Tứ trang chủ Đan Thanh, chân tích Suất ý thiếp của Trương Húc phải dành cho Tam trang chủ Ngốc Bút Ông, ván cờ Âu huyết phổ phải dành cho Nhị trang chủ Hắc Bạch Tử, khúc nhạc Quảng Lăng tán của Kê Khang phải dành cho Đại trang chủ Hoàng Chung Công.

Hướng Vắn Thiên quả là người tâm cơ siêu tuyệt khi đem bốn báu vật đó ra để bài trí cuộc vượt ngục đầy ngoạn mục của

Nhậm Ngã Hành. Tiếng thở dài nhận tội của Hoàng Chung Công trước bốn vị trưởng lão Ma giáo nghe thật xót xa: “Hỡi ơi, mê say vật đẹp đến nỗi đánh mất cả tâm chí, đều do lỗi của bọn thuộc hạ đắm chìm nơi Cầm Kỳ Thư Họa, để cho người ta nhìn vào điểm yếu” (Ai, ngoạn vật táng chí, đồ nhân thuộc hạ nịch vu cầm kỳ thư họa, cấp nhân khuy đao liễu giá lão đại nhược điểm).

Bốn báu vật Cầm Kỳ Thư Họa đó, đã khiến cho bọn tài tử bao thế hệ phải ngày đêm mơ ước, lại chính là mầm họa sát thân.

Với khách tài hoa thì cõi đời là một trò chơi lớn, một Grand Jeu theo

Héraclite, nhưng đâu phải ai cũng có đủ công lực để đi trọn cuộc chơi. Thích Ca hoàn tất “cuộc chơi” trong cõi Niết Bàn, Lý Bạch tiếp tục “cuộc chơi” bằng cách cuời cá kình lên trời Hãn mạn, Khổng Minh bỏ dở “cuộc chơi” trên Ngũ trượng nguyên, Nietzsche chấm dứt “cuộc chơi” trong nhà thương điên, Bùi Giáng xóa nhòa mọi “cuộc chơi” trong cảnh giới ngao du thù thắng.

Khúc Dương và Lưu Chính Phong gởi gắm “cuộc chơi” trong khúc Tiểu ngao giang hồ. Giang Nam Tứ hữu trả giá “cuộc chơi” bằng cảnh thân bại danh liệt và cái chết oan uổng của Hoàng Chung Công.

Đức Jésus Christ cảnh báo “Kẻ nào dùng gươm sẽ chết vì gươm”, Simone Weil nói tiếp một câu chua chát “Quiconque prend l’épée périra par l’épée. Et quiconque ne prend l’épée pas ou la lâche périra sur le croix” (Kẻ nào dùng gươm sẽ chết vì gươm, và kẻ nào không dùng gươm hoặc buông gươm sẽ chết trên trên cây thập giá) (La Pensateur et La Grâce (Union Générale D’Éditions, Paris, 1948, p.92)!

Kẻ không tài hoa sẽ chết một đời tầm thường đơn điệu, nhưng kẻ tài hoa sẽ chết một cách đau thương, nghĩa đen hoặc nghĩa bóng, có phải thế chăng?

Chương 25: Du Thản Chi - Thảm Kịch Khúc Phượng Cầu Lạc Điều!
(Phụng hiến - Bùi Giáng)

Tôi muốn dùng hai câu thơ thiết tha cháy bỏng đó để làm “hành trang” cùng bạn đọc đi vào tâm hồn của một nhân vật của Kim Dung, nhân vật xứng đáng được gọi là kẻ tình nhân vĩ đại nhất trong mọi nền văn học cổ kim: Du Thản Chi trong Thiên Long Bát Bộ.

Hình tượng cực cùng bi thảm của Du Thản Chi đã gây cho người viết nỗi chấn động kinh hoàng từ thuở nhỏ. Cậu học sinh mới bước vào ngưỡng cấp 3 là tôi ngày ấy đã thần thờ khép tập sách cuối cùng của Thiên Long Bát Bộ lại với tất cả nỗi hoang mang thơ dại của tuổi học trò. Tiếng Du Thản Chi tuyệt vọng kêu gào tên A Tử giữa cảnh trời chiều quan ải, với đôi mắt mù lòa đầm lệ, như đồng vọng mãi trong tâm khảm người đọc, và như muốn réo gọi những ẩn ngữ thương đau nào còn đang mơ hồ chìm khuất giữa nhân gian.

Một thanh niên khỏe mạnh đang lứa tuổi rạo rực thanh xuân, vì muốn trả thù cha, đã tìm cách vượt qua biên giới Hán - Liêu. Hình ảnh người cha gục chết dưới chưởng lực của Tiêu Phong, trong trận huyết chiến kinh hoàng tại Tụ hiền trang, ắt hẳn đã nung nấu trong hồn y mối phụ thù “bất cộng Tù Vi Phạm thiên” cháy bỏng. Thuở lâm hành, ắt hẳn hồn y hằng hái lăm và tác lòng hiếu thảo ấy đã sục sôi biết bao là nhiệt huyết, dù y biết rõ rằng mình tài sức thua kém hẳn Tiêu Phong. Và y đã trà trộn cùng đám người Hán để vượt qua Nhạn môn quan với tâm sự kẻ sang Tần.

Ngọn gió biên thùý ngoài Nhạn môn quan dầu không hắt hiu như trên sông Dịch, nhưng lòng kẻ ra đi ắt hẳn vô cùng khảng khái, vì y hiểu rõ rằng ra đi là “nhất khứ hề bất phục hoàn” khi đem tài lực mình đối chọi với Tiêu Phong. Y đã tìm cách tiếp cận Tiêu Phong và dùng rắn độc để trả thù.

Ngọn roi của Tiêu Phong quật chết con rắn đã dập tắt ngay ước vọng trả thù của người con hiếu hạnh ấy. Con linh cầu đành nhìn con hùng sư bằng đôi mắt bất lực lẫn căm thù. Thất bại lần đầu, chưa nghĩ cho ra phương sách khác, thì y lại gặp phải A Tử và bị vướng ngay vào cái lưới tình vô cùng cay nghiệt. Đề rồi từ đây mở đầu cho một trang bi kịch cực kỳ thảm khốc của tình yêu.

Cô bé tình quái A Tử đã không ném lưới tình bằng những hoa vàng giăng lối, không giăng lưới tình bằng nụ cười hàm tiếu hay bằng khoé mắt thu ba, mà bằng những trò chơi vô cùng man rợ gần như mất cả tính người. Cô đã đem kẻ tình si kia làm vật giải trí trong những trò tiêu khiển, vì thói nhàn rỗi độc ác của một công nương. Nhưng, than ôi, tâm hồn của những kẻ si tình tự cổ chí kim - từ những người tài trí tuyệt luân cho đến kẻ khờ khạo ngu si - vẫn

luôn luôn vô ngần hào hoa trong tinh thể:

(Phụng hiến - Bùi Giáng)

Vâng, tôi xin chấp nhận tất cả. Xác thân tôi đây, linh hồn tôi đây em hãy tha hồ mà dày dọ dầy vò, em hãy cứ cột dây vào cổ tôi rồi cho ngựa kéo đi để biến tôi thành con điều người, hãy cứ hủy hoại xác thân tôi bằng những trò chơi oái ăm tàn nhẫn chưa từng có giữa nhân gian, nhưng em hãy để tôi yêu em, hãy để tôi vĩnh viễn đui mù si dại trong máu lệ của tình câm.

Có biết bao con đại bàng kiêu ngạo bay bổng tuyệt vời, ý chí muốn vượt cả mây xanh, không chịu khuất phục trước hàng hàng lớp lớp cung tên, nhưng lại dễ dàng xếp cánh khi vương phải một sợi tóc cực kì mềm mại! Đó là bi kịch hay là nét đẹp của cuộc đời?

Trong truyện ngắn Marka Tsudra của Maxim Gorki, khi anh chàng Lôikô Zôbar kiêu ngạo, vì bị khuất phục bởi nàng Radda xinh đẹp mà đành phải giết cả nàng rồi tự vẫn, để bảo vệ lòng kiêu hãnh của mình, thì thử hỏi đó là sự kiêu ngạo ngu xuẩn hay nét đẹp tâm hồn của khách mày râu? Đáp án cho câu hỏi này có lẽ vẫn mãi còn lơ lửng đến ngàn thu.

Lúc A Tử cho người hầu dùng cái khuôn sắt nung cháy trùm lên đầu Du Thản Chi và hủy hoại khuôn mặt của, thì trong cơn đau quằn quại xé nát cả thịt da đó, tâm hồn y vẫn hân hoan hướng về cô gái tàn ác như kẻ hành hương hướng về một đấng Chí Tôn.

Trong tâm hồn cuồng điên si dại đó, máu và lệ của môi tình câm đã ngập tràn, như muốn nhận chìm cả môi hôn cắn đã từng sôi sục thuở vượt qua Nhạn Môn Quan để trả mối phụ thù. Có mấy ai lại không động lòng trắc ẩn, thậm chí rung mình, khi đọc đến đoạn Du Thản Chi, với xác thân tàn tạ, bò lết lại gần A Tử như một con chó trung thành, chỉ để được nhìn một gót chân hồng của cô với một tấm lòng hân hoan cảm tạ.

Cái dung nhan kiêu lệ của A Tử trong trang phục uy nguy của một quận chúa Khất Đan hiện ra trước mặt Du Thản Chi như một bậc thần tiên giáng thế. Chi tiết trên tường chừng như vô cùng tàn nhẫn, nhưng nếu chịu khó đọc kinh Hoa Nghiêm, thuật lại cuộc lịch hành chiêm bái của Thiện Tài đồng tử đi cầu Bồ Tát đạo, đến đoạn vị đồng tử kia đến chiêm bái Hưu Xả ưu bà di để vấn đạo, thì chúng ta mới cảm thấy được hết cái thâm hậu trong bút lực của Kim Dung:

“Lúc ấy Hưu Xả ưu-bà- di ngồi toà chơn kim, đội mào hải - tạng - chơn - châu - vông, đeo bửu xuyên chơn kim hơn cỏi trời, râu tóc xanh biếc, đại - ma - ni - bửu trang nghiêm trên đầu, sư - tử - khẩu - ma -ni -bửu làm bông tai, như - ý ma -ni -bửu làm chuỗi ngọc, bửu vông trùm trên thân. Trăm ngàn na-

do- tha chúng sanh cúi mình cung kính ...”.

Có ai thấy ưu - bà-di này thời tất cả các bệnh khổ đều trừ diệt, lìa phiền não, hết kiến chấp, xô núi chướng ngại, nhập cảnh giới vô ngại thanh tịnh nhĩ. Tâm họ rộng lớn đầy đủ thần thông, thân không chướng ngại đến khắp mọi xứ.

Dời qua một bình diện khác, hãy thử thay hình ảnh Hưu Xả ưu bà di bằng A Tử và để cho Du Thản Chi đứng vào vị trí của Thiện Tài đồng tử, thì chúng ta thấy được gì? Hình ảnh lộng lẫy của quận chúa A Tử trong đôi mắt của Du Thản Chi nào có khác gì hình ảnh tôn nghiêm của Hưu Xả ưu bà di, với pháp môn giải thoát “lưu ly an ổn tràng”, trước mắt Thiện Tài đồng tử? Quân hầu thị tỳ vây quanh cung phụng quận chúa có khác gì “Trăm ngàn na-do- tha chúng sanh cúi mình cung kính”?

A Tử ưu bà di đang thị hiện kim thân trước đồng tử Du Thản Chi trong cuộc lịch hành chiêm bái giữa Mê Cung huyền ảo của tình yêu. Cái my lực kỳ dị của hồng nhan thừa sức xua tan đi bao nỗi phiền đau khổ. Đây gót sen hồng, đây bàn tay ngà ngọc với những với đường gân xanh nhỏ li ti, hơi kẻ si tình hãy hôn đi, hãy chỉ một lần chạm nhẹ môi vào cũng đủ để cảm nhận được vạn đại thiên thu về dồn tụ trong khoảnh khắc.

Trong cái giây phút chiêm ngưỡng đắm say đó, ắt hẳn kẻ si tình kia hân hoan vô tả và cảm thấy được “tất cả các bệnh khổ đều trừ diệt, lìa phiền não, hết kiến chấp, xô núi chướng ngại, nhập cảnh giới vô ngại thanh tịnh”! Cái tâm si của con người khi yêu quả có đủ sức mạnh để kiến tạo nên một Thiên Đường lộng lẫy từ cõi Địa Ngục u minh.

Còn gì chua xót hơn khi Du Thản Chi tình nguyện dâng cặp mắt - cái vốn liếng duy nhất còn lại trên đời để y có thể đổi mặt được với A Tử - với tâm nguyện cứu A Tử thoát khỏi cảnh mù loà, dù biết rõ rằng điều đó sẽ khiến bi kịch tình yêu của mình thêm tan hoang đổ vỡ. Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt, tôi đuì mù cho thỏa dạ yêu em. Cái đuì mù nghĩa bóng trong thơ đã được Du Thản Chi thực hiện theo nghĩa đen bằng tất cả khối si tâm. Lưỡi dao trên cung Linh Thứu khi đặt vào đôi mắt Du Thản Chi đã mở ra chân trời huyền mật trong tâm thức luyến ái của nhân gian!

Hình ảnh A Tử móc mắt ném trả Du Thản Chi, rồi ôm xác Tiêu Phong rơi vào vực thăm mà đã được Bùi Giáng gọi là: “triệt để mù loà chạy vào sa mạc của tình yêu”, thế thì còn ngôn từ nào thiết tha hơn nữa sẽ dành cho hình ảnh Du Thản Chi mù loà và cô đơn, kêu gào tuyệt vọng tên người yêu giữa cảnh trời chiều quan ải?

Ngày vượt Nhạn Môn Quan với hiếu tâm bông bột, để cuối cùng một

mình đứng chết lặng giữa gió chiều với một khối si tâm. Cuồng điên máu lệ tình câm. Bước chân A Tử xa xăm muôn trùng. Bóng chiều qua ải mông lung. Y không biết rằng bóng chiều đang phủ xuống, vì trong hai hốc mắt kia bóng tối đã vĩnh viễn ngập tràn. Y cũng không biết rằng A Tử đã chết. Điều đó có nghĩa là y phải tiếp tục sống đọa đầy trong nỗi đợi chờ khắc khoải.

Hãy tưởng tượng một kẻ mù loà si dại thất thểu giữa giang hồ để đi tìm một người yêu đã chết, bằng một trái tim say đắm thiết tha! Kim Dung đã xây dựng một hình tượng làm tan nát cả lòng người. Ông không để Du Thản Chi chết ngoài quan ải, ông không muốn vùi chôn Du Thản Chi nơi đồng quanh chốn biên cương, mà muốn mai táng y trong muôn triệu tâm hồn của những tình nhân suốt vòm trời kim cổ. Đây khối tình si đến chỗ tận tuyệt của thảm khóc đoạn trường có lẽ khó có ai qua nổi Kim Dung với hình tượng Du Thản Chi.

Con người sinh ra chỉ để đi tìm lại “một nửa của mình”, hay đi gieo một khúc phượng cầu như Tư Mã Tương Như thuở trước. Phượng hê! phượng hê! Qui cố hương. Ngao du tứ hải cầu kỳ hoàng. Con chim phượng rong chơi bốn bể để ngày qui hồi cố quận tìm lại được chim hoàng. Lời ca đó trong cung đàn của con chim phượng Tư Mã đã nhận được hồi ứng từ con chim hoàng Trác Văn Quân.

Chúng ta cũng đã bao lần gieo khúc phượng cầu Nếu được ứng họa thì phượng và hoàng sẽ sánh đôi để cùng nhau nhả nhạc cho đời, còn nếu không được ứng họa hay lạc sai cung điệu thì, đối với chúng ta, trong đau thương vẫn có chút ngọt ngào, trong đắng cay vẫn còn niềm thơ mộng. Còn Du Thản Chi?

Nói bất cứ điều gì về Du Thản Chi chúng ta ắt hẳn đều cảm thấy có chút gì tàn nhẫn, vì nỗi khổ đau của y quá lớn, cảnh đoạn trường mà y trải qua quá độ thấm sâu. Một nhân vật hư cấu trong tiểu thuyết mà sao vẫn có thể làm cho chúng ta quay quắt thương đau đến thế, phải chăng vì hình tượng đó phản ánh được tiếng nói thực của con người trong tình mộng cuồng điên?

Thay Lời Kết: Lai Rai Chén Rượu Giang Hồ

Núi hùng vĩ điệp trùng, cao phong tiểu bích vươn đến trời xanh, nhưng núi đẹp là nhờ mây. Sông mênh mông bát ngát, uốn khúc lượn lờ hay cuồn cuộn thét gầm, nhưng sông linh là nhờ có giao long, thủy quái. Rừng bạt ngàn huyền bí nhưng rừng thâm u quyến rũ là nhờ có dị sĩ cao nhân. Khách hảo hán giang hồ phiêu bồng lang bạt mang bản chất hào sảng khoáng đạt một phần là nhờ rượu.

Nền văn hoá phương Đông không có một vị tửu thần như thần Dionysos trong thần thoại Hi Lạp, nhưng có lẽ chỉ ở phương Đông mới có một tửu đồ cuồng si đời Tây Tấn tên là Lưu Linh ngộ đến mức làm bài thơ Tửu đức tụng ca ngợi cái Đức của rượu, được lưu truyền ở đời, gây ảnh hưởng nhất định.

Theo Tấn thư thì Lưu Linh, tự Bá Luân, quá ham mê uống rượu. Một hôm, vợ đập vỡ vò rượu, khóc bảo: “Ông uống rượu quá nhiều, đó không phải là cái đạo nhiếp sinh, phải bỏ bớt đi”. Lưu Linh nói “Ta không thể tự cấm được, phải cầu quỷ thần lên để khấn nguyện, vậy phải đủ rượu thịt để làm lễ chứ!” Vợ nghe lời làm theo. Lưu Linh bèn quỳ xuống khấn rằng: “Thiên sinh Lưu Linh, Dĩ tửu vi danh, Nhất ẩm nhất học, Ngũ đầu giải tinh, Phu nhơn chi ngôn, Thận bất khả thính?”

Văn học Trung quốc qua bao thời đại không thiếu thơ văn ca ngợi rượu. Thậm chí rất nhiều. Thông thường người ta chia ra làm ba cách uống rượu: tục tửu, thường tửu và tiên tửu. Tục tửu là uống đến chỗ phóng đảng bừa bãi, không làm chủ được mình. Thường tửu là uống xong cho sảng khoái, uống chỉ vì thích uống mà thôi. Tiên tửu là uống rượu như một thứ trợ hứng để bàn về thi ca, nghệ thuật nhằm di dưỡng tinh thần. Đến Kim Dung thì chén rượu lại được điểm xuyết thêm một phần ý vị nữa: đó là chén rượu lãng mạn hào hùng giữa chốn giang hồ. Đối với cuộc sống rong ruổi phiêu bạt của khách võ lâm, có thể trong buổi tiễn đưa hoặc buổi trùng lai thiếu tiếng đàn tiếng hát, nhưng chắc chắn trong nỗi buồn li biệt hay trong niềm vui hội ngộ đó luôn luôn có rượu. Chung quanh chén rượu và ngay trong chén rượu có biết bao nhiêu tâm sự của muôn vạn mảnh đời.

Khắp võ lâm, từ trà đình tửu quán cho đến chốn núi thẳm rừng sâu, hễ nơi đâu có mặt hảo hán giang hồ là y như nơi đó có rượu. Một điều đáng ghi nhận là trong tác phẩm Kim Dung, hầu như những nhân vật nào đam mê rượu cũng đều có tâm hồn hào sảng, phóng khoáng. Đó là một Tiêu Phong kiêu dũng, một Hồng Thất Công cương trực, một Lệnh Hồ Xung khoáng đạt, một Đan Thanh hào phóng...

Bang chủ Hồng Thất Công do tính ham rượu và nhậu nhẹt nên bị Hoàng Dung dùng mẹo lừa để ông phải truyền tuyệt kỹ “Hàng long thập bát chưởng” cho Quách Tĩnh. Đoàn Dự khi lang bạt giang hồ tìm Vương Ngọc Yến, thấy Tiêu Phong ngồi uống rượu trên Tùng hạc lâu mà sinh cảm mến, cùng nhau uống rượu rồi kết làm huynh đệ. Đó là cách uống rượu hào sảng của khách anh hùng. Đoàn Dự dùng Thiếu trạch kiếm để tiết hết rượu ra khỏi người theo đầu ngón tay út mới có thể đối ẩm với “đại tửu... lâm cao thủ” là Tiêu Phong. Đó là cách uống rượu đầy tiểu xảo mà Đoàn Dự vô tình phát hiện. Và chỉ trong tác phẩm Kim Dung mới có được “pha” uống rượu thú vị thế kia.

Nếu chén rượu đầy mưu trí của Lệnh Hồ Xung trên Trích Tiên tửu lâu khi lừa Điền Bá Quang để cứu Nghi Lâm làm người đọc vừa buồn cười vừa thần phục thì chén rượu thương đau của gã trên đỉnh Hoa Sơn lạnh buốt lại đắm chìm trong nỗi nhớ thương cô tiểu sư muội Nhạc Linh San, làm cho người đọc ngậm ngùi. Một tên dâm tặc vô hạnh như Điền Bá Quang lại biết lên vào hầm rượu của Trích Tiên tửu lâu đập vỡ hết gần hai trăm vò rượu quý hiếm trên thế gian, chỉ giữ lại hai vò để mang lên đỉnh Hoa Sơn cùng đối ẩm với Lệnh Hồ Xung, đã làm cho người đọc phát sinh hảo cảm, dù gã đã bị cả hai phe hắc bạch khinh bỉ là hạng “vô ác bất tác đích dâm tặc” (tên dâm tặc không có điều ác nào mà không làm). Thử hỏi trong đời có mấy ai được uống một chén rượu chí tình đáng cảm động thế kia? Một chi tiết nhỏ đó thôi chắc cũng đủ khiến cho tửu đồ khắp thiên hạ cùng nhau nâng chén rượu tha thứ phần nào tội lỗi cho Điền Bá Quang!

Đâu phải chỉ trong tiếng đàn, tiếng tiêu cao nhã mới có thể tạo nên mỗi đồng cảm tri âm như Khúc Dương trưởng lão và Lưu Chính Phong, mà một chén rượu đục trong chốn giang hồ vẫn đủ sức để tạo nên mỗi tình tri ngộ giữa một người mang tiếng bại hoại và một môn đồ phe chính giáo. Cái chân tâm trong chỗ giao tình vẫn luôn luôn nằm bên kia âm thanh cũng như luôn luôn nằm đằng sau chén rượu! Rượu hay âm nhạc lúc đó chỉ là phương tiện để con người tìm gặp nhau ở một điểm nào đó trong chỗ ý hợp tâm đầu. Khi Lệnh Hồ Xung tung chén rượu lên trời thành muôn ngàn giọt để cùng chia sẻ với quần hùng hắc đạo trên đỉnh Ngũ Bá cương, Kim Dung đã cực tả tính hào sảng của một gã tửu đồ giữa niềm thống khoái chân tình với hào kiệt giang hồ.

Hình ảnh kiêu hùng của Hướng Vân Thiên khi bị trói đôi tay mà vẫn trầm tĩnh ngồi uống rượu trong lương đình giữa vòng vây của hai phe hắc bạch, đã khiến Lệnh Hồ Xung trời dậy hào khí, liều lĩnh chen vào ngồi đối ẩm để cùng xẻ chia hoạn nạn. Người đọc không ngạc nhiên vì sao sau này, khi Giáo chủ

Nhật nguyệt thần giáo Nhậm Ngã Hành thống lĩnh giáo chúng vây Hoa Sơn để tiêu diệt Ngũ nhạc kiếm phái, đẩy Lệnh Hồ Xung vào thế đối địch, thì Hướng Văn Thiên là người đầu tiên bạo dạn cùng uống với Lệnh Hồ Xung một chén rượu cuối cùng ngay tại đường trường trước khi chuẩn bị cho một trận huyết chiến sắp tới, dù biết rõ Nhậm Ngã Hành đang ngấm ngấm phần nộ.

Rồi lần lượt các tay hào kiệt khác trong Nhật nguyệt thần giáo cũng can đảm bước ra cạnh chén với Lệnh Hồ Xung dù trong thâm tâm họ cũng hiểu rằng điều đó sẽ gây thịnh nộ cho Giáo chủ và cái giá phải trả đằng sau chén rượu kia có khi là cái chết. Biết bao nhiêu hào khí hùng tâm chứa chan trong một chén rượu nồng! Lệnh Hồ Xung kết giao hào kiệt giang hồ chủ yếu bằng rượu. Gặp bất kì người nào sành rượu và thích uống rượu là giao tình nảy nở. Đối với Lệnh Hồ Xung dường như không có chính hay tà mà chỉ có rượu ngon hay dở và nhất người nâng chén rượu cùng uống có đáng mặt hảo hán để giao kết hay không mà thôi. Lúc đó thì ân oán thị phi đều có thể hoà tan trong chén rượu chân tình.

Nếu chén rượu của Lệnh Hồ Xung đầy tính lãng mạn thì chén rượu của Tiêu Phong lại rất mực hào hùng. Khi uống rượu vào những giây phút quyết định tử sinh thì chén rượu của Lệnh Hồ Xung vẫn mang chất khoái hoạt phiêu bồng còn chén rượu của Tiêu Phong lại tràn đầy hào khí! Tại Tụ Hiền trang, trước khi cùng quần hùng quyết đấu, Tiêu Phong vẫn cùng họ uống rượu để tuyệt tình. Chén rượu ném đi, giao tình đứt đoạn và cuộc chơi sinh tử bắt đầu. Nhưng đến chén rượu trên chùa Thiếu Lâm mới thật chan chứa hùng tâm. Khi tình cờ bị vây hãm trên đỉnh Thiếu Thất bởi vô số những cao thủ cự phách, Tiêu Phong trong cảnh lâm vào tuyệt địa vẫn hiên ngang uống rượu. Khi đánh lui một lúc cả ba đại cao thủ Du Thủ Chi, Đinh Xuân Thu, Mộ Dung Phục, khiến Tiêu Phong hào khí ngất trời, ông hô vệ sĩ mang mấy túi rượu uống cạn một lúc gần hai mươi cân, rồi ngỏ lời cùng Đoàn Dự: “Huynh đệ, ta và người hôm nay đồng sinh tử, thật không uống phí một phen kết nghĩa, sống cũng tốt mà chết cũng tốt, chúng ta hãy cùng nhau uống một trận cho thật thống khoái! “. (Huynh đệ, nể ngã sinh tử vì cộng, bất uống liễu kết nghĩa nhất trường, tử dã bất, hoạt dã bất, đại gia thống thống khoái khoái đích hát tha nhất trường!) Hào khí bức người của Tiêu Phong khiến nhà sư Hư Trúc cảm kích quên hết giới luật thanh qui, cùng nhau cạn chén. Cảnh tượng một tay đại hào kiệt là Tiêu Phong cùng anh chàng đồ gàn Đoàn Dự và nhà sư Hư Trúc làm lễ giao bái và uống rượu ngay trong vòng gươm đao trùng điệp để chuẩn bị mở một trường đại sát thật láng lai hào khí của võ lâm,

khiến cho người đọc cảm thấy hùng tâm hứng khởi như đọc Sử kí Tư Mã Thiên đến đoạn Thái tử Đan tiễn Kinh Kha qua sông Dịch. Đó không phải là chén rượu liêu lĩnh của bọn dũng phu cùng đường, mà là chén rượu của những tay hào tuấn xem cái chết như là “một cõi đi về ” khi đã cảm nhận trọn vẹn được tấm chân tình của nghĩa đệ huynh! Sống ở nhân gian mà có được một người tri kỉ thì có chết đi cũng không đến nỗi uổng phí bình sinh! Uống rượu hào hùng đến trình hạn ấy mới là chỗ mà thơ Lý Hạ gọi là Chân thị Kinh Kha nhất phiến tâm.

Nhưng uống rượu như Tiêu Phong hay Lệnh Hồ Xung cũng chỉ là cách uống rượu hào hùng thống khoái của hảo hán giang hồ, mà cách uống rượu của Đan Thanh tiên sinh - đệ tứ trang chủ Cô sơn Mai trang - hay Tổ Thiên Thu mới đúng là hạng tửu đồ thượng thừa sành điệu. Người đọc ắt hẳn phải thâm tạ Kim Dung đã tặng cho đời những trang tuyệt bút về rượu. Uống nào phải dùng chén ấy. Chén ngọc hay chén lưu li làm rượu nổi thêm màu sắc, chén sừng tê làm rượu thêm hương vị. Uống rượu bò đào phải dùng chén dạ quang, vì khi rót vào chén dạ quang thì rượu bò đào sẽ có màu đỏ như máu, khiến cho quân sĩ ngoài biên tái uống vào thêm hùng khí chiến đấu. Uống rượu Thiệu hưng trạng nguyên hồng phải dùng chén cổ đời Bắc Tống. Uống rượu Lê Hoa phải dùng chén Phỉ Thúy. Các quán rượu tại Hàng Châu thường treo cờ xanh trước tiệm rượu để ánh sáng chiếu màu xanh vào chén rượu Lê hoa như màu phỉ thúy v.v... Thử hỏi mấy ai đọc Đường thi mà có thể cảm nhận ra chỗ tận diệu trong lời thơ thế kia, nếu như không có những “nhà tửu học” như Tổ Thiên Thu? Tổ Thiên Thu phân tích về rượu làm ta nhớ lại lão ăn mày trong Vang bóng một thời của Nguyễn Tuân bình phẩm về trà. Họ đều là những nghệ sĩ tài hoa trong làng trà làng rượu. Với Đan Thanh và Tổ Thiên Thu thì uống rượu đã trở thành một loại nghệ thuật. Uống rượu đến mức đó là gần như nâng rượu lên thành Tửu đạo. Đáng tiếc thay, ở phương Đông, cái tạm gọi là Tửu đạo đó lại không được lịch sử phát triển thành một trào lưu như Trà đạo. Có lẽ vì nó giống như con dao hai lưỡi. Kẻ non nớt dùng nó ắt sẽ bị đứt tay. Tiên tửu chưa chắc đã thấy đâu mà tục tửu có thể đã ngập tràn trong thiên hạ!

Chén rượu ngày nay đã mang quá nhiều tục sắc. Tửu vị cho dầu đã được nâng lên thêm mấy bậc nhưng tửu đạo lại bị hạ xuống thấp mấy tầng! Giá như Tổ Thiên Thu và Đan Thanh sống lại ắt hẳn sẽ mời tất cả các tửu đồ trong thiên hạ đời nay tụ tập lại để giảng cho nghe về tửu đạo và cùng nhau lai rai một chén rượu giang hồ!

